

diễn đàn

số 4 / 1.1.1992

ISSN 1164-2378

F O R U M

Năm Mới

mộng và thực

Bước sang năm 1992 và chuẩn bị đón tết Nhâm Thân, chúng ta hãy thủ theo đúng phong tục Việt Nam : dọn dẹp nhà cửa, tẩy trù tà ma để gia đình sum họp chào mừng xuân mới.

Trong lãnh vực tinh thần, tà ma ghê gớm nhất đã ám ảnh tâm tư Việt Nam — trong nước và ngoài nước — là những ảo tưởng. Như mọi ảo ảnh, điểm xuất phát thường là những ước vọng và quan tâm có cơ sở, nhiều khi chính đáng. Nhưng, do bị cắt đứt với thế giới thực tại, nhất là trong một thời đại biến động toàn bộ và tăng tốc, con người ta dễ ngộ nhận, hoang tưởng, và từ đó, hành động ngược lại những ước vọng và quan tâm ban đầu, biến cuộc khủng hoảng vốn đã khó giải quyết thành một thảm họa vô phương cứu rỗi.

(xem tiếp trang 4)

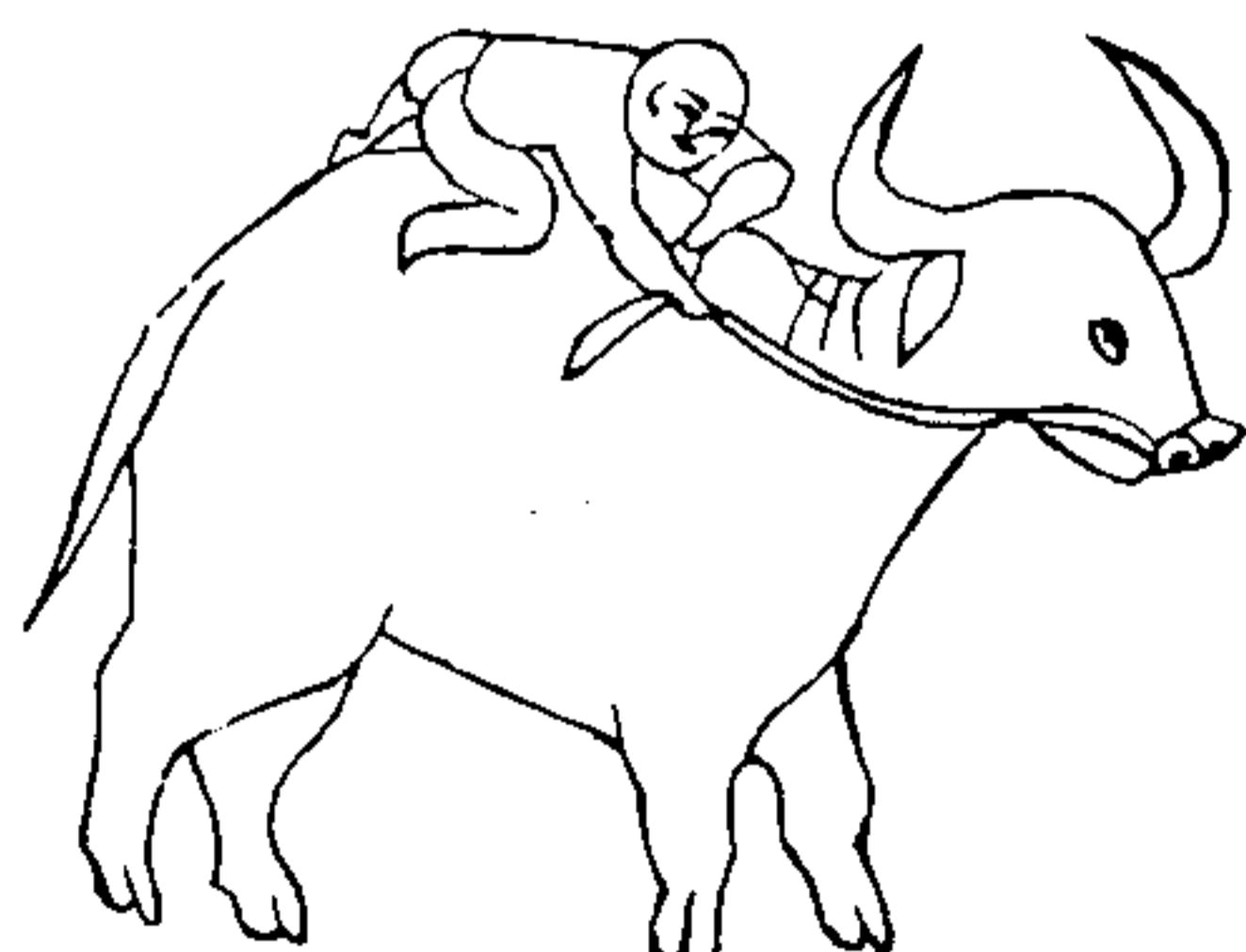
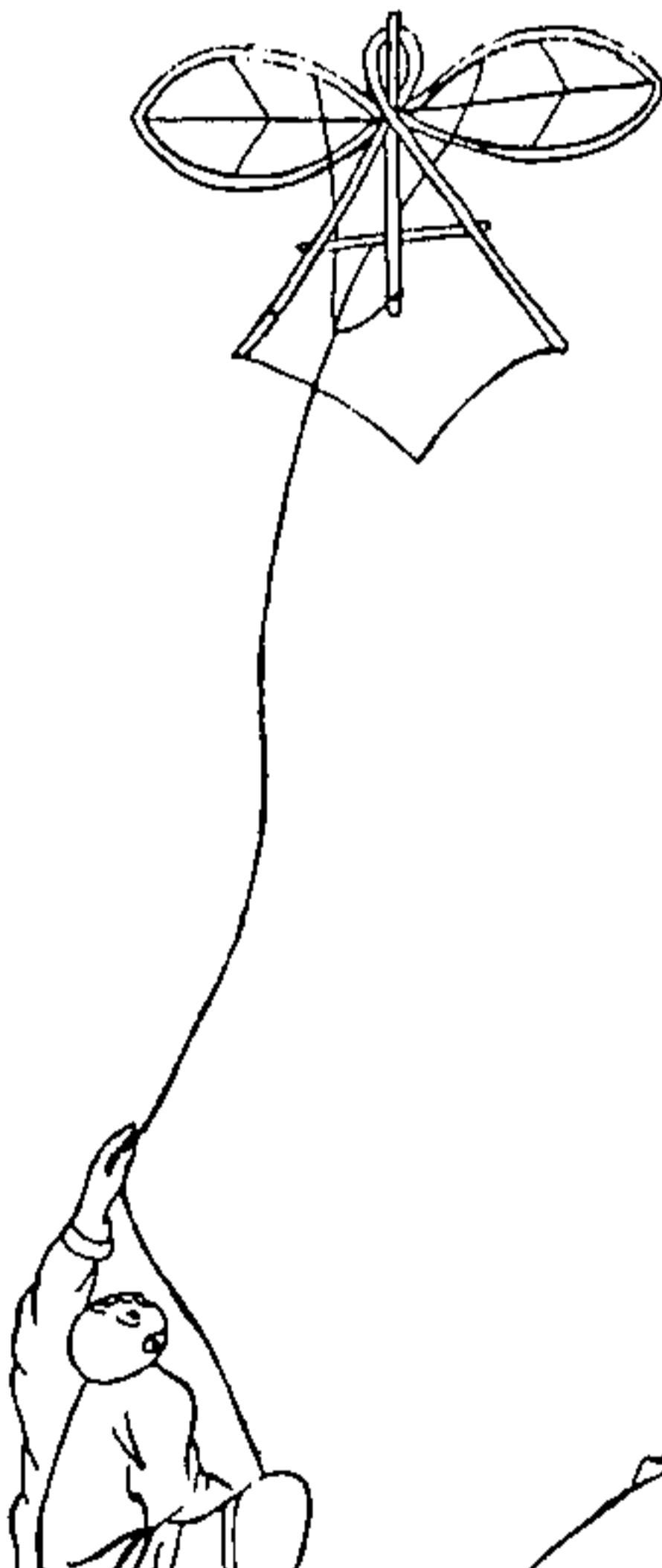


mục lục

thời sự	Bạn đọc và Diễn Đàn	2
	Mộng và thực (Nguyễn Ngọc Giao)	1
	Quản lý ngoại hối (Lâm Võ Hoàng)	5
	La chute de la maison URSS (Nguyễn Quang)	6
cộng đồng	Dương Thu Hương, một bài học, một câu hỏi (Đơn Hành)	8
	Việt Nam đã qua sắp tới	9
	Triển lãm tranh Nguyễn Bình Minh	12
	Bị hư thai vì bác sĩ	12

văn hóa văn nghệ

Nguyễn Trường Tộ (Vĩnh Sình)	13
Khủng hoảng giáo dục (Bùi Mộng Hùng)	16
Ed. des Femmes kiệu V.V.Ái (Hà Duy)	20
Diễn Đàn và ghetto (Đặng Tiến)	22
Ghetto chí... (Bùi Mộng Hùng)	23
Đọc sách : Trí thức và lịch sử, Bùi Tín, Boudarel (Nguyễn Thắng, Đặng Tiến, Kiến Văn)	24
Kiêm ái, truyện ngắn (Phạm Thị Hoài)	29
Thơ Thanh Thảo, D. Tường, Đỗ Quyên	32



Bạn đọc và



Trong thời gian vừa qua, DiỄn ĐÀn tiếp tục nhận được giấy mua báo dài hạn của bạn đọc ở nhiều nước. Một số bạn đã kèm theo (hoặc gửi riêng) thư từ và bài vở cho báo :

Lê Phương (Cergy), Trần V.K. (Paris), Đỗ L.T., Nguyễn H.M. (Bỉ), Đặng H.C. (Antony), Hồng Nhuệ (Le Perreux), Mahé R. (Drôme), Đào T.N. (Lille), Ngô Đồng (Peymeinade), N.H.T. (Paris); Chúng tôi cũng đã nhận được các tạp chí Tin Nhà (Paris), Cánh Én (Baiersdorf, Đức), Điểm tin báo chí (Plzen, Tiệp), DiỄn ĐÀn (Praha, Tiệp), Thông Luận (Paris), Người Dân (California, Mỹ), Đất Mới (Canada), Bông Sen (Mỹ)...

Xin chân thành cảm ơn các bạn. Nếu thấy bài mình không được đăng trên hai số DiỄn ĐÀn liền, xin các tác giả tự tiện sử dụng như ý muốn.

Nhân dịp này, xin nhắc lại một số thể lệ về bài vở gửi cho DiỄn ĐÀn (cũng là thể lệ thông thường của báo chí):

1. Trước hết, DiỄn ĐÀn chỉ có thể xử lý những thư từ và bài vở gửi đến tòa soạn với tên thật và địa chỉ của tác giả (Điều này không loại trừ việc sử dụng bút hiệu trên bài đăng báo). Nếu được, xin cho biết luôn số điện thoại của tác giả để chúng tôi dễ bề liên lạc.
2. Bài vở xin viết (đánh máy) trên một mặt giấy.
3. Bài gửi cho DiỄn ĐÀn, xin không cùng một lúc gửi cho báo khác. Bài không đăng, không trả lại bản thảo.

Bàn về “ Ông ” và “ Người ”

Sau bài “suy nghĩ nhỏ” của Hàn Thủy trong DiỄn ĐÀn số 3, nói về “Bác Hồ” hay “Ông Hồ”, chúng tôi nhận được một bài góp ý dài (8 trang đánh máy) của bạn Hồng Nhuệ, và khi báo lên khuôn, một bài khác của bạn Ngô Đồng. Tiếp tục thảo luận về vấn đề Hàn Thủy nêu lên có lẽ là một việc chưa nhất thiết lắm, chúng tôi chỉ xin trích đăng dưới đây một hai đoạn trong bài viết của Hồng Nhuệ, về ý nghĩa ngôn ngữ học của chúng.

Sau khi nhận xét — với những dẫn chứng từ 2 tập “Lịch sử Việt Nam”, Hà Nội 1971 và 1985 — rằng sách vở Việt Nam nhất luật toàn dùng chữ “Người” — viết hoa — để chỉ Chủ tịch Hồ Chí Minh, trong khi vẫn dùng chữ “ông” một cách bình thường khi viết về những nhân vật lịch sử khác, Hồng Nhuệ viết tiếp :

“Nếu cuốn Lịch sử viết cho nội bộ dùng thì không sao, còn nếu là viết cho toàn dân thì cách xưng hô này không tiện và làm duyên cớ cho một sự phản kháng để dì tơi dụng độ (...).”

Sau đây chúng tôi tìm hiểu thêm về nguồn gốc chữ “người”.

Ý nghĩa chữ “Người” theo Alexandre de Rhodes 1651.

Không phải chỉ sau này, với đảng Cộng Sản, người ta mới bắt đầu khám phá ra cái chữ thần tình này. Alexandre de Rhodes năm 1651 đã ghi trong *Từ điển* của ông : “*Người, ille, eius, loquendo cum honore sed solum de habentibus humanam naturam (người ấy, nó, khi nói cách cung kính, nhưng chỉ nói về những người có bản thể loài người mà thôi); tôi kính dài người, illius voluntas fiat*”. [Chú thích của tòa soạn : kính dài = kính sợ. Đại Nam Quốc Âm tự vị ; Huỳnh Tịnh Paulus Của, 1985]

Theo định nghĩa của de Rhodes thì chữ *người* là một đại từ chỉ ngôi thứ ba, khi nói về người nào có thể giá, có quyền hành, thế nhưng đại từ ngôi thứ ba này chỉ áp dụng cho loài người và như vậy theo ông không dùng cho Thượng Đế, Thiên Chúa được vì không thuộc bản tính nhân loại.

Vì thế mà trong *Phép giảng tám ngày* 1651, ông không dùng khi phải nói tới Chúa, mà chỉ dùng khi nói tới người. Và ông đã dùng không đúng chỗ. Không đúng chỗ, nhưng rất thích hợp với sự giải nghĩa của ông. Khi nói tới đoạn sách Phúc Âm “*Đức Giêsu vâng lời chịu lụy cha mẹ mình*” thì ông viết : “*Đức Chúa Giêsu chịu lụy người cho đến 30 tuổi*” (sd, tr. 172). Trong một đoạn khác, khi Đức Giêsu chữa cho một cậu thiếu niên được khỏi mù, thì người ta đã làm khó dễ cho cậu và đuổi cậu ra khỏi hội đường phụng sự tôn giáo thời đó. Ông viết : “*Các thầy thì thưa đều kiêu ngạo mà xỉ vả người rằng...; bây giờ xua người ra ngoài...*” (sd, tr. 198). Mặc dầu có một sự ngây ngô, nhưng cái ngây ngô của một người bập bẹ học tiếng Việt vào đầu thế kỷ 17 và tập viết bằng tiếng Việt, bằng chữ quốc ngữ thời phôi thai.

Trong *Khái luận ngữ pháp tiếng Việt* 1651, de Rhodes viết trong mục về các đại từ như sau : “*Về ngôi thứ ba... khi chúng ta tỏ ra chức vị hoặc cấp bậc dài của họ thì dùng người, có nghĩa là người ấy nhưng có sự tôn trọng, thí dụ con người, con của người ấy... Nhưng khi nói về Thiên Chúa... thì không nên dùng...*”

Chữ “người” trong *Pigneaux de Béhaine* (Bỉ Nhu) năm 1774. Ông này để lại một sách giáo lí viết bằng chữ nôm in tại Canton năm Cảnh Hưng tam thập tú, chính giám mục Bá Đa Lộc đề tựa. Sách này nhan đề là *Thánh giáo yếu lí quốc ngữ*. Chúng tôi chép tay được bản quốc ngữ phiên âm từ bản chữ nôm. Ở đây, tác giả hoàn toàn dùng “người” để chỉ Thiên chúa, khi phải viết về ngôi thứ ba, trái với de Rhodes, vì de Rhodes tránh không muốn dùng “người” để chỉ Chúa. Thực ra, người ta cũng không thể làm gì hơn được : tiếng Việt rất khó, khi phải dùng tới cách xưng hô. Vậy chữ “người” được ghi một cách trang trọng. Hãy đọc vài câu trong cuốn giáo lí năm 1774 này.

Ngay ở phần thứ nhất dạy về sự Một Chúa Ba Ngôi, người ta đã đặt câu hỏi thưa :

“*Hỏi : lấy phép tắc vô cùng nghĩa là gì ? Thưa : Nghĩa là bởi không mà người phán một lời, tức thì liền có trời đất muôn vật*”.

Chữ người ở đây hẳn phải viết bằng chữ hoa.

“*Hỏi : Vì ý nào mà Đức Chúa Trời dựng trời đất muôn vật ? Thưa : Có ý cho sáng danh Người, cùng cho ta đăng dùng.*”

Như vậy từ đầu thế kỷ 17, đạo hữu Kitô hay giáo dân Kitô đã dùng chữ “Người” để chỉ Chúa một cách trang

trọng và độc tôn. Đó là một thứ ngôn ngữ thuộc “nhà thờ”, “nhà chung”, “các cổ đạo”. Và cứ thế cho tới ngày nay, trong các sách đạo như sách giáo lí, sách Phúc Âm, sách Kinh Thánh, sách Kinh, người ta đều dùng “Người” như vậy đó.

Chúng tôi có thể trung thêm Taberd (1838), Theurel (1877), nhưng không cần thiết. Hai ông này cũng hiểu “Người” là đại từ ngôi thứ ba hoặc ngôi thứ hai, và đã dùng để nói về Chúa, về Thiên Chúa.

Nói tóm lại, việc dùng chữ này không gây thiệt hại cho “nhà thờ”. Ngôn ngữ văn tự sống động và có thể đổi thay theo nhu cầu diễn đạt tư tưởng, thế nhưng có hai điều chúng tôi thấy chướng tai gai mắt. Một là người ta chỉ dùng nó với một nhân vật, với một sự độc tôn, sự thần thánh hóa một cách lạm dụng, quá đáng, vô lí. Nếu người ta chỉ dùng trong nội bộ Đảng, nội bộ người cộng sản thì còn tạm được... Tất cả các bậc anh hùng mà lịch sử ghi lại cho chúng ta, tất cả các bậc vĩ nhân thuộc các ngành nghề đều được xưng hô bằng “ông” thì tại sao ông Hồ Chí Minh lại không thuộc vào cùng lớp người đó, như mọi người ? Bởi đâu ông được độc tôn quá đáng như vậy ? Thứ hai, với cách xưng hô độc tôn này, sẽ có sự chia rẽ, có gây phản kháng, trái với cách xưng hô thông thường và rất thích hợp chung cho mọi người. Và do đó người ta e rằng nếu đã có sự thiêu sách vở ngụy năm 1975 thì cũng có thể có sự hủy bỏ những sách viết “lố lăng” như thế, như người ta cũng đã thấy ở một vài nước Đông Âu họ cũng đã đốt sách Mac-Lênin. Riêng phần chúng tôi, chúng tôi thấy sẽ không xảy ra như thế, nhưng cách xưng hô độc tôn kia chỉ thích hợp cho nội bộ mà thôi và người dân sẽ đồng đều kính trọng hết các bậc vĩ nhân theo đúng giá trị và sự nghiệp của họ, chứ không độc tôn riêng một ai.

Tin và Tựa

Hai chữ Diễn Đàn chắc là bút tích của bậc cao danh hay trang nghệ sĩ, cái đẹp nó lặn vào trong, nên kẻ trình độ thẩm mỹ kém như tôi không thường thức nổi.

Bài vở đăng trên Diễn Đàn nói chung đều tốt, tôi chỉ xin góp chút ý kiến về mục đưa tin. Ví dụ : Tựa đề *Tham Nhũng...* (ĐĐ số 3, tr.6). Nếu ai chỉ đọc ĐĐ thì có thể lầm tưởng hai bài rất hay trên báo Tuổi Trẻ 28.9 và 8.10.1991 chỉ có bấy nhiêu thôi. Vì các bạn không chú thích là điểm báo, trích, phỏng theo,... gì cả. Hai bài đó nếu đăng toàn văn cũng chỉ chiếm hai trương, còn hay gấp mấy bài CÚ TRÚ chiếm ba trương giấy. Không biết ban biên tập thích hay không thích độc giả góp ý kiến, nên tôi tạo ra tiền lệ thử xem. Quyền lựa chọn bài vở lẽ tất nhiên thuộc về các bạn.

LTS. Các tin ngắn của Diễn Đàn hầu hết là viết lại từ báo chí hay tin của các hãng thông tấn, kèm theo xuất xứ trong nghĩa ấy, chúng tôi không để trong mục tin tức những bài trích (nguyên văn hoặc phần lớn). Cám ơn bạn NHT đã cho phép ĐĐ nói rõ điều này.

Công Kênh

Chữ dùng không đủ chính xác, đôi khi gây những hiểu lầm khá “cồng kềnh” cho chính người viết. Đó là trường hợp của một chữ dùng trong bài viết “Về một buổi họp” trên Diễn Đàn số 2. Số là, một tờ báo nợ lôi tên một vài anh chị em trong ban biên tập và thân hữu của Diễn Đàn lên trình làng.

Đối với những anh em đã dấn thân đưa tên mình lên mặt báo, chuyện chẳng có gì đáng nói thêm. Nhưng trong số người được liệt kê trên, có vài anh chị em mà ngay chính Diễn Đàn cũng chưa bao giờ công bố tên tuổi (chỉ có bút hiệu), tôn trọng những lý do riêng của mỗi người. Lại còn được gán cho những ý muốn có thể có người có, có thể không nhưng không hề được phát biểu ở buổi họp mà tờ báo trên tường thuật. Vì thế mà trong bài viết đã dẫn, có câu : “*Thế mà sau cuộc họp, một số báo và dài đã dành cho những anh chị em ban biên tập Diễn Đàn có mặt hôm đó cái vinh dự khá cồng kềnh là được thấy tên tuổi mình được liệt kê vanh vách — bên cạnh những người mà tên họ chưa hề xuất hiện trên mặt báo Diễn Đàn — ...*”.

Chúng tôi có ý tránh từ *kể* cả, và thay vào đó từ *bên cạnh*, vì không có lý do gì buộc Diễn Đàn phải xác nhận hay phủ nhận trong số những người được kể tên, ai là trong ban biên tập (nhưng vì những lý do riêng không muốn đưa tên trên mặt báo, như đã nói), ai không. Song, đọc lại, đúng là câu viết không được rõ nghĩa lắm, khiến cho đồng nghiệp Phù Du của báo Thông Luận (số 44, tháng 12.1991) hiểu lầm rằng anh chị em Diễn Đàn khen kêu không muốn để tên mình bên cạnh những người khác.

Âu cũng là một kinh nghiệm, *chữ sa gà chết*, nhắc nhở người viết phải biết dùng chữ để phát biểu ý của mình một cách rõ ràng, chính xác nhất.

Cám ơn bạn Phù Du.

DIỄN ĐÀN FORUM

B.P. 50, 92340 BOURG-LA-REINE (France)

Fax : (33 1) 45 88 54 58

Chủ nhiệm

Hà Dương Tường

Tổng biên tập

Trần Hải Hạc

Chủ biên

Trần Hải Hạc

Nguyễn Ngọc Giao

Bùi Mộng Hùng

Hà Dương Tường

Biên Tập, Kỹ thuật, Quản lý

Vũ An, Mỹ An, Bác sĩ Aspirin

Lê Văn Cường, Hà Duy

Trần Đạo, Nguyễn Hải

Đơn Hành, Nguyễn Lộc

Hoàng Lê, Tuấn Linh

Nguyễn Trọng Nghĩa, Văn Ngọc

Thoại Phong, Nguyễn Quang

Phong Quang, Bảo Tâm

Nguyễn Thành, Thanh Thành

Vũ Thành, Nguyễn Thắng

Hàn Thuỷ, Đỗ Thông

Đặng Tiến, Nam Trần

Hoài Văn, Kiến Văn

Hải Văn, Hòa Văn

mộng và thực (tiếp theo trang 1)

Con ma ám ảnh nhiều nhà lãnh đạo Việt Nam hiện nay là một âm mưu lật đổ của đế quốc, mà người thực hiện là cộng đồng người Việt ở nước ngoài. Một con ma càng đáng ngại, vì nó không mang xác thịt của một Hoàng Cơ Minh, một Võ Đại Tôn ba hoa, ngông cuồng, hữu danh vô thực, mà lại ẩn ẩn hiện hiện dưới bóng ma dân chủ đa nguyên để diễn biến hoà bình. Càng đáng ngại hơn, vì cùng một lúc, do cuộc sống bắt buộc, chính quyền Việt Nam phải chọn sống chung với *con hổ ly tinh* hiện đại là kinh tế thị trường, mà một hiện thân là những doanh nhân Việt Nam, nhiều khi chỉ là trung gian, một số rốt cuộc chỉ là những tấm danh thiếp thế chân cho hàng triệu đô la hàng Mã, âm phủ. Mà sở dĩ những giám đốc Vinahucáu Inter. Corp. Ltd. này lừa bịp được một thời, cũng nhờ một hoang tưởng : ảo ảnh của nhiều đồng bào trong nước (trong chính quyền và ngoài chính quyền) về một cộng đồng có tiềm lực kinh tế lớn. Ta gấp lại ở đây một hằng số của tâm lý xã hội Việt Nam cổ truyền : *bài ngoại gán chặt vong ngoại* như hai em bé song sinh liền da liền thịt.

Còn ở hải ngoại ? Những năm 1980 đã chứng kiến sự thất bại, tất yếu và trong thâm tâm, ai cũng biết trước, của những mặt trận giải phóng các thứ. Ảo ảnh phục quốc chừng nào hiểu được : nó đền bù cho những mất mát thân thể và nhất là tinh thần không bao giờ phục hồi được nữa trong sóng bão Biển Đông và Vịnh Thái Lan. Chúng tan biến đi, cùng lúc với cuộc đổi mới một bước năm 1986-87 ở trong nước, đã tạo ra một sự chuyển biến lớn trong tâm tư cộng đồng người Việt ở nước ngoài, từ đây có thể tạo được sự *quân bình tâm lý* của một cộng đồng di dân ở phương Tây ; an tâm nhập cư vì bước đầu thiết lập quan hệ bình thường với quê cha đất tổ. Chính trong điều kiện ấy, đã nảy nở và phát triển xu hướng đổi thoại, bước đầu của sự hòa giải hoà hợp (mà thâm tâm ai cũng muốn và ai cũng sợ bị lừa). Phong trào dân chủ hoá ở trong nước, thể hiện rõ rệt nhất trong sinh hoạt văn hoá, văn nghệ đã góp phần không nhỏ vào không khí đổi thoại ở nước ngoài, và ngược lại.

Sự sụp đổ của bức tường Berlin, và gần đây nhất, sự biến mất của bốn chữ cái CCCP (tên tắt chữ Nga của Liên Xô), có hai tác động trái ngược vào tâm tư Việt Nam. Một mặt, chúng làm cho mọi người, dù muốn hay không, đều nhận thức rằng xu thế dân chủ hoá là một tất yếu của lịch sử loài người ở cuối thế kỷ này, châu Á nói chung và Việt Nam nói riêng không thể là một biệt lệ. Mặt khác, do tốc độ của những đổi thay trên thế giới, do thiếu chuẩn bị, và hoàn toàn không có mảy may một *dự phỏng tương lai* cho dân tộc, các lực lượng xã hội – chính trị Việt Nam — trước tiên là Đảng cộng sản — dễ rơi vào những ảo ảnh mới. Trong khi lãnh đạo Đảng cộng sản cố thủ và giương bùa ma dân chủ đa nguyên để cấm đoán mọi tiếng nói dân chủ trong và ngoài hàng ngũ đảng, thì ở hải ngoại, đối với những chính khách tuy chống cộng hết mình nhưng cũng dị ứng với thể chế dân chủ không thua gì những cán bộ bảo thủ nhất, *dân chủ đa nguyên* trở thành những âm thanh hấp dẫn, du dương như tiếng động cơ Boeing nối liền mộng mị với cái ghế bộ trưởng lâm thời.

Không nên hiểu lầm và cười cợt *giấc mộng con ấy*. Nó chỉ là hình ảnh méo mó, dị dạng của một ước mơ cao đẹp của cộng đồng hơn một triệu ruồi người Việt ở hải ngoại. Đó là ước mơ về một nước Việt Nam hoà thuận, ăn nên làm ra. Ước

mơ ấy hoà quyện làm một với giấc mơ *hồi hương*, trở về sinh sống nơi quê cha đất tổ mà mọi cộng đồng di dân đều ấp ú, tôn thờ đến mức ai dung tới — nghĩa là nói toet ra rằng nó chỉ là *giấc mơ* — là một điều phạm huý, là vong bản, là *mỹ con, tây con*.

Xét cho cùng, ước mơ là cần thiết, cũng như phạm huý. Ước mơ là lẽ sống. Phạm huý để biến phần *khả thi* thành *hiện thực*, để *thăng hoa* phần mộng mị thành những đam mê tinh thần, và dọn đất reo mầm cho những ước mơ mới.

Trước thềm năm mới, cùng với những lời chúc chân thành của ban biên tập Diễn Đàn gửi tới toàn thể bạn đọc và bầu bạn năm châu và ở trong nước, chúng tôi xin phép tóm lược sự *phạm huý* đối với giấc mơ cao đẹp ấy như sau :

1. *Động lực và chủ thể* của công cuộc dân chủ hoá Việt Nam là 67 triệu đồng bào trong nước ; cộng đồng người Việt ở nước ngoài chỉ là lực lượng hỗ trợ, có thể quan trọng, thậm chí rất đặc lực về nhiều mặt, với điều kiện là nó biết tự hạn chế trong vai trò bổ sung.

2. Trong viễn tượng một chế độ dân chủ kiến lập ở Việt Nam trong thập niên 90 (với cả sự đóng góp của mình từ bên ngoài), cộng đồng hải ngoại sẽ *đối diện* với thực tại của mọi cộng đồng di dân từ các nước phía Nam sang phía Bắc địa cầu : chủ động *nhập cư*, và hội nhập *thành công* vào cuộc sống của xã hội sở tại, già từ nếp sống tạm bợ, với những *valy hành lý* tinh thần đợi ngày *hồi hương giả tưởng*.

3. Chính với và chỉ với tu thế một cộng đồng hoà nhập ở các nước phát triển, mà cộng đồng Việt Nam (có mặt từ Úc sang Bắc Mỹ, từ Tây Âu qua rặng núi Oural sang Nhật) có thể tự hào vì một nước Việt Nam và với nước Việt Nam để làm công việc không ai khác có thể làm được : bắc cầu giữa nền kinh tế, khoa học, văn hoá Việt Nam với thế giới hiện đại. Ngày đó, chỉ ngày đó, thảm kịch thuyền nhân, vết thương đau đớn của cả dân tộc, mới được *hoá giải* để trở thành một cơ duyên, một nguồn sống mới.

Trong viễn tượng ấy, Diễn Đàn xin làm nỗi gấp gáp, tranh luận trong tinh thần dân chủ những vấn đề liên quan tới vận mệnh dân tộc và cộng đồng trong một thế giới biến chuyển mạnh mẽ. Chia sẻ giấc mơ chung, chúng tôi cũng xin làm chút gió thoảng khi cần tĩnh giấc nồng, dọn chỗ cho những ước mơ mới. *Gió thoảng*, cho dù bị tiếp nhận như một cơn *gió chuồng*.

22.12.1991
Nguyễn Ngọc Giao

Triển lãm
POSITION
Tranh sơn dầu, bột màu, sơn mài của
Nguyễn Bình Minh

tại Nhà Việt Nam
23, rue Cardinal Lemoine 75005 Paris
từ 14.12.1991 đến tháng giêng 1992

một số suy nghĩ chân tình về quản lý ngoại hối

Lâm Võ Hoàng

Mới đây báo chí có loan tin, theo hướng thực hiện Pháp lệnh Ngân hàng Nhà nước, Hội đồng bộ trưởng đã ký quyết định số 337 ngày 25.10.1991 về một số biện pháp quản lý ngoại tệ trong thời gian trước mắt, với nội dung chính như sau :

- Mọi nguồn thu ngoại tệ của các tổ chức và đơn vị (kể cả Bộ Tài chính) đều phải gởi vào tài khoản của mình tại ngân hàng được phép kinh doanh ngoại tệ và được hưởng lãi.
- Ngoại tệ gởi như trên chỉ được sử dụng để : nhập khẩu theo giấy phép, trả dịch vụ nước ngoài, nợ vay ngân hàng và nước ngoài, hùn vốn theo luật đầu tư, bán cho các ngân hàng kinh doanh ngoại tệ, hoặc tại các trung tâm giao dịch ngoại tệ. Cấm các đơn vị mua bán, thanh toán, cho vay, chuyển nhượng với nhau bằng ngoại tệ.
- Ngân hàng Nhà nước kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng ngoại tệ của các đơn vị và thống nhất quản lý việc mua bán ngoại tệ qua các ngân hàng kinh doanh ngoại tệ và trung tâm giao dịch ngoại tệ.
- Tỉ giá giữa đồng Việt Nam với ngoại tệ là tỉ giá do Ngân hàng Nhà nước công bố trên cơ sở tỉ giá mua bán tại các trung tâm giao dịch ngoại tệ.

Với sự tha thiết chân tình đóng góp với ngành ngân hàng, người viết sơ bộ xin có ý kiến như sau :

1. Trên đây là một số biện pháp quản lý trong thời gian trước mắt tức là có thể hàm ý, nhưng chưa đặt ra những nguyên tắc ổn định lâu dài. Như vậy, quyết định nói trên nên do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ký ban hành là đủ hiệu lực chấp hành, kể cả đối với Bộ Tài chính (vì trong lĩnh vực tài chính, mọi quyết định của Bộ Tài chính đều có hiệu lực chấp hành đối với các Bộ khác, kể cả Ngân hàng Nhà nước). Việc đưa dự thảo quyết định trình ký Phó chủ tịch thường trực Hội đồng bộ trưởng có chỗ bất tiện là khi, nói giả dụ, có sai sót, thì ai chịu trách nhiệm ? Lãnh đạo ký tên hay lãnh đạo đệ trình ? Trong trường hợp có sai sót thực sự (nói giả dụ), chừng đó lãnh đạo ký tên, phải một lần nữa, sửa sai cái mình đã lỡ ký. Như vậy lâu ngày, liệu có bảo đảm được vẹn toàn uy tín chữ ký cần được bảo vệ tuyệt đối của cấp đầu não quốc gia không ? hay là làm nhảm hóa chữ ký tối quan trọng này ?

2. Quản lý ngoại hối, dù theo chế độ kiểm soát ngoại hối, hay tự do ngoại hối, y như quốc phòng, là một chính sách cơ bản của quốc gia. Đó vừa là một hệ lý luận nhất quán, vừa là một tổng thể mục tiêu, phương hướng, biện pháp, lôgic, xuyên suốt, chặt chẽ. Do đó, chỉ cần quán triệt một lần là mọi người có thể chủ động, tự giác áp dụng đúng đắn, rắn rapse.

Chế độ ngoại hối ta hiện nay, mới đây, từ chỗ cho phép các đối tượng gởi ngoại tệ vào ngân hàng có thể, bất cứ lúc nào, rút ra bằng ngoại tệ tiền mặt (tất nhiên là để làm gì không ai cần để ý), rồi bây giờ là cấm các đơn vị mua bán, thanh toán, cho vay, chuyển nhượng với nhau bằng ngoại tệ, tức là cấm sự lưu chuyển ngoại tệ, trên cơ sở tôn trọng quyền chủ động của sở hữu chủ ngoại tệ. Như vậy, chẳng khác nào cho các đơn vị nắm giữ ngoại tệ một thứ quyền rõ ràng không biết để làm gì ? Đã vậy, mà lại còn cấm " găm giữ ngoại tệ " ! Chỉ có trời mới hiểu ! Cách quản lý không có đường lối, mô hình nhất quán rõ ràng này, cứ mỗi ngày siết chặt thêm một chút, không có hiệu quả nào khác hơn là làm hoang mang, gây mệt mỏi vô ích cho các đơn vị liên quan. Đây là điều rất tai hại cho chính sách mở cửa nước ta. Người nước ngoài muốn đầu tư, muốn giao lưu với ta, càng nhìn vào chế độ quản lý ngoại hối mù mờ của ta, kiểm soát không ra kiểm soát, tự do chẳng được tự do, càng không khỏi dám ra ái ngại, e dè ngán ngẩm.

3. Thà rằng Ngân hàng Nhà nước mạnh dạn lãnh trách nhiệm, nêu trong Pháp lệnh mà Ngân hàng Nhà nước không ngớt tham chiểu, thực hiện đầy đủ chế độ quản lý thống nhất tập trung ngoại hối. Tức là Ngân hàng Nhà nước mua toàn bộ các ngoại tệ thuộc các nguồn, rồi bán lại cho mọi nhu cầu, theo kế hoạch sử dụng ngoại tệ quốc gia, với tỷ giá cao thấp tùy Ngân hàng Nhà nước ấn định. Như vậy mọi người sẽ yên tâm.

Người dân không hiểu tại sao Pháp lệnh đã qui định rõ ràng mà Ngân hàng Nhà nước còn do dự không chịu nắm lấy độc quyền mua bán, dự trữ ngoại tệ, như một công cụ điều tiết bảo vệ tiền tệ mà lại để ngoại tệ phân tán trong tay hàng ngàn hàng vạn đơn vị, với vai trò của Ngân hàng Nhà nước chỉ là nay ra qui định này, mai ra qui định khác, " lấy của người làm phúc ta " khiến cho việc quản lý ngoại tệ nước ta thiếu mục tiêu phương hướng, biện pháp rõ ràng. Nạn nhân cuối cùng của cung cách quản lý như vậy chỉ là đồng bạc Việt Nam ngày càng xuống giá, tức là sức mua của người dân nói chung và dân nghèo nói riêng, ngày càng giảm sút thảm. Vai trò bảo vệ sức khỏe đồng tiền quốc gia của Ngân hàng Nhà nước là như thế ư ?

4. Nói rằng tỉ giá đồng Việt Nam và ngoại tệ là tỉ giá do Ngân hàng Nhà nước công bố trên cơ sở tỉ giá mua bán tại các trung tâm giao dịch ngoại tệ, trong khi ta có nhiều trung tâm giao dịch ngoại tệ (Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội), mỗi trung tâm bắt đầu hoạt động theo giá đóng cửa hôm trước của mình và qua giao dịch cung cầu, ra giá giao dịch hôm đó của mình. Như vậy, giá do Ngân hàng Nhà nước công bố là giá gì, có lợi ích gì, tóm lại để làm chi ? Nêu lên trường hợp này là để minh họa cách làm của ngân hàng, thiếu thực tiễn, thiếu thực tế, tạo ảo tưởng.

Tóm lại, ổn định chính trị – xã hội dựa trên ổn định kinh tế – tài chính, ổn định kinh tế – tài chính dựa trên ổn định tiền tệ – ngân hàng, ổn định tiền tệ – ngân hàng hiện nay chủ yếu dựa trên ổn định quản lý ngoại hối. Vậy thì vai trò, trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước là quá rõ.

Tuổi Trẻ, 5.11.91

La chute de la maison URSS



Les premiers jours du mois de Décembre 1991 seront-ils de ceux qui "ébranlent le monde" ? Liquidation de l'Union Soviétique « en tant qu'entité géopolitique et sujet de droit international », création à la place d'un "Commonwealth panslave", spectre agité d'une "balkanisation nucléaire" (*), rumeurs persistantes de coup d'Etat, effacement inéluctable de Mikhaïl Gorbatchev... C'est la chute finale, mais ce n'est peut-être qu'un non-événement.

Non-événement dans la mesure où la désintégration de "l'entité géopolitique" ne date pas d'aujourd'hui, mais de la libération en 1989 de son glacis est-européen ; où la déroute économique et la décomposition sociale étaient déjà patentées sous la glaciation brejnevienne (pour rester dans les métaphores frigorifiques, le cadavre était congelé, mais pourri) ; où la légalité du "centre" avait été mise à bas par le putsch d'Août 91 ; où le "sujet de droit international" se dissolvait au rythme des déclarations d'indépendance des républiques...

Avec le recul historique, il est facile (peut-être trop) de dire aujourd'hui que l'effondrement était inévitable. Il n'en prend pas moins une résonance inouïe.

Un *requiem* serait malvenu, et pour tout dire indécent. D'ailleurs, le soussigné n'en ressent ni l'envie ni le courage. Bien sûr, on ne pourra faire indéfiniment l'économie de la dissection lucide d'un grand rêve – le plus grand rêve du siècle, mais aussi son plus grand mensonge. Mais l'on se contentera pour l'heure d'un certain nombre de questions, qui concernent la démocratie. Une grande utopie est morte, parce qu'elle était anti-démocratique. Ce qui se met en place aujourd'hui dans l'ex-Union Soviétique ne démarre pas sous de meilleurs auspices. Qu'est-ce donc que cette proclamation de Brest-Litovsk par laquelle une *troïka* réunie comme des conspirateurs, sans consultation populaire, sans contrôle parlementaire (autre qu'a posteriori), au mépris des textes (la Constitution soviétique) et des organismes légaux (Conseil d'Etat, Comité économique inter-républiques, etc...), raye d'un trait de plume l'existence d'un Etat de 260 millions d'habitants et 25 000 têtes nucléaires ? Un *pronunciamento*, au sens technique du terme. La continuation, par d'autres hommes et d'autres moyens, du putsch du 19 Août contre le "centre". Parce qu'il avait défendu la légalité contre les chars, parce qu'il était investi de la légitimité populaire,

certains commentateurs (**) se sont empressés de faire de Boris Eltsine un champion de la démocratie. Ils doivent déchanter aujourd'hui. S'ils examinent le flou du projet "panslave" (quelles institutions ? quelle politique étrangère ? quelle armée ?), s'ils considèrent que les républiques qui étaient sorties par la porte sont rentrées par la fenêtre (puisque pratiquement toutes, y compris celles d'Asie, ont décidé d'intégrer la nouvelle confédération), donc qu'il se recrée – sans le "centre", ou plutôt autour d'un nouveau centre : la Russie – une Union ex-soviétique bis, s'ils prennent en compte le ralliement à Eltsine de l'état-major ex-soviétique, ils seront forcés de reconnaître le "coup de Brest" pour ce qu'il est : un coup d'Etat, et l'ami Boris pour ce qu'il est : un vizir qui veut être calife à la place du calife.

Si Boris Eltsine, c'est la légitimité sans la légalité, Mikhaïl Gorbatchev, c'est (c'était ?) la légalité sans la légitimité. On l'a assez dit dans ces mêmes colonnes (**).

"Vents"

En ces jours gris de Décembre qui entament le décompte d'une décennie – la dernière d'un siècle de fer – il n'est peut-être pas inopportun de rappeler combien la vision et le verbe des hommes d'Etat, fussent-ils shakespeariens (on pense, bien sûr, à M. Gorbatchev), pâlissent à côté de l'inspiration du poète quand il s'agit d'évoquer la chute des empires, la naissance des nations, et des hommes, l'indéfectible besoin d'espérance :

« *Quand la violence eut renouvelé le lit des hommes sur la terre,
Un très vieil arbre, à sec de feuilles reprit le fil de ses maximes...
Et un autre arbre de haut rang montait déjà des grandes Indes souterraines
Avec sa feuille magnétique et son chargement de fruits nouveaux* »

Saint-John Perse, "Vents"

Mikhaïl Serguievitch concentrat entre ses mains, avant le putsch du mois d'Août, plus de pouvoirs légaux que Staline lui-même. Mais parce qu'il n'avait pas " l'onction " populaire, il avait beau brandir des " oukases ", agiter des décrets, lancer des ordres et des mots d'ordre, il n'avait plus de prise sur une société qu'il avait pourtant contribué à libérer. Et cette société libérée, la société civile dont on a cru déceler la résurrection lors des journées d'Août ? Force est de constater qu'elle est encore largement hors-jeu, plus préoccupée par sa survie quotidienne que par ce qu'elle considère (à tort) comme des jeux politiciens. En quoi elle a fait défaut à Gorbatchev qui, par ailleurs, ne pouvait pas se réclamer d'elle. Le chemin vers la démocratie est encore long.

Nguyễn Quang
16.12.1991

(*) " Yugoslavia with nukes " (James Baker)

(**) Dont nous n'étions pas ; voir Diễn Đàn n° 1, Octobre 91.
Caricature [page précédente] : International Herald Tribune, 16.12

Nous l'avons promis.
Il sera bientôt là.

DIENDAN FORUM

paraîtra le 15 janvier 1992

Dans ce journal, paru tous les deux mois, et rédigé en langue française, nos amis, français ou francophones (par culture ou par sensibilité), trouveront :

- des nouvelles politiques et culturelles du Vietnam
- des analyses économiques et politiques concernant ce pays
- des pages littéraires
- et même des recettes culinaires et des adresses de restos asiatiques qui nous paraissent "authentiques"

Pour tout cela, DienDan Forum ne coûte que 75 F par an (5 numéros).

Abonnement adressé à
DienDan Forum
BP 50
92340 Bourg-la-Reine (France)
[chèque libellé à l'ordre de HA DUONG]

¹⁰ Phòng vệ đường biển.

¹¹ Tài liệu trong đoạn này chủ yếu dựa trên Lu Wan-he, sđd., tr. 123-127. Về chi tiết của các ấn bản của Hải quốc đồ chí ở Nhật, xem Saneto và Tam, sđd., đặc biệt các trang 4, 98-99, 101, 103, 136 và 206.

¹² Trích ở sách Joshua Fogel, *Politics and Sinology : The Case Naito Konan (1866-1934)* (Dây liên hệ giữa chính trị và Trung quốc học : Trường hợp Naito Konan (1866-1934)), Cambridge (Mass.), Harvard University Press, 1984, tr. 15.

Nguyễn Trường Tộ (tiếp theo trang 15)

phương¹². Sự phổ biến Tân thư ở Việt Nam hình như lại còn giới hạn hơn ở Trung Hoa. Nhưng đối với những sĩ phu Việt Nam nào có dịp đọc Tân thư (dĩ nhiên chỉ một thiểu số), thì phải nói ảnh hưởng của Tân thư rất sâu rộng. Điều đó được xác minh qua chứng từ của cụ Phan Bội Châu trong hai tự truyện của cụ. Ngay cả những di thảo của Nguyễn Trường Tộ, trước đây, số người được đọc rất giới hạn, nhưng đối với ai là người có tâm huyết mà có đọc được thì những di thảo này sẽ có ảnh hưởng sâu sắc đến sự chuyển biến tư tưởng của họ. Chúng tôi muốn nói đến trường hợp của Nguyễn Lộ Trạch, tác giả *Thiên hạ đại thế luận*, một tác phẩm có ảnh hưởng sâu rộng đối với phong trào Đông Du và phong trào Đông Kinh nghĩa thực vào đầu thế kỷ XX. Nguyễn Lộ Trạch có lẽ là một trong số ít trí thức hiếm hoi có "diễn phúc" đọc các di thảo của Nguyễn Trường Tộ. Lý do khá đơn giản : ông là con rể của Trần Tiễn Thành. Chúng tôi đề cập đến điểm này để muốn nói rằng những hạn chế trong sự phổ biến kiến thức mới về thế giới bên ngoài là một trong những nguyên nhân chính yếu ngăn chặn sự phát triển dân trí và đà tiến hoá của nước ta.

² Xem Suzanne W. Barnett, *Protestant Expansion and the Chinese Views of the West* (Sự bành trướng của Giáo hội Tin Lành và nhận thức của Trung Hoa về Tây phương), *Modern Asian Studies*, 6, 2(1972). Có khá nhiều tài liệu bằng tiếng Anh về vai trò của Giáo hội Tin Lành trong thời kỳ này, chẳng hạn như : Alexander Wylie, *Memorials of Protestant Missionaries to the Chinese* (Những bản điều trần của các Giáo sĩ Tin Lành gửi người Trung Hoa), nguyên bản sách này ra đời năm 1867, sau đó được Ch'eng-wen Publishing Company (Đài Loan) in lại năm 1967 ; hoặc Chang Hsi-t'ung, *The Earliest Phase of the Introduction of Western Political Science into China* (Sự du nhập khoa chính trị học Tây phương vào Trung Hoa vào giai đoạn đầu tiên), *Yenching Journal of Social Studies*, V. 1 (July 1950).

³ Xem Fred W. Drake, *A Mid-nineteenth-century Discovery of the Non-Chinese World*, (Sự khám phá của người Trung Hoa về thế giới bên ngoài vào giữa thế kỷ XIX), *Modern Asian Studies*, 6, 2(1972) ; Saneto Keishu hiệu đính và Tam Yue-him (Đàm Nhữ Khiêm) chủ biên, *Nihon'yaky Chugokusho sogo mokurokuu* (Mục lục tổng hợp của những sách Trung Quốc đã dịch sang tiếng Nhật), Hong Kong, *Chinese University of Hong Kong* (Trung Văn đại học). Theo Drake, *Doanh hoàn chí lược* được tái bản lần thứ hai vào năm 1850, lần thứ ba 1859 (chưa được xác minh), và lần cuối cùng 1866. Không rõ cuốn mà Nguyễn Trường Tộ có được xuất bản năm nào, nhưng chắc chắn là phải trước năm 1866. Trong Ssu-yu Teng và John K. Fairbank, *China's Response to the West* (Phản ứng của Trung Quốc đối với [sự bành trướng] của Tây phương), có trích dịch một đoạn của *Doanh hoàn chí lược*, tr. 42-46.

⁴ Xem Sakade Yoshinobu, *Ko Yu-i* (Khang Hữu Vi), Tokyo, Shueisha, 1985, tr. 35-36.

⁵ Drake, tài liệu đã dẫn, tr. 217.

⁶ Tức là năm 1853 khi chiến hạm Hoa Kỳ do Đô đốc Perry đến Nhật đòi mở cửa thông thương cho đến khi chính quyền Tokugawa bị lật đổ và bắt đầu Minh Trị Duy tân (1868).

⁷ Saneto và Tam, sách đã dẫn, tr. 100.

⁸ Xem Lu Wan-he (*Lữ Vạn Hoà*), *Meiji ishin to Chugoku* (Minh Trị Duy tân và Trung Quốc), Tokyo, Rokko Shuppan, 1988, tr. 123-25.

⁹ Trong điều trần về *Kế hoạch làm cho dân giàu nước mạnh* (*Lực lợi từ*), Nguyễn Trường Tộ nói về tư tưởng *dĩ dĩ trị dĩ* nhưng qua lời của vua Đạo Quang : " Vua Đạo Quang nhà Thanh có nói ' Cái kế hay nhất để đánh địch không gì bằng lấy địch đánh địch ' " (tr. 144).

DƯƠNG THU HƯƠNG

một bài học, một câu hỏi

Đảng và Nhà nước bỏ tù Dương Thu Hương ngày 14.4.1991 và thả ngày 20.11.1991, với lý do "nhân đạo". Ai tin được lòng nhân đạo của một chánh quyền mà trói vào, cởi ra cứ như chơi.

Ở tù, Dương Thu Hương không khuất phục, kiên quyết đòi được ra toà, công khai. Đảng và Nhà nước không dám đưa Dương Thu Hương ra toà. Và cũng không dám cầm tù nữa. Đây là bài học đầu tiên, bài học cơ bản, bài học làm người công dân : người thường đã thắng các ông thánh ; một cá nhân, một công dân đã thắng một Nhà nước độc quyền. Ý nghĩa của nó : *một thời đại đang qua, một thời đại sắp tới.*

Dương Thu Hương không phải là người duy nhất, không phải người đầu tiên ở Việt Nam từ chối quỳ gối trước Đảng và Nhà nước. Thế mà Dương Thu Hương trở thành một *biểu tượng*. Vì sao ? Có những lúc một con người, một cuộc sống, một hành động, một thái độ, một tác phẩm hoàn toàn ăn khớp với một hoàn cảnh lịch sử, với hoài bão của đồng đảo người trong hoàn cảnh ấy. Lúc đó, con người ấy biến thành một bài học sống, bài học kết thúc một thời đại, mở màn cho một thời đại khác.

Thời đại đang kết thúc là thời sụp đổ của thế giới thực dân cũ và mới duy trì bằng bạo lực quân sự. Đảng và Nhà nước là con đẻ của thời ấy. Dương Thu Hương cũng là con đẻ của thời ấy. Thời đại ấy, ở Việt Nam, chấm dứt năm 1975.

1975, Việt Nam có độc lập, phải xây dựng xã hội tương lai, một xã hội bảo đảm tự do cho mọi người, tạo điều kiện cho mọi người mưu cầu hạnh phúc. Trong lịch sử loài người, chưa bao giờ có một dân tộc có cùng lúc nhiều yếu tố để thành công như Việt Nam hồi ấy : cả thế giới tôn trọng, quý mến, hầu hết các tầng lớp trong dân tộc, bất kể quá khứ ra sao, sẵn sàng hợp tác, hy sinh để xây dựng tổ quốc chung, một đội ngũ trí thức đông đảo, đa dạng, có trình độ vào bậc nhất nhì ở Đông Nam Á. Cái vốn khổng lồ ấy, chỉ trong vòng mười năm, Đảng và Nhà nước đã phá tan tành : Việt Nam hoàn toàn cô lập trên quốc tế, lệ thuộc viện trợ của Liên Xô, kinh tế kiệt quệ, văn hoá giáo dục bầy nhầy, cộng đồng dân tộc chia rẽ, hận thù nhau tới mức chưa từng thấy trong lịch sử, trí thức bất lực, lưu vong ; tiêu vong. Vì sao ?

Đảng và Nhà nước không có và không muốn có khả năng xây dựng. Muốn làm chuyện ấy, việc đầu tiên là phải giải thể cái Nhà nước phục vụ chiến tranh, xây dựng một Nhà nước phục vụ hòa bình, đảm bảo tự do, tạo điều kiện để phát triển kinh tế, tóm lại phải xây dựng một Nhà nước hiện đại, một Nhà nước dân chủ, pháp quyền. Chuyện này không đơn giản. Các nước Tây Âu phải mất ba trăm năm, giải quyết nhiều cuộc khủng hoảng xã hội mới đạt được tới mức hôm nay, thế mà vẫn phải liên tục cải tổ để thích nghi với thời sự. Đây không đơn thuần là chuyện lập pháp. Nếu chỉ triệu tập vài chục luật gia quốc gia và quốc tế, viết vài bộ luật, mời vài trăm ông nghị sủ, nhiều nhất cũng chỉ được một mớ giấy. Điều kiện tiên quyết để có một Nhà nước dân chủ là phải có một xã hội dân sự trong đó từng người ý thức rõ quyền công dân của mình và sẵn sàng trả giá cho chúng. Điều đó không có trong truyền thống Việt Nam, càng không có trong tổ chức xã hội thời chiến. Dân chủ

duy nhất trong chiến tranh là dân chủ trước cái chết. Hoà bình đòi hỏi dân chủ trong cuộc sống.

Sau chiến tranh, vấn đề lớn nhất của nước ta là thay cái xã hội phong kiến trong đó con người chỉ biết mệnh trời ờn vua bằng một xã hội dân chủ xây dựng trên ý thức công dân của con người. Không gì cấm cản đảng cầm quyền lúc ấy chủ động làm chuyện ấy. Nhưng muôn thủa vẫn vậy, người nắm quyền chẳng bao giờ muốn bớt quyền, và cái quyền sinh ra từ chiến tranh là quyền sinh sát ! Trong hoàn cảnh ấy, chính người dân phải tự xây dựng lấy quyền công dân của mình, ngoài hệ thống giáo dục, thông tin, văn hoá của Nhà nước. Đây là bài học thứ hai của Dương Thu Hương. Suốt 7 tháng 6 ngày chị ở tù, không có một người ở Việt Nam công khai lên tiếng bảo vệ chị : đại bộ phận dân tộc Việt Nam, trí thức Việt Nam chưa sẵn sàng trả giá để được làm công dân ? Có thể, sau cơn ác mộng vừa qua, được chút tu do kiếm cớm, kiếm áo, hưởng chút không gian và thời gian của trời đất cũng đủ mãn nguyện. Điều đó dễ hiểu, phải được tôn trọng, quý mến : con người, anh cũng như tôi, cũng là con vật. Các cường quốc hôm nay cũng không mong muốn gì hơn là chúng ta trở thành những con vật mạnh khoẻ, khéo léo, thông minh, mãn nguyện và rẻ tiền. Ngoài ra, có thể quá nhiều người còn suy nghĩ trong khuôn khổ thế giới phong kiến, noi gương Nguyễn Trường Tộ kiên quyết dâng sớ, khuyên can lãnh đạo. Cũng có nhiều người không thấy hết những nét mới của cuối thế kỷ XX : một thế giới trong đó sự ràng buộc giữa các quốc gia đã đạt mức không thể cưỡng được, một thế giới trong đó quyền làm người đã trở thành nhu cầu tối thiểu như cớm áo, không lực lượng nào b López chét được. Cũng có nhiều người nghĩ rằng cách đấu tranh thích hợp nhất là tránh chính trị, làm chuyên môn. Chưa hiểu hết những sự kiện trên, chưa hiểu người Việt Nam thoát thai từ chiến tranh.

Dương Thu Hương khẳng định rõ ràng lập trường đấu tranh của chị : một cá nhân, một công dân, quyết sống với đầy đủ quyền của một con người, của một công dân trong thời đại này, chẳng thèm xin phép ai. Chị sinh ra và lớn lên trong thời đại cũ, nhưng chị ngang nhiên bước vào thời đại mới. Cuộc sống, hành động, lời nói, tác phẩm của chị là bài học sống cho quần chúng để xây dựng ngày mai, là câu hỏi sống cho trí thức.

Đảng Cộng sản Việt Nam đã nhiều lần tự phê, nhận sai lầm. Lần nào cũng vậy, phạm ngay sai lầm khác. Dễ hiểu. Đúng sai thuộc lãnh vực lý trí. Đảng chưa hề học, chưa muốn học bài học đầu tiên để xây dựng thời đại mới : tôn trọng, quý mến trí tuệ của nhân dân, của trí thức Việt Nam. Đảng vẫn đòi là tinh hoa của dân tộc, do đó khi Đảng mù tịt thì cả dân tộc phải câm, phải diếc, tim đâu ra ánh sáng của lý trí ? Thả Dương Thu Hương với cô nhân đạo, Đảng chứng tỏ mình chưa hiểu ý nghĩa bài học Dương Thu Hương. Đảng lẽ phải công khai xin lỗi và bồi thường một đồng danh dự cho 7 tháng 6 ngày tù oan. Chẳng chết gì, mà may ra khôi phục được phần nào danh dự và uy tín trong chuyện này, và biết đâu ?, bước đầu nối lại được mối quan hệ đã bị chém đứt với quần chúng, với trí thức, với chính một số đảng viên tốt của mình !

Đảng làm gì đi nữa thì xã hội vẫn cứ chuyển mình. Quá trình ấy nêu một câu hỏi người trí thức, câu hỏi Dương Thu Hương : trong thời đại này, Việt Nam có thể dựa vào trí tuệ của một đảng, của một tập đoàn độc tài để thoát sự chậm tiến không ? và, nếu không, một xã hội chưa có ý thức công dân, lại bị trói bởi một chế độ độc tài, phải mấy trăm năm mới thành xã hội dân chủ và với giá nào, khi chẳng mấy ai nêu bài học công dân ?

Bài học độc lập đã phải trả bằng nhiều xương máu, tháng năm. Mong rằng bài học dân chủ, tự do sẽ tổn ít xương máu năm tháng hơn. Phải thuộc và hiểu bài ấy may ra mới có sáng tạo con đường thoát khỏi sự chậm tiến trong rừng rú của thị trường kinh tế hôm nay. Và sống không tủi, chết không vui.

Đơn Hành

việt nam...đã qua...sắp tới...việt nam...

Trung ương đi trước, Nhà nước theo sau

Ban chấp hành trung ương đảng cộng sản Việt Nam đã họp hội nghị thường kỳ từ ngày 25.11 đến 4.12.1991 để thảo luận về những vấn đề kinh tế và dự thảo sửa đổi Hiến pháp. Hội nghị đã đề ra năm “biện pháp kinh tế lớn” nhằm ổn định tình hình tiền tệ, chống lạm phát, mở rộng khu vực kinh tế tư nhân, phát triển xuất khẩu và cải tiến hệ thống quản lý Nhà nước. Bản thông báo của hội nghị nói rõ, kinh tế quốc doanh sẽ chỉ được tăng cường ở các khu vực kinh tế chiến lược như công nghiệp nặng, năng lượng, ngân hàng. Phóng viên AFP ở Hà Nội cho biết, theo một nguồn tin gần gũi với các cấp lãnh đạo, hội nghị cũng đã thảo luận về một dự án tư nhân hóa một số xí nghiệp quốc doanh trong khu vực công nghiệp nhẹ. Thông báo cũng nêu lên các vấn đề việc làm và tiền lương, là những vấn đề mà chính phủ phải quan tâm nhiều hơn trong thời gian tới.

Về bản Hiến pháp, thông báo của hội nghị cho rằng “tình hình hiện nay đòi hỏi và cho phép chúng ta tiến hành một cuộc cải tổ hệ thống chính trị từng phần, cơ bản và có hệ thống hơn”. Hiến pháp được sửa đổi vẫn sẽ khẳng định “con đường xã hội chủ nghĩa” của Việt Nam, và “sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và xã hội”, nhưng sẽ chính thức thừa nhận một khu vực kinh tế tư nhân.

Kỳ họp thường kỳ của Quốc hội (từ ngày 9.12) sẽ thảo luận về các đề nghị sửa đổi Hiến pháp trên cơ sở đó, và Hiến pháp sửa đổi sẽ được thông qua trong một kỳ họp bất thường của Quốc hội dự tính được triệu tập vào đầu tháng 3.1992. Trong một cuộc họp báo ngày 9.12, ông Vũ Mão, người phát ngôn của Quốc hội cho biết, ngoài những nguyên tắc nói trên, Hiến pháp sửa đổi sẽ xác định rõ hơn vai trò của các ngành lập pháp, hành pháp và tư pháp, và quan hệ giữa Đảng cộng sản và Nhà nước. Sau đó, cuộc bầu cử Quốc hội khoá IX sẽ được tổ chức vào tháng 6.92, thay vì tháng 4 như các lần trước. Ngoài ra, chủ đề chính của kỳ họp Quốc hội lần này là các vấn đề kinh tế.

Trong báo cáo của chính phủ, đọc trong phiên khai mạc kỳ họp Quốc hội, Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng Võ Văn Kiệt nói, mặc dù các tiên đoán sụp đổ, tổng sản lượng quốc dân của Việt Nam đã tăng 2,4 % trong năm qua. Ông Kiệt cho biết, sản lượng lương thực bị mất 1,3 triệu tấn vì lũ lụt trong năm, vẫn giữ được mức 21,7 triệu tấn, chỉ thấp hơn năm trước 0,3 triệu tấn. Sản lượng gạo xuất khẩu thụt từ 1,5 triệu tấn xuống còn 1 triệu tấn, vẫn là một nguồn ngoại tệ đáng kể của Việt Nam bên cạnh dầu mỏ. Tuy nhiên, giá trị xuất khẩu năm nay chỉ là 1,8 tỉ đôla, so với 2,19 tỉ năm ngoái, chủ yếu vì những khó khăn thi hành các hợp đồng kinh tế với Liên xô “trong hoàn cảnh những thay đổi nhanh chóng ở nước này”.

Kỳ họp Quốc hội cũng sẽ thông qua luật hàng không dân dụng và luật về quyền nhập khẩu và xuất khẩu.

Trong Diễn đàn số 1, chúng tôi sẽ trở lại một số vấn đề của các kỳ họp này.
(AFP 6-10.12.91, những câu trích dẫn là dịch lại từ các bản tiếng Pháp và tiếng Anh của AFP).

Than: xuất khẩu một triệu tấn

Lần đầu tiên từ 10 năm nay, sản lượng than xuất khẩu của Việt Nam đã lên đến 1 triệu tấn, hơn mức năm ngoái 300 000 tấn. Theo báo Nhân Dân (13.12.1991), Việt Nam dự kiến sẽ bán ra nước ngoài 2 triệu tấn than trong năm 1992, và các hợp đồng hiện nay đã ký lên đến 1,6 triệu tấn. Ngoài những khách hàng quen thuộc như Nhật Bản, Nam Triều Tiên và Tây Âu, Việt Nam đã mở những thị trường mới ở Pakistan, Marốc và Nam Mỹ.

Ngoài ra, như báo Tuổi Trẻ (2.11.91) cho biết, bên cạnh các xí nghiệp quốc doanh còn có những tư nhân khai thác than bất hợp pháp. Đó là một hoạt động có tổ chức, sử dụng công nhân làm thuê, thu mua than ăn cắp và bán lại rẻ hơn giá Nhà nước. Số lượng than bị thất thoát qua các hoạt động bất chính này được ước lượng khoảng 30% tổng số than khai thác của các xí nghiệp quốc doanh.

Dầu khí : nhiều hợp đồng lớn

Theo bản tin của Thông tấn xã Việt Nam ngày 1.12.91, Việt Nam vừa ký kết với nước ngoài ba hợp đồng công nghiệp dầu khí trị giá 600 triệu đôla Mỹ.

Hợp đồng lớn nhất lên đến 340 triệu đôla, ký với hai tập đoàn Nhật Marubeni và Nissho Iwai nhằm xây dựng một nhà máy nhiệt điện công suất 340 megawatt, sử dụng dầu khí khai thác ngoài khơi Vũng Tàu. Hợp đồng thứ hai nhằm xây dựng một nhà máy sản xuất phân urê, với công suất 600 000 tấn / năm, do công ty Canada Protech đầu tư, trị giá 140 triệu đôla. Hợp đồng thứ ba nhằm xây dựng đường ống dẫn dầu từ Vũng Tàu đến Bà Rịa và Thủ Đức, trị giá 120 triệu đôla. Bản tin của TTXVN không cho biết công ty nào đã ký kết đầu tư vào dự án này, dự kiến sẽ hoàn thành vào năm 1993.

Ngoài ra, AFP (1.12) cho biết, Cơ quan dầu lửa Thái Lan PTT đã ký bản ghi nhớ (memorandum) về một hợp đồng xây dựng tại Vũng Tàu một nhà máy sản xuất khí đốt, công suất 300 triệu mét khối / năm, dùng khí tự nhiên khai thác từ giếng dầu Bạch Hổ. Vốn đầu tư của dự án này lên đến 120 triệu đôla.

Theo VietsovPetro, tổng sản lượng dầu của Việt Nam trong 11 tháng đầu năm 1991 là 3,57 triệu tấn.

Nhật - Việt Nam : 1 tỉ đô la trong năm

Theo tin AFP (1 và 10.12.91), một trong những tập đoàn kinh tế lớn của Nhật Bản, công ty Sumitomo đã tuyên bố sẽ đầu tư xây dựng tại Việt Nam một nhà máy lọc dầu. Sumitomo cho biết còn có những dự án làm ăn với Việt Nam về xây dựng nhà máy điện, nhà máy làm sản phẩm nhựa, nhà máy thép và cả những công trình xây cất hạ tầng cơ sở, thủy lợi... Trong năm qua, Sumitomo đã mua của Việt Nam 1 triệu tấn dầu thô. Khối lượng trao đổi thương mại giữa công ty này và Việt Nam lên đến 100 triệu đôla riêng trong sáu

việt nam...đã qua...sắp tới...việt nam...

tháng đầu năm nay.

Trong cả năm 1991, giá trị trao đổi thương mại giữa Nhật và Việt Nam được ước lượng là khoảng 1 tỉ đôla. Nhật tiêu thụ 80% tổng sản lượng dầu thô của Việt Nam cho tới nay, và bán sang Việt Nam phân bón, xăng nhớt, hàng tiêu dùng. Tuy nhiên, các công ty lớn của Nhật vẫn chờ đợi "đèn xanh" của chính phủ Tokyo để đầu tư lớn hơn vào Việt Nam. Là bạn hàng thương mại số 1 của Việt Nam, Nhật chỉ đứng hàng thứ 9 trong các nước có đầu tư vào nước ta, với tổng giá trị đầu tư khoảng 100 triệu đôla. Ông Võ Văn Kiệt đã tỏ ý phiền lòng về tình hình này, nhân dịp ông tiếp một đoàn các nhà kinh doanh của công ty Nissho Iwai và một số công ty dầu mỏ khác của Nhật hôm đầu tháng 12.91.

nhân quyền

Bác sĩ Nguyễn Đan Quế bị kết án 20 năm tù

Có phải vì bức minh trước những áp lực quốc tế về vấn đề nhân quyền, nhất là vì bị ngoại trưởng Pháp công khai nêu lên vấn đề này ở Hà Nội, nhà cầm quyền Việt Nam đã trả đũa lại với bản án 20 năm tù giáng lên bác sĩ Nguyễn Đan Quế trong phiên tòa ngày 29.11.1991?

Ông Quế bị buộc tội đã dịch ra tiếng Anh và gửi ra nước ngoài nhiều tài liệu "bôi xấu chính phủ". Một người đồng sự với ông bị kết án 10 năm tù. Bác sĩ Nguyễn Đan Quế sinh năm 1942, tốt nghiệp y khoa bác sĩ ở Sài Gòn năm 1966, du học tại Âu châu (Bỉ, Pháp, Anh) trong các năm 1968-1974. Trở về nước giảng dạy tại đại học y khoa Sài Gòn năm 1974, ông ở lại Việt Nam sau năm 1975, tới năm 1978 đã bị bắt một lần, bị giam giữ 10 năm liền vì những "hoạt động lật đổ". Ra tù năm 1988, ông bị bắt lại ngày 14.6.1990 vì đã phổ biến một văn kiện kêu gọi từ bỏ chủ nghĩa xã hội, thiết lập một xã hội tiến bộ trong đó quyền tự do của con người được tôn trọng.

Việc kết án nặng nề một trí thức đấu tranh ôn hòa đòi thay đổi chế độ hoàn toàn mâu thuẫn với những cố gắng mới đây của chính quyền Việt Nam trong việc tìm kiếm một chính sách nội trị cởi mở, khả dĩ làm cho thế giới chấp nhận được hơn. Sau các nhà văn Dương Thu Hương, Doãn Quốc Sỹ, Nguyễn Chí Thiện (xem *Điễn Đàn số 3*), linh mục Lê Thanh Quế (bị bắt năm 1983), Võ Đại Tôn, người cầm đầu một toán biệt kích tìm cách về Việt Nam hoạt động vũ trang (năm 1981), cũng đã được trả tự do. Ngoài ra, cũng từ giữa tháng 11, Hà Nội đã bắt đầu trả tự do cho những sĩ quan và viên chức chế độ cũ cuối cùng còn bị giam giữ ở các trại "cải tạo", và cho phép Hồng thập tự quốc tế đi thăm các trại này. (tin Reuter, 3 và 10.12.91)

Trong những điều kiện đó, bản án cực kỳ vô lý đối với bác sĩ Nguyễn Đan Quế càng không có gì bào chữa được. Một lần nữa, nó chứng minh rằng chế độ độc tôn của một đảng chỉ dẫn tới những đối xử hoàn toàn tùy tiện của nhà cầm quyền đối với công dân, bất chấp công lý, chà đạp lên những quyền tự do dân chủ bình thường nhất.

Pháp - Việt Nam : nhỏ giọt

Trong chuyến đi thăm chính thức Việt Nam tháng 11 vừa qua, ngoại trưởng Pháp ông Roland Dumas đã thông báo quyết định của chính phủ Pháp tăng hơn gấp đôi khoản viện trợ không hoàn lại cho Việt Nam trong năm 1992 : 95 triệu Franc, thay vì 45 triệu trong năm 91. Ngân sách hợp tác cũng sẽ tăng 25 %, đạt mức 42 triệu Franc trong năm 92.

Paris cũng sẽ tiếp tục vận động cho Việt Nam tại Quỹ tiền tệ quốc tế, và cam kết cho Hà Nội vay 50 triệu đôla để trả góp khoản nợ hiện nay ước tính 138 triệu.

Các nhà quan sát cũng ghi nhận trong chuyến đi thăm này, ông Dumas đã nhấn mạnh với phía Việt Nam về các vấn đề nhân quyền.

(AFP 24.11.91)

Pháp xuất sang Việt Nam 106 triệu đôla hàng hóa, và mua của Việt Nam 28 triệu đôla, chiếm 1/4 khối lượng trao đổi thương mại của Tây Âu với Việt Nam. Về đầu tư vào Việt Nam, Pháp đứng hàng thứ tư sau Đài Loan, Hồng Kông và Úc, với tổng số vốn 272 triệu đôla.

(Tuổi Trẻ 23.11.91)

Đức : viện trợ 29 triệu Mác

Ngày 21.11, chính phủ Bonn đã thông báo việc Cộng hòa liên bang Đức nối lại sự hợp tác với Việt Nam, đồng thời tiếp tục các dự án mà Đông Đức và Việt Nam đã ký kết trước đây. Bonn cho biết sẽ dành 29 triệu Mác cho Hà Nội, gồm 12 triệu viện trợ tài chính và 17 triệu viện trợ kỹ thuật. Các khoản viện trợ này tập trung vào việc đào tạo cán bộ và cải cách ngân hàng, cũng như thiết lập hệ thống cung cấp điện cho các nông trường cà phê đã được Đông Đức giúp đỡ xây dựng trước đây.

Trong chuyến đi thăm Việt Nam tháng 10 vừa qua, ông Hermann Schaufler, bộ trưởng kinh tế và kỹ thuật của bang Baden Wurttenberg, đã ký một dự án hợp tác với kinh phí 10 triệu Mác (khoảng 6,5 triệu đôla), nhằm cải tiến công tác dạy nghề cho công nhân kỹ thuật, đào tạo giáo viên dạy nghề và trang thiết bị hiện đại cho trường đại học sư phạm kỹ thuật Thủ Đức mà CHLB Đức đã giúp xây dựng vào những năm 1970.

Cũng trong tháng 10.91, CHLB Đức đã khai trương tổng lãnh sự quán tại thành phố Hồ Chí Minh. Đây là tổng lãnh sự quán thứ 12 đặt tại thành phố, tiếp theo tổng lãnh sự quán của Malaixia mở hồi đầu năm nay. Ngoài ra, sau một năm mở đường bay Frankfurt - Singapore - Thành phố HCM, hãng hàng không Đức Lufthansa đã thông báo quyết định mở thêm một chuyến bay thứ nhì hàng tuần trên đường này và dự tính mở lại đường bay đi Việt Nam từ Berlin.

Mặt khác, trong tháng 11 vừa qua, Tổ chức hỗ trợ đại học Việt Nam đã trao 80 trong tổng số 120 phần thưởng cho sinh viên ở 30 trường đại học Việt Nam trong chương trình khuyến khích tài năng trẻ. Số học bổng này do Tổ chức hỗ trợ đại học CHLB Đức tài trợ.

(Tuổi Trẻ 26.10, 12.11 và 23.11.91)

việt nam...đã qua...sắp tới...việt nam...

Tin ngắn kinh tế đối ngoại

- * Chính phủ Hà Lan đã quyết định viện trợ cho Việt Nam 13 triệu Florin (khoảng 7 triệu Mỹ kim) gồm 8,5 triệu viện trợ trực tiếp và 4,5 triệu viện trợ thông qua Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên hiệp quốc (FAO) nhằm giúp Việt Nam mua phân bón. (*Nhân Dân* 5.11.91)
- * Chính phủ Thụy Điển đã cho biết quyết định tài trợ cho hai công trình bảo vệ môi trường tại các xí nghiệp giấy Đồng Nai và Tân Mai (tỉnh Đồng Nai), và Vĩnh Phú (tỉnh Vĩnh Phú). Tổng số tiền viện trợ cho hai công trình này là 8,2 triệu đôla, nằm ngoài khuôn khổ viện trợ hàng năm của Thụy Điển cho Việt Nam. (*Nhân Dân* 18.11.91)
- * Bộ trưởng thương mại Úc Neal Blewett đã tới thăm Việt Nam trong một tuần lễ giữa tháng 11. Đi cùng với ông, có 21 đại diện của nhiều công ty công và tư của Úc trong các ngành dầu mỏ, giao thông vận tải, ngân hàng, bảo hiểm... Chuyến đi thăm này tiếp theo quyết định tháng trước của Úc viện trợ lại Việt Nam. (*AFP* 16.11.91)
- * Một công ty hợp doanh Việt - Thụy Sĩ chuyên xử lý và buôn bán vàng đã được thành lập ở Hà Nội đầu tháng 12 với vốn ban đầu một triệu đôla. Phía Thụy Sĩ là công ty FIMO SA hùn 50 % vốn. (*AFP* 7.12.91)
- * Chủ tịch hội đồng bộ trưởng Võ Văn Kiệt, trong chuyến đi thăm Singapore cuối tháng 10 vừa qua, đã ngỏ ý mời ông Lý Quang Diệu, nguyên Thủ tướng Singapore làm cố vấn kinh tế cho chính phủ Việt Nam. (*FEER* 28.11.92)
- * Việt Nam đã thành lập một công ty quốc doanh chuyên về tài chính, bước đầu để đi tới hình thành một thị trường tư bản có kiểm soát. Công ty này được đặt ở thành phố HCM, lấy tên là Saigon Finance Co. Ông Nguyễn Hữu Định, người đứng đầu Công ty Vàng bạc và Đá quý thành phố được cử làm tổng giám đốc SFC. (*AFP* 3.12.91)

Thêm nhiều chuyến bay quốc tế

Từ đầu tháng 10, đường bay thẳng Úc-Việt Nam đã tăng lên hai chuyến mỗi tháng. Với chuyến bay thứ hai mỗi tuần nối Frankfurt với thành phố HCM của hãng Lufthansa, cho đến đầu tháng 11 đã có 19 chuyến bay thường xuyên của 12 hãng hàng không quốc tế nối liền sân bay Tân Sơn Nhất với 11 nước trên thế giới.

Riêng Hàng không Việt Nam có 49 chuyến bay quốc tế mỗi tuần. Trong tháng 11, Hàng không Việt Nam đã tăng cường các chuyến bay đi Hồng Kông (từ ngày 15.11) và Singapore (từ ngày 19). Ngoài ra, sân bay Tân Sơn Nhất đã nhập hệ thống giữ chỗ Gabriel II, để tạo thuận tiện cho hành khách giữ chỗ trước ở các đường bay nối tiếp.

(*Tuổi Trẻ* 2.11.91)

83 ngàn người Việt đi Mỹ trong năm 1992

Căn cứ trên ngân sách do quốc hội Hoa Kỳ vừa thông qua, ông Ellen Goff, giám đốc chương trình ODP (Ra di có

trật tự) đã cho biết, số người Việt Nam được phép đến Mỹ định cư trong năm 1992 sẽ lên đến 83 ngàn người. Trong số này, có 17 ngàn xuất cảnh theo diện con lai, 21 ngàn thuộc diện HO (sĩ quan, công chức chế độ cũ) và 45 ngàn thuộc diện ODP sang sum họp gia đình.

Tính đến ngày 1.10.91, tổng số người Việt Nam xuất cảnh chính thức sang Mỹ là 210 617 người, gồm 62 670 người thuộc diện con lai, 32 899 người thuộc diện HO và 115 298 người thuộc diện ODP

(*Tuổi Trẻ* 2 và 11.12.91)

Thủ tục về Việt Nam (tiếp)

Điển Đàn số trước đã đưa tin theo AFP về một số qui định mới của Nhà nước Việt Nam đối với việc xét và cấp thị thực vào Việt Nam cho Việt kiều. Dưới đây là một số bổ sung dựa trên nguyên văn bài trả lời phỏng vấn Thông tấn xã Việt Nam ngày 14.11.1991 của ông Nguyễn Ngọc Giao, phó ban Việt kiều trung ương (chú không phải một Thông báo của Ban Việt kiều như đã đưa).

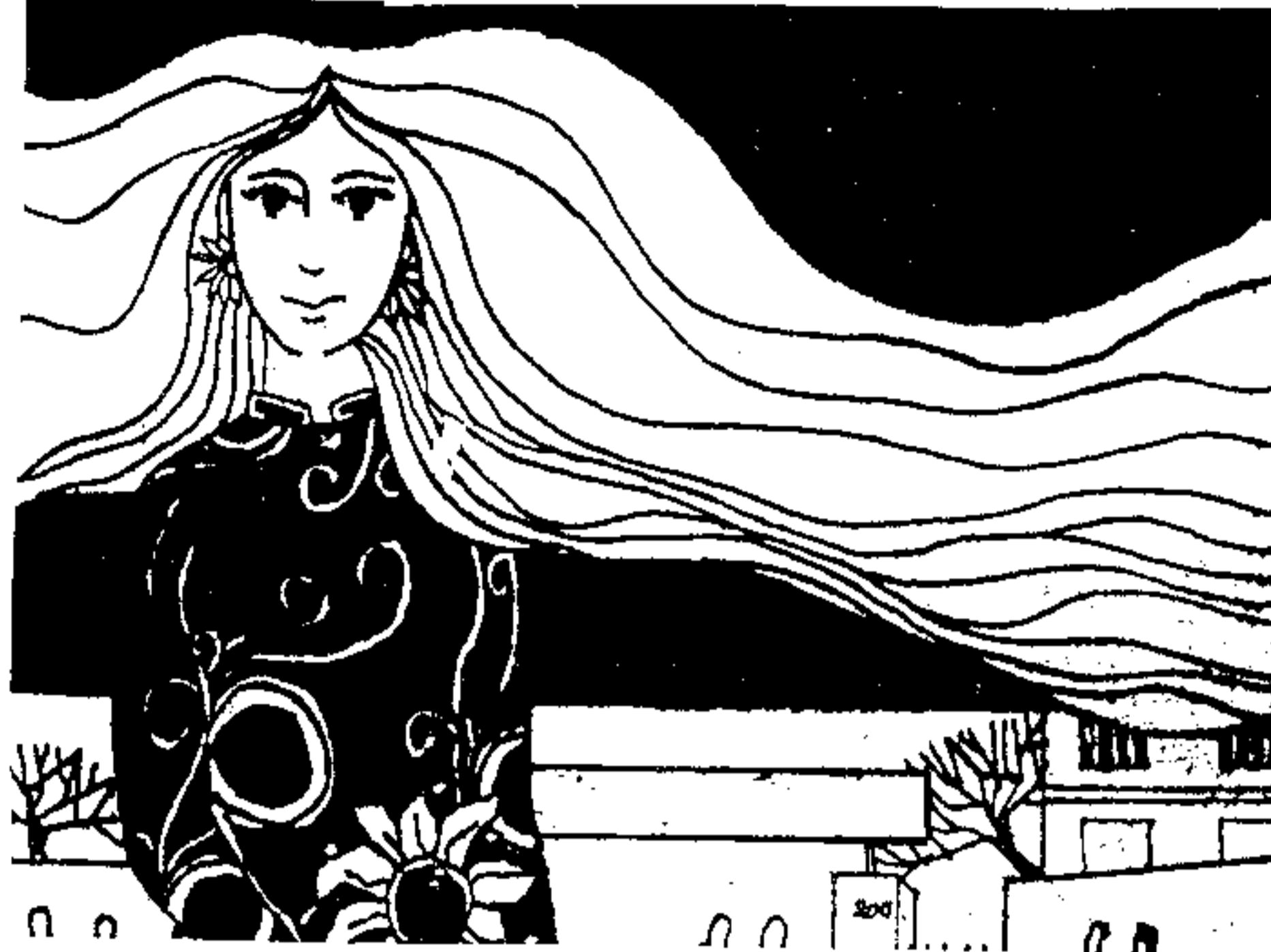
Đối với Việt kiều mang hộ chiếu Việt Nam, ông Giao nói thêm là “*Cha mẹ, vợ hoặc chồng, con cái họ là người nước ngoài được xét nhập cảnh cùng lúc với đương sự khi về nước*”. Câu này cũng được nhắc lại trong phần nói về Việt kiều mang hộ chiếu nước ngoài, đơn xin nhập cảnh của thành phần Việt kiều này được “*xét giải quyết trong 7 ngày kể từ khi trong nước nhận được đơn*” (chú không phải 15 ngày như *Điển Đàn* số 3 đã đưa). Ngoài ra, ông Nguyễn Ngọc Giao còn ghi thành một điều riêng “*Những Việt kiều đã đóng góp tích cực cho phong trào Việt kiều yêu nước và cho đất nước, những trí thức về làm việc*”, mà đơn xin nhập cảnh sẽ được xét trong ba ngày kể từ khi trong nước nhận được đơn. Những Việt kiều này, và thân nhân cùng đi cũng được hưởng các qui chế về tạm trú, đi lại trong nước,... như Việt kiều mang hộ chiếu Việt Nam. Ông không nói rõ, theo quan điểm của các cơ quan hữu trách Việt Nam thì thế nào là *đã đóng góp tích cực cho phong trào Việt kiều yêu nước và cho đất nước*?

Cưỡng bức thuyền nhân hồi hương

Hồng Kông đã bắt đầu thi hành việc cưỡng bức thuyền nhân hồi hương, tiếp theo thoả thuận giữa các chính phủ Anh và Việt Nam ngày 29.10 vừa qua. Ngày 9.11, 59 người đã bị cảnh sát dẫn lên máy bay đưa về Hà Nội. Ngày 3.12, một đợt 28 người khác bị đưa đi. Mặc dù những phản đối chính sách hồi hương cưỡng bách này nổ ra khắp nơi, ngay trên đảo nhiều đợt biểu tình của những người tị nạn đã diễn ra, chính phủ Hồng Kông cho biết sẽ tiếp tục việc này. Người phát ngôn của Hồng Kông cũng cho biết, trong tháng 11 chỉ có 20 thuyền nhân Việt Nam đi tới Hồng Kông, bằng mức thấp nhất trong 6 năm qua, và 1414 người đã trở về nước theo chương trình hồi hương tự nguyện của Liên hiệp quốc. Hiện có khoảng 60000 người Việt Nam đến tị nạn ở Hồng Kông, khoảng 80 % trong số này được coi là tị nạn kinh tế và không tìm được nước nhận cho cư trú.

Về phần mình, chính phủ Malaixia tuyên bố ngày 2.12 là
(xem tiếp trang 21)

Cộng đồng đó đây...



Nhân xem triển lãm tranh “ POSITION ” của Nguyễn Bình Minh

Tác giả là một nữ họa sĩ trẻ, tốt nghiệp trường Cao đẳng Mỹ thuật Hà Nội, mới từ Việt Nam qua Pháp được một năm. Vóc người nhỏ nhắn, diệu bộ khiêm tốn, phần nào nhút nhát, không ai tưởng nổi một con người mảnh mai như thế lại có được một nghị lực, một sức làm việc dẻo dai, cho phép chị sáng tác trong vòng vừa đầy một năm trời ở Pháp, hơn 50 bức họa, trong đó có nào là tranh bột màu, nào là sơn dầu, lại còn thêm cả một bức sơn mài, tất cả cùng có một chất lượng nghệ thuật cao.

Nhưng ta hãy đi vào thế giới tranh của Nguyễn Bình Minh. Đó là một thế giới thơ mộng, tràn đầy một sự hài hòa về hình thể và màu sắc.

Tranh của chị thuộc một dòng tranh trừu tượng trong vô số những dòng tranh trừu tượng khác của trường phái này, một thứ trừu tượng giàu “ cảm tính ”.

Đứng về mặt thẩm mỹ thuần túy, đây không phải là một xu hướng tìm tòi có tính chất “ xung kích ”. Nó không tự đặt cho mình một sứ mệnh mở đường hay khai phá, mà chỉ sử dụng những vốn sẵn có để tạo nên một phong cách riêng biệt, một cá tính.

Ở đây, không có một sự sắp đặt chặt chẽ. Tác giả tỏ ra phóng túng và thoải mái trong bố cục, cũng như khéo léo trong cách tạo ra một không khí thơ mộng, một sự hài hòa giữa những mô típ và nền tranh.

Một điểm đáng chú ý nữa về mặt hình thức là tác giả, mặc dầu vẫn sử dụng chất liệu giấy dó rất Á đông, nhưng về mặt thể hiện màu sắc lại ít dùng đến những kỹ thuật cổ truyền Á đông. Nguôi lại, những kỹ thuật được sử dụng đều là những kỹ thuật thông thường trong hội họa Tây phương.

Tác giả tự khẳng định cho mình một hướng đi. Đó là sự hướng về một cái đẹp thơ mộng, một không khí thanh bình, một cách diễn đạt phóng khoáng, tự do, trong sự tôn trọng những quy luật thông thường của nghệ thuật, nói hép lại ở đây là của trường phái trừu tượng.

Phải chăng đó là ý nghĩa sâu xa của cái tên “ POSITION ” mà tác giả đã đặt cho cuộc triển lãm ?

Hoài Văn

Bị hư thai vì bác sĩ

Trường hợp chị Võ Thị Nho ở Bron, ngoại ô thành phố Lyon, một thuyền nhân, có mang 5 tháng, bị mất con do một sự lẩn lộn hồ sơ bệnh nhân và sự cẩu thả của bác sĩ tại một bệnh viện lớn ở Lyon là cả một thảm kịch và là một sự kiện đáng để cho bà con cộng đồng quan tâm.

Chị Võ Thị Nho đặt chân tới Pháp cách đây 3 năm. Lúc từ biệt Việt Nam ra đi chị đang có mang đứa con đầu lòng. Chồng chị bị giữ lại không đi thoát được. Đứa bé ra đời và rời hoàn cảnh đưa đẩy, gần đây chị gặp được một người bạn trai, đồng hương, Jean-Pierre Mai, hai người yêu nhau và chuẩn bị làm lễ cưới vào cuối tháng chạp năm nay.

Ngày 27.11 vừa qua, lúc này chị có mang đứa con thứ hai đã được 5 tháng, theo thủ tục chị vào bệnh viện Hôtel-Dieu ở Lyon để cho bác sĩ khám thai. Ở đây, nhiều sự tình cờ, rủi ro, cũng như thiếu cảnh giác và thiếu trách nhiệm đã dẫn đến thảm kịch mà chúng ta đều biết : trong phòng đợi có hai thiếu phụ Việt Nam trùng tên, hai “ Madame Võ ”, một người đến bệnh viện để xin rút vòng tránh thai ra, một người, có mang đã 5 tháng, đến để bác sĩ khám thai. Hai hồ sơ đã bị lẩn lộn, các bác sĩ đã nhầm bệnh nhân của mình. Kết quả là chị Võ Thị Nho đã bị bác sĩ làm hư thai và mất đứa con 5 tháng !

Vụ việc này đã làm náo động cả giới y học và dân chúng ở Pháp. Nhiều giáo sư bác sĩ tên tuổi đã lên tiếng trước báo chí, lên án sự thiếu tổ chức chặt chẽ của ban quản lý bệnh viện, cũng như sự cẩu thả vô trách nhiệm của người bác sĩ.

Đọc sách (tiếp theo trang 28)
ngóc đầu ở Tây Âu, ngang nhiên viết lại lịch sử, tân trang cho chủ nghĩa phâtxít và chủ nghĩa thực dân, trong khi ở Đông Âu, chủ nghĩa quốc gia hép hồi trời dậy trên hoang tàn của hệ thống “ xã hội chủ nghĩa ”, châu Âu này, và cả thế giới nữa, rồi sẽ đi về đâu ?

Chẳng lẽ chấm dứt bài viết này bằng một màu đen tối. Trong cái họa, có cái phúc. Chiến dịch chống Boudarel, dầu sao, đã buộc ông phải lao lực suốt mấy tháng hè viết *Tự truyện*. Nhờ đó mà hôm nay, chúng ta có một chứng từ quý báu về một giai đoạn lịch sử Việt Nam, một áng văn hay. Và cho chúng ta hiểu hơn, cảm mến hơn, một con người qua bao sóng gió của thời đại, đã nhiều phen đứng trước những chọn lựa cá nhân bi tráng, mà vẫn giữ được niềm thuỷ chung cơ bản. Ước mơ hôm nay của Boudarel là góp phần vào sự hòa giải : hoà giải giữa Pháp và Việt Nam trong sự hợp tác, hoà giải giữa người Việt với người Việt trong công cuộc dân chủ hoá và xây dựng đất nước. Trước thềm năm 1992, chúng ta hãy chia sẻ giấc mơ ấy với một người bạn chí cốt.

Kiến Văn

¹ Cuối tháng 8, một người hàng xóm của G. Boudarel, đi nghỉ hè về, thấy cửa kính bị 6 viên đạn xuyên thẳng. Một tờ báo đưa tin này, đã ân cần chỉ dẫn cho kẻ bắn súng biết rõ Boudarel ở ngôi nhà nào, tầng thứ mấy của chung cư. 4 tháng đã qua, chưa thấy công tố viện phản ứng. Báo chí, nhất là báo hại, đúng là một vũ khí

² Vì những bạn đọc không quen tiếng Pháp, xin tạm dịch : “ Tao không hiểu tại sao ông già, vốn là người ít chịu khuôn phép, mà lại để cho cái bọn vừa ngu vừa sinh khuôn phép bắt chết.”

³ Tin cuối cùng : ngày 20.12.1991, phòng thi thẩm Versailles đã quyết định miễn tố giáo sư Boudarel.

NGUYỄN TRƯỜNG TỘ : GIẤC MỘNG CHUA THÀNH

Vinh Sính

Cách đây đúng 120 năm (ngày 22 tháng 11.1871), Nguyễn Trường Tộ, tác giả những bản điều trần lịch sử, đã từ trần, thọ 41 tuổi. Giấc mộng chưa thành, song hoài bão, cái nhìn của ông và những vấn đề ông nêu ra từ hơn một thế kỷ, ngày nay vẫn nóng bỏng tính thời sự. Nhân ngày giỗ của nhân vật kiệt xuất này, Diễn đàn giới thiệu bài viết của sứ gia Vinh Sính, giáo sư Trường đại học Alberta (Canada). Nguyễn thuỷ, đây là bài biên khảo dài 11 trang, tựa đề *Giấc mộng chưa thành — Vài suy nghĩ nhân đọc cuốn “ Nguyễn Trường Tộ : Con người và di thảo”* của linh mục Trương Bá Cẩn, đăng trên báo Đất Mới (Canada), số tháng 1.1991. Chúng tôi đã có mấy dịp giới thiệu công trình của nhà sử học Trương Bá Cẩn. Một khác, bài viết của giáo sư Vinh Sính có một số phần chuyên môn, vượt quá khuôn khổ của Diễn đàn. Vì vậy, chúng tôi đã xin phép, và được tác giả chấp thuận, trích đăng hai phần chính : phần thứ nhất nêu bật tầm cõi của tư tưởng Nguyễn Trường Tộ so với trí thức Việt Nam cùng thời (số trước), phần thứ hai (số này) soi sáng câu hỏi mà ta thường đặt ra : Nguyễn Trường Tộ đã tìm ở đâu những hiểu biết sâu rộng về thế giới bên ngoài ? Phần này còn giúp ta so sánh tư tưởng của Nguyễn Trường Tộ với tư tưởng của các nhà duy tân Trung Quốc và Nhật Bản. Chúng tôi thành thực cảm ơn tác giả Vinh Sính.

Vai trò của Tân thư trong việc mở rộng kiến thức của Nguyễn Trường Tộ

Tân thư là gì ? Tân thư đi từ chữ Hán *hsin-shu* 新書 gọi nôm na là *Sách mới*, từ trước đến bây giờ được người Việt ta dùng để chỉ những sách chữ Hán do các nhà cải lương Trung Hoa như Khang Hữu Vi (*Kang Yu-wei*) và Lương Khải Siêu (*Liang Ch'i-ch'ao*) trước tác và được đưa vào nước ta vào cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX. Các chí sĩ hoạt động trong các phong trào duy tân đất nước sau Nguyễn Trường Tộ, như Nguyễn Lộ Trạch, Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, Tiểu La Nguyễn Thành... đều chịu ảnh hưởng không ít của những cuốn sách này. Tân thư nói rộng ra bao gồm cả những cuốn sách do người Trung Hoa trước tác hay dịch thuật từ sách báo Tây phương kể từ thập niên 1840, sau khi Trung Hoa bị Anh đánh bại trong chiến tranh Nha phiến và muốn tìm hiểu Tây

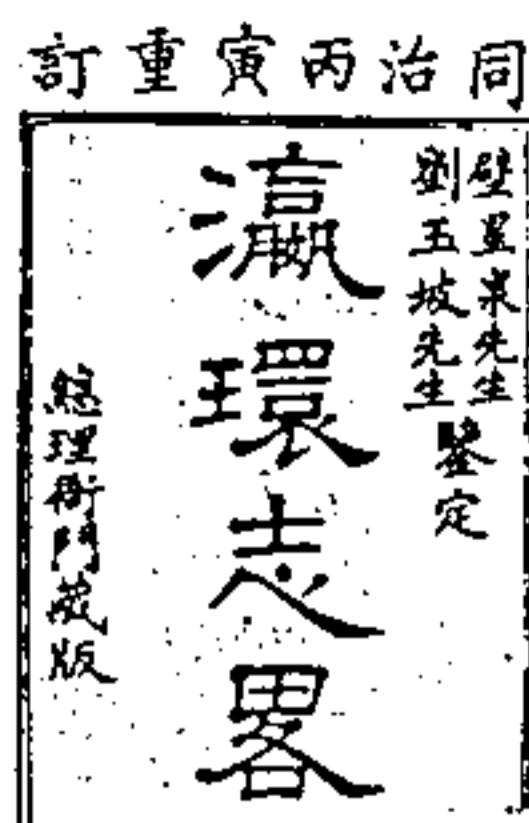
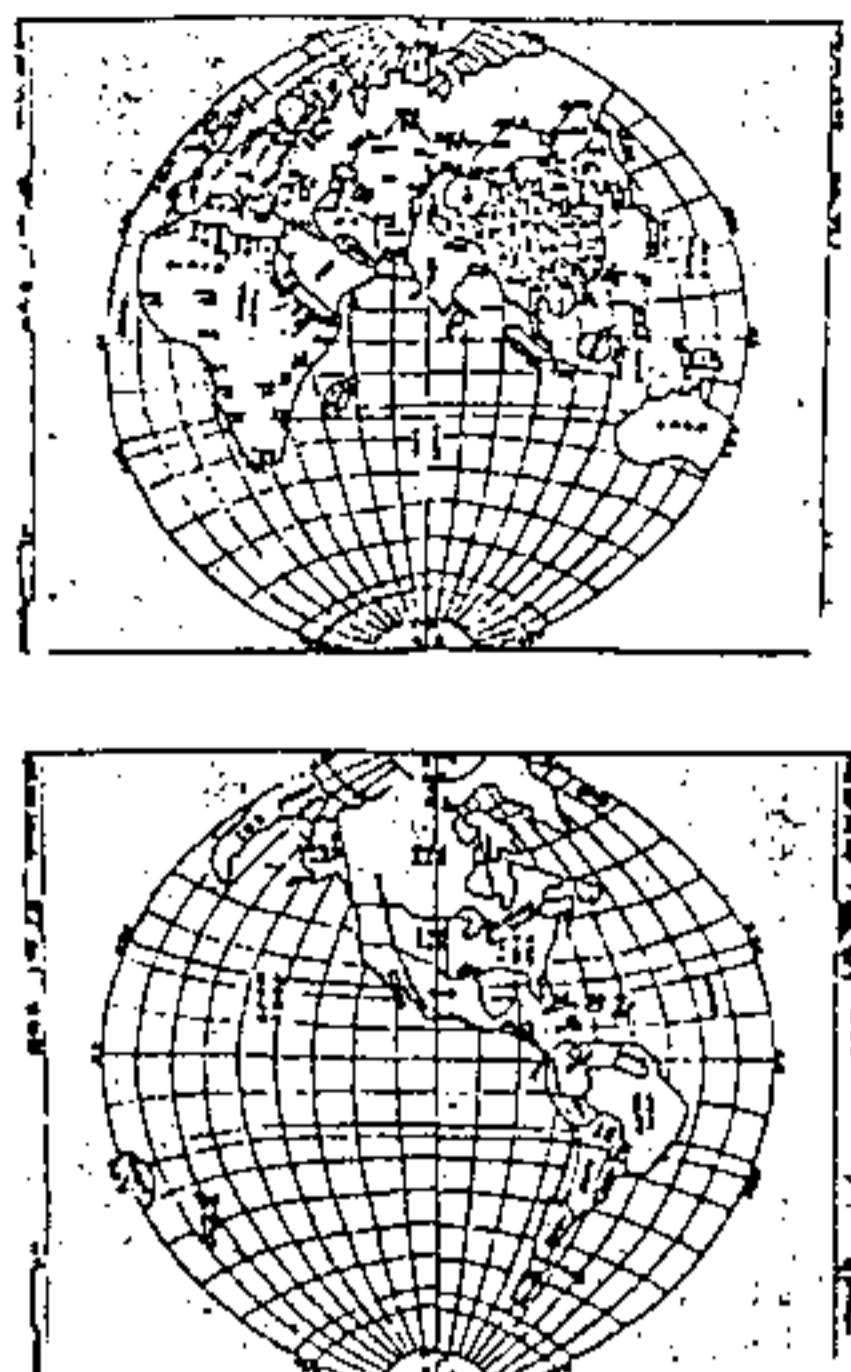
phương để đáp ứng nhu cầu “biết thêm về đối phương”. Trong thời kỳ này, cũng có một số sách Tân thư do các nhà truyền giáo Tin Lành trước tác bằng chữ Hán. Khi xuất bản những sách này, họ muốn chứng minh cho người Trung Hoa thấy rằng nếu các nước Tây phương có một nền văn minh tiên tiến như vậy thì tín ngưỡng của họ (đạo Kitô)ắt phải có gì đáng chú ý².

Chúng tôi đồng ý với hai ông Đào Duy Anh và Trương Bá Cẩn là “những sách bằng chữ Hán thuộc loại Tân thư” đã đóng một vai trò quan trọng trong việc mở rộng kiến thức cận đại của Nguyễn Trường Tộ. Ông Đào Duy Anh cho biết là trong tủ sách của Nguyễn Trường Tộ có rất nhiều loại sách này, nhưng hình như không ai ghi lại tên những cuốn sách đó. Thật đáng tiếc, vì phải gì nếu có được một danh sách đầy đủ của tên những cuốn Tân thư, cùng những loại sách khác, trong tủ sách đó, thì chúng ta đã có thể tra cứu để biết rõ hơn về quá trình cấu tạo tư tưởng khải mông của nhân vật lỗi lạc này !

Khi đọc lại các di thảo của Nguyễn Trường Tộ để mong tìm một vài tia sáng cho vấn đề này, tình cờ chúng tôi thấy Nguyễn Trường Tộ có nhắc đến cuốn *Doanh hoàn chí lược* (Ying-huan chih-lueh, nghĩa là Khái lược về địa lý thế giới), mà may mắn từ trước chúng tôi đã được biết là một Tân thư rất nổi tiếng, không chỉ ở Trung Hoa mà còn ở Nhật Bản trong hai thập niên 1850 và 1860. Để có một nhận thức về ý nghĩa cuốn *Doanh hoàn chí lược* nói riêng và Tân thư nói chung đối với Nguyễn Trường Tộ, xin giới thiệu đôi hàng về những nhận xét sơ bộ của chúng tôi.

Trước hết, chúng ta hãy xem Nguyễn Trường Tộ đã nhắc đến cuốn *Doanh hoàn chí lược* trong trường hợp như thế nào. Trong bản điều trần về “Bàn về những thế lớn trong thiên hạ” (*Thiên hạ đại thế luận*), đề ngày 3.4.1863, ông viết : “Tôi thường nghiên cứu sự thế trong thiên hạ mà biết rằng hòa với Pháp là thượng sách. Hơn nữa ở châu Âu, việc vở bị chỉ có nước Pháp là đứng hàng nhất, hùng mạnh nhất không thua ai cả. Họ lại có tính khảng khái, hiếu chiến, với uy phong của một quân đội có xe sắt. Tuy dùng binh nhưng cũng biết trọng nghĩa giữ lời, không như các nước chỉ chuyên thủ lợi... Khi thắng trận thì cả nước hoan hô, dù tổn thất nghìn muôn người chẳng tiếc, chỉ sao cho uy danh hùng tráng, quốc thể được bảo toàn làm trọng. Các tướng thì gan dạ, nhiều mưu trí, thạo binh pháp, thuỷ chiến, lục chiến đều rất giỏi. Thật đúng như sách *Doanh hoàn chí lược* đã chép vậy”. Sau đó, trong bài điều trần về “Tám điều cần làm gấp” (*Tám điều cần làm gấp*) đề ngày 15.11.1867, khi bàn đến sự cần thiết chỉnh đốn những vùng sát biên giới phía tây của Việt Nam và khuyên triều đình nên cho các nhà truyền giáo đến giảng đạo và giúp đỡ dân chúng các vùng đó, Nguyễn Trường Tộ viết : “Phương Tây xưa có nhiều giống dân hung dữ chưa khai hoá, như dân Bồn Man, Vạn Tượng ngày nay, phần nhiều đều nhờ các giáo sĩ chịu khó mở mang giáo hoá mà về sau dần dần trở nên thịnh lợi. Chuyện ấy sử sách các nước phương Tây còn ghi và sách *Doanh hoàn chí lược* của Trung Quốc cũng nói đến chứ không phải tôi dám bịa ra hùa theo nói tốt cho họ đâu” (tr. 272).

Trong hai đoạn trích ở trên, Nguyễn Trường Tộ đã nhắc



Bìa sách *Doanh hoàn chí lược*

đến *Doanh hoàn chí lược* khi bàn về một khía cạnh của dân tộc tính, hay tâm lý, người Pháp (trích dẫn đầu), và tình hình ở Lào (trích dẫn hai). Dĩ nhiên Nguyễn Trường Tộ đã trích dẫn để nói lên tính khách quan trong luận điểm của ông, nhưng mặt khác, qua sự trích dẫn này chúng ta thấy được phần nào ý nghĩa của Tân thư trong quá trình tìm hiểu tình hình trên thế giới lúc bấy giờ của Nguyễn Trường Tộ (vào thời điểm này có lẽ Nguyễn Trường Tộ chưa đi Pháp và các nước châu Âu, nên những “sử sách các nước phương Tây” mà ông nói ở trên có lẽ là những sách đã dịch ra hoặc giới thiệu bằng chữ Hán). Bây giờ chúng ta hãy thử xem cuốn *Doanh hoàn chí lược* mà Nguyễn Trường Tộ đã trích dẫn ở đây là cuốn sách gì, và đã có ảnh hưởng như thế nào ở Trung Hoa và Nhật Bản?

Doanh hoàn chí lược do Từ Kế-Dư (*Hsu Chi-yu*, 1795-1873) biên soạn dưới triều vua Đạo Quang (*Tao-kuang*) nhà Thanh, vào những năm 1843-1848 khi Từ được bổ nhiệm về tỉnh Phúc Kiến, lúc đầu để trông coi việc buôn bán với các nước Tây phương, và sau đó với tư cách là tuần vũ (giống như chức tỉnh trưởng). Từ sinh ở Sơn Tây trong một gia đình khoa bảng, ông đỗ cử nhân năm 1813 nhưng phải đến 13 năm sau mới đỗ tiến sĩ. Sau đó, Từ được bổ làm án sát tỉnh Thiểm Tây (1836) và nổi tiếng là một quan viên có khả năng giải quyết những vấn đề hóc búa. Vua Đạo Quang nghe tiếng, triệu Từ về kinh để hỏi về phương sách chấn hưng Trung Hoa. Tương truyền khi nghe Từ trình bày, nhà vua xúc động đến rơi nước mắt. Một năm sau khi hòa ước Nam Kinh (1842) được ký kết, Từ được bổ nhiệm về Phúc Kiến, và theo lệnh vua, bắt đầu tìm hiểu về tình hình nước ngoài.

Ở Phúc Kiến, Từ thường có dịp tiếp xúc với các viên chức Tây phương ở Hạ Môn (*Amoy*) và Phúc Châu (*Foochow*), trong đó có đại úy Henry Cribble, lãnh sự đầu tiên của Anh ở Hạ Môn, và thông dịch của ông là David Abeel (tên chữ Hán là *Nhã-bì-lý*, 1804-1846), một giáo sĩ người Hoa Kỳ, cùng những nhân viên ngoại giao người Anh khác như George Tradescant Lay và Rutherford Alcock. Sau khi được Abeel cho xem tập bản đồ thế giới, Từ Kế Dư bắt đầu tập trung sưu tập những bản đồ xuất bản ở các nước Tây phương, biên soạn thêm lời chú giải dựa trên những tư liệu về kinh tế và chính

trị Tây phương để hoàn thành cuốn sách này. Như đã đề cập ở trên, các giáo sĩ Tin Lành ở Trung Hoa lúc bấy giờ đang đẩy mạnh kế hoạch truyền giáo và xuất bản nhiều sách để giới thiệu văn minh Tây phương bằng chữ Hán. Đây là nguồn tài liệu chính yếu để Từ tìm hiểu về thế giới bên ngoài. Trong số những tài liệu này, đặc biệt quan trọng là cuốn *Universal Geography* (*Địa lý thế giới*) viết bằng chữ Hán của Karl Gutzlaff (1803-1851), một giáo sĩ gốc người Phổ thuộc Giáo hội Hà Lan. Trong khi biên soạn, Từ đã kiểm chứng những kiến thức của ông về tình hình thế giới bên ngoài với những người Tây phương mà ông có dịp tiếp xúc.

Từ soạn xong cuốn *Doanh hoàn chí lược* vào khoảng cuối tháng tám hay tháng chín năm 1848, nhưng hình như đến cuối hè năm sau sách mới được xuất bản. Nhờ lối làm việc nghiêm túc dựa trên quan điểm khảo chứng của Từ Kế Dư, cuốn *Doanh hoàn chí lược* đã chiếm địa vị là một trong những tài liệu chính yếu về thế giới bên ngoài trong suốt hàng chục năm sau đó ở Trung Hoa³. Cũng nên nói thêm rằng Khang Hữu Vi, nhà cải lương Trung Quốc nổi tiếng vào cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX, bắt đầu đọc *Doanh hoàn chí lược* vào năm mươi bảy tuổi, và đối với Khang, sách này là một trong những cuốn sách gối đầu giường về tình hình các nước Tây phương⁴.

Bộ *Doanh hoàn chí lược* xuất bản năm 1849 gồm 10 quyển, có gần 145.000 chữ và 42 bản đồ. Trong sách, Từ không chỉ nói về địa lý, mà còn bàn về bản đồ chính trị thế giới ở thế kỷ XIX, hiện tình của các nước, và giải thích các vấn đề nóng hổi lúc bấy giờ như sự bành trướng của các nước Tây phương sang Á châu và ảnh hưởng của nó đối với Trung Hoa và các nước triều cống chung quanh⁵.

Ngoài *Doanh hoàn chí lược* còn có một Tân thư quan trọng khác là cuốn *Hải quốc đồ chí* (*Hai kuo tu-chih*, 1842) của Nguy Nguyên (*Wei Yuan*). Hai cuốn này được truyền sang Nhật và in lại vào cuối đời Tokugawa (*Doanh hoàn chí lược* được in lại ở Nhật năm 1861)⁶. Đối với các chí sĩ (*shishi*) đang bôn ba hoạt động để tìm phương cách cứu nguy cho Nhật Bản, nhờ hai cuốn sách này mà họ biết được về tình hình bên ngoài trong lúc Nhật đang còn thi hành chính sách bế quan tỏa cảng. Sau đó, người Nhật đã tự mình đi học hỏi, điều tra các nước bên ngoài để ngày càng cập nhật hóa kiến thức của họ về thế giới, nên đã bỏ xa Trung Quốc. Có điều đáng để ý là vào năm 1874, khi kiến thức về nước ngoài ở Nhật nói chung đã vượt hẳn Trung Quốc, vẫn có người dịch lại cuốn *Doanh hoàn chí lược* sang tiếng Nhật để làm tài liệu tham khảo. Tên sách dịch sang tiếng Nhật này được đổi là *Eikan shiryaku* (*Doanh hoàn sử lược*, tên sách ở trang đầu vẫn giữ nguyên là *Doanh hoàn chí lược*) và có thêm phụ đề là *Zokkai eiri*, tức là *tục giải* (giải thích theo ngôn ngữ thông thường để ai cũng có thể lãnh hội) và có thêm minh họa⁷.

Tuy chúng ta không thấy Nguyễn Trường Tộ trực tiếp nhắc đến tên sách *Hải quốc đồ chí* trong các di thảo, nhưng vì (a) ý nghĩa quan trọng của sách này (tương đương với *Doanh hoàn chí lược*) so với các Tân thư lúc bấy giờ, và (b) trong di thảo của Nguyễn Trường Tộ có dấu vết của các luận điểm đề ra trong sách này, có khả năng là Nguyễn Trường Tộ đã đọc sách *Hải quốc đồ chí*. Điều đáng tiếc là vì tài liệu về

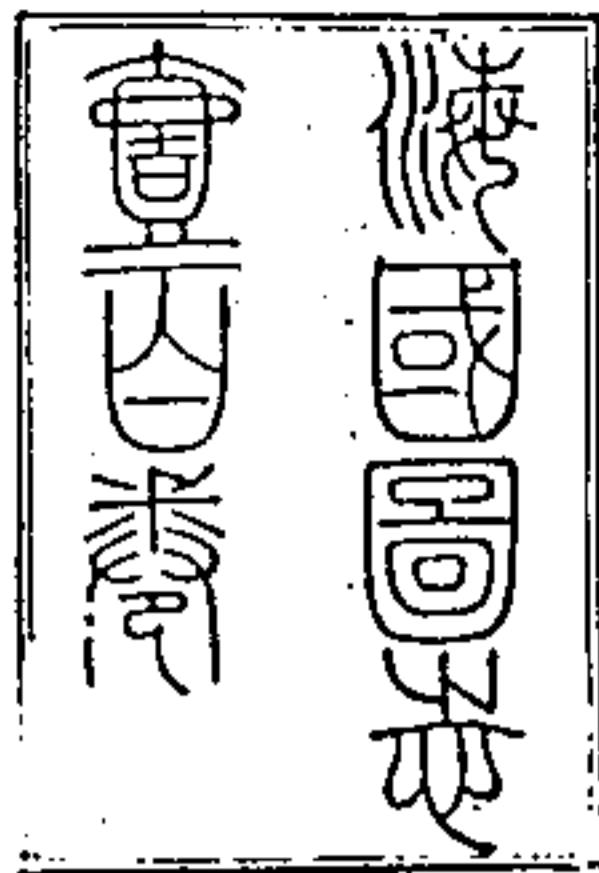


图 64 「海國圖志」百卷本(北京大字版)

Hải quốc đồ chí
(ấn bản lần thứ 3)

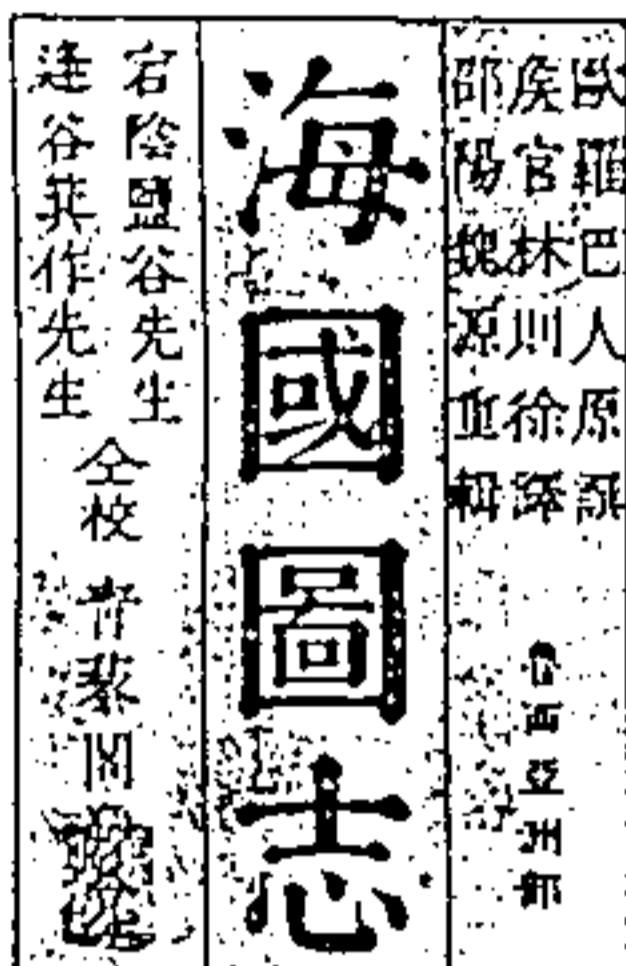


图 63 朝译「海國圖志」(日本
翻刻本, 塩谷官佐校订, 施
作阮所撰点)

Hải quốc đồ chí
(bản tiếng Nhật)



Nguyễn Nguyên, tác giả của
Hải quốc đồ chí



「海國圖志」叙
Bài tựa của
Hải quốc đồ chí

Nguyễn Trường Tộ bị thất lạc quá nhiều nên chúng ta không có phương tiện để xác minh là giả thuyết này có đúng hay không. Nhưng, dầu sao đi nữa, để có một khái niệm tổng quát về vai trò của Tân thư ở Trung Hoa và Nhật — và dựa trên đó ta có thể đi đến một nhận định khách quan hơn về vị trí đặc thù của Nguyễn Trường Tộ trong giới trí thức Việt Nam trong hai thập niên 1850 và 1860 — ta cần biết sơ lược về cuốn *Hải quốc đồ chí*.

Nguyễn Nguyên, tác giả *Hải quốc đồ chí*, là bạn thân của Lâm Tắc Tù (Lin Tse-shu, 1785-1850), người thay mặt triều đình nhà Thanh giải quyết vấn đề Công ty Đông Án Độ của người Anh nhập cảng thuốc phiện vào Trung Hoa. Chính Lâm đã ủy thác cho Nguy soạn cuốn sách này. Sách *Hải quốc đồ chí* xuất bản lần đầu tiên (1842) có 50 quyển, khi in lại năm 1847 được bổ sung thành 60 quyển, và có 100 quyển khi tái bản lần thứ hai vào năm 1852. Sách có khoảng 88 vạn chữ, 75 bản đồ, và 42 trang vẽ biểu đồ các pháo thuyền Tây phương. *Hải quốc đồ chí* không chỉ cung cấp những kiến thức khách quan mà còn đề xuất những biện pháp chiến lược để đối phó với sự bành trướng như tăm ăn dâu của Tây phương. Nguy Nguyên chủ trương *dĩ di công di* (dùng Tây phương đánh Tây phương), *dĩ di khoán di* (dùng Tây phương để lung lạc Tây phương) và *sư chi di trường kỵ dĩ chế di* (học cái sở trường của Tây phương để chặn đứng xâm lược của Tây phương)⁸. Sự thay đổi lập trường của Nhật từ *joi* (nhương di : chống đối Tây phương bằng vũ lực) sang *kaikoku* (khai quốc : mở cửa để giao thương) và cuối cùng là *học hỏi Tây phương, bắt kịp Tây phương, đi vượt Tây phương* trong

những năm cuối đời Tokugawa và đầu thời Minh Trị trùng hợp với chủ trương của Nguy Nguyên. Dĩ nhiên, cũng từ một nhận thức tương tự với Nguy Nguyên mà Nguyễn Trường Tộ đã điều trần về sự cần thiết tiếp thu văn minh tiên tiến của Tây phương để cứu Việt Nam khỏi nạn mất nước, hoặc bàn về phương sách khống chế người Pháp bằng cách *nhờ kẻ khác để ngăn chặn họ, xui kẻ khác gây sự với họ, nhờ kẻ khác để ly gián họ, nhờ nước khác lấy danh nghĩa mà áp chế họ, dùng người khác để đánh họ, hoặc nhờ các nước để phòng các nước* trong điều trần về *Lực Lợi từ* (khoảng tháng 6 hoặc tháng 7.1864, tr. 145-51) và trong nhiều điều trần khác⁹.

Khi mới xuất bản, *Hải quốc đồ chí* được sự chú ý của một số trí thức Trung Hoa, nhưng sau đó sách bị tuyệt bản và khi Bình bộ thị lang của nhà Thanh là Vương Mậu Ấm (Wang Mu-yin) dâng tấu xin tái bản sách để các thân vương và đại thần mỗi nhà đều có một cuốn, và dùng sách làm tài liệu để dạy cho quân đội, thì đề nghị này bị bỏ qua. Ở Trung Hoa, không những các biện pháp do Nguy Nguyên đề ra không được thực hiện, mà ngay bản thân Nguy Nguyên cũng không được trọng dụng. Ông chỉ làm đến chức *tri huyện*; sau khi triều đình bị Thái Bình Thiên quốc uy hiếp ông mới được thăng lên chức *tri châu*, và cuối cùng đã chết trong hụ quạnh. Trong khi đó ở Nhật, giống như *Doanh hoàn chí lược*, *Hải quốc đồ chí* có ảnh hưởng sâu rộng và thực tiễn đối với giới trí thức trong và ngoài chính quyền. Ấn bản *Hải quốc đồ chí* in lần thứ hai (60 quyển, 1847) được truyền sang Nhật 3 bộ năm 1851 và 2 bộ năm 1852; ấn bản in lần thứ ba (100 quyển, 1852) được truyền sang Nhật 15 bộ vào năm 1854, trong đó 7 bộ được chính quyền Bakufu trưng dụng, và 8 bộ được đem bán trên thị trường. Kawaji Toshiakira, viên chức phụ trách tài chính và hải phòng¹⁰ của chính quyền Bakufu đã ủy thác cho Shioya Toin chọn lọc những phần quan trọng để in lại. Bản in lại ở Nhật được xuất bản năm 1855, trong đó các địa danh, tên các loại thảo mộc... được học giả Mitsukuri Gempo chú thêm tên gọi theo các tiếng Tây phương. Chỉ nội trong ba năm từ 1854 đến 1856 ở Nhật có tất cả đến 21 ấn bản khác nhau về *Hải quốc đồ chí*¹¹, qua đó chúng ta thấy sự quan tâm về tình hình thế giới và phản ứng thức thời, nhanh chóng của người Nhật để cứu nguy cho đất nước họ.

Năm 1862, khi Takasugi Shinsaku (Cao sâm Tấn tác, 1839-67) — môn đệ của Yoshida Shoin (Cát diễn Tùng lâm, 1830-59), người đi tiên phong và biểu tượng của phong trào chống Bakufu để tiến đến Minh Trị Duy tân — bí mật sang Thượng Hải để điều tra tận mắt về tình hình Trung Hoa, hình như ông ta phải vất vả lăm mới tìm ra được một bộ *Hải quốc đồ chí*. Sau một thời gian ở Thượng Hải, ông có dịp *bút đậm* với trí thức Trung Hoa, Takasugi cho rằng việc người Trung Hoa đã để một cuốn sách do người Trung Hoa trước tác có giá trị chiến lược thực tiễn như cuốn *Hải quốc đồ chí* tuyệt bản mà không chịu in lại là một trong ba lý do khiến Trung Hoa suy yếu. Hai lý do khác mà Takasugi đã nêu là : (a) trước nạn Tây xâm, thái độ người Trung Hoa là hững hờ, mặc kệ, không cần ai nghĩ đến ngay cả việc bàn luận về phương cách ngăn chặn hiểm họa đó; và (b) người Trung Hoa không biết trang bị súng thần công có tầm xa để ngăn chặn tàu bè Tây

(xem tiếp trang 7)

KHỦNG HOẢNG GIÁO DỤC

Tụ Điểm Của Mọi Khủng Hoảng Xã Hội, Văn Hóa, Kinh Tế, Chính Trị...

Nhìn đến tình trạng giáo dục nước ta hiện nay không thể không buột miệng thốt ra câu hỏi “ Tại sao ? ”.

Tại sao nền giáo dục, niềm tự hào của chế độ, trong bao năm chiến tranh gian khổ, dưới mưa bom vẫn ngang nhiên hoàn tất nhiệm vụ, đào tạo các thế hệ lớp lớp theo nhau tiến lên, bỗng nhiên dâm ra suy đốn, lụn bại với một tốc kinh người như vậy ? Năm 1986 cả nước có một triệu học sinh cấp ba, nay chỉ còn 500.000⁽¹⁾, cứ đà này mà giảm sút thì theo giáo sư thứ trưởng phụ trách ngành học phổ thông Lương Ngọc Toản, đến năm 1995 ta khó lòng có đủ nổi 200.000 thí sinh để tuyển vào các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp và dạy nghề⁽²⁾. Mà hiện nay chẳng phải nhìn đâu xa xôi, ngay trong vùng Á châu ta đã bị tuột quá xa lại đằng sau rồi : Nam Triều Tiên cứ 10.000 dân thì có 367 sinh viên đại học, Thái Lan cũng được 127, còn ta vonly ven chỉ có 22 người. Nên giáo dục của ta hiện nay là cả một cảnh tượng điêu tàn : trường lớp xuống cấp trầm trọng, phương pháp giảng dạy — vẫn theo lời thứ trưởng Lương Ngọc Toản — quá lạc hậu, trên thế giới đã bỏ từ lâu⁽³⁾, đội ngũ giáo viên chán nản bỏ nghề, 40% giáo viên yếu kém và cả nước thiếu 40.000 giáo viên tiểu học (cấp I)⁽⁴⁾.

Sau khi đất nước thống nhất giáo dục không phải là không được lưu tâm. Cải cách giáo dục đã được công bố và triển khai từ hơn mươi năm nay, từ nghị quyết 14 ngày 11.1.1979 của Bộ chính trị Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam (khóa IV). Với mục tiêu là “ làm tốt việc chăm sóc và giáo dục thế hệ trẻ từ tuổi ấu thơ đến lúc trưởng thành,...” ; “ thực hiện phổ cập giáo dục toàn dân ”, “ đào tạo bồi dưỡng với quy mô ngày càng lớn đội ngũ lao động mới ”. Với phương pháp giáo dục nhằm “ thực hiện tốt việc kết hợp hữu cơ quá trình giáo dục con người với quá trình cải tạo xã hội và cải tạo tự nhiên ”, “ thấu suốt nguyên lý học đi đôi với hành, giáo dục kết hợp với lao động sản xuất, nhà trường gắn liền với xã hội ” và “ phát huy tính tự giác, chủ động, trí thông minh của học sinh ”.

Tuy nhiên, dù rằng như từ ấy nhẫn nay suốt hơn một thập kỷ, bộ máy chính quyền đã không nhận định ra được một số sự kiện ảnh hưởng sâu đậm tới nền giáo dục. Sự kiện đầu tiên là mỗi năm có thêm một triệu trẻ em đến tuổi nhập trường. Riêng cấp tiểu học (cấp I) năm 1984 có tám triệu học sinh, năm 1987 tám triệu ruồi và năm 1991 chín triệu⁽⁴⁾. Trong khi đó, đầu tư vào giáo dục luôn bị dìm ở mức dưới 10% ngân sách nhà nước, năm 1986 chẳng hạn ngân sách giáo dục chỉ đạt 6,7 %⁽⁵⁾. Mãi đến một hai năm gần đây, qua những

“ kỳ họp bức xúc và hết sức căng thẳng ở Quốc hội ”⁽⁶⁾, ngân sách giáo dục mới đạt được 12 % ngân sách nhà nước. Để có một ý niệm so sánh, Thái Lan dành mỗi năm từ 20 đến 30 % ngân sách quốc gia cho giáo dục. Điều đáng nói là đã tăng lên như vậy, nhưng vì số học sinh tới tuổi đi học mỗi năm mỗi tăng, nếu tính theo tiền dành cho một đầu học sinh, thì bộ trưởng giáo dục và đào tạo Trần Hồng Quân cũng nhận là ngày nay đầu tư cho giáo dục vẫn còn thấp hơn năm 1986⁽⁷⁾ !

Ngân sách giáo dục đã không nhiều lại được cấp phát chậm chạp, nhỏ giọt, phân tán, không kịp thời. Chính bộ trưởng Trần Hồng Quân nêu ví dụ : năm nay (1991), đã đến quý 2 rồi mà kinh phí dành cho các chương trình mà Hội đồng bộ trưởng giao cho bộ giáo dục vẫn chưa có, hàng tháng vẫn phải xách cặp đi xin từng khoản...⁽⁸⁾. Thể chế hiện hành làm

...sự quản lý quá ư chặt chẽ của ngành giáo dục chỉ phổi tư cách người thầy, làm mất tình đồng nghiệp, làm giảm uy tín các nhà giáo lão thành....

cho các quyết định, các cố gắng, tuy chưa thấm vào đâu so với yêu cầu thực tế nhưng ít ra cũng là một hố dưỡng khí cho ngành giáo dục, trở thành vô hiệu.

Đồng lương không đủ sống, “ người giáo viên đã phải “ quên ” đi nhiều thứ thuộc về phẩm giá của nhà giáo ”⁽⁹⁾, phải “ ép ” học trò học kèm ngoài giờ, bán bánh kẹo cho học sinh, đi may muôn, đạp xích lô... Tuy nhiên cũng chính những nhà giáo đã lên tiếng : “ đừng ngộ nhận rằng nếu nâng cao đời sống giáo viên thì họ sẽ lấy lại tư thế NGƯỜI THẦY ”⁽¹⁰⁾. Chúng ta hãy lắng nghe một nhà giáo già sắp về hưu : “ Không phải vì đồng lương ít ỏi mà nhà giáo sòn lòng, lùi bước đến phải bỏ lớp bỏ trường, bỏ học sinh thân yêu của mình, mà chính vì các biện pháp quản lý đầy tính chất bao cấp trong tư duy, đã làm xoáy mòn “ nhuệ khí ” nhà giáo chúng tôi, đã làm biết bao đồng nghiệp của chúng tôi phải đau đớn, xót xa khi phải làm đơn xin thôi việc. Chúng tôi nhận thức rõ rằng chúng tôi đúng chỉ là “ thợ dạy ”. Chỉ có khác với những người thợ mọi ngành nghề khác là từ một giáo sinh mới ra trường cũng như một giáo viên lão thành đều là “ cá mè một lúa ” : chịu sự quản lý quá ư chặt chẽ của ngành

giáo dục. Nó chỉ phổi tư cách người thầy, làm mất tình đồng nghiệp, làm giảm uy tín các nhà giáo lão thành. Hàng giờ, hàng ngày, hàng tháng cứ hết kiểm tra giáo án, sổ sách, rồi dự giờ, thăm lớp, lại còn thi đua rèn chữ viết như một học sinh mới học võ lồng. Đầu năm ký kết hợp đồng với ban giám hiệu định mức đạt cuối năm bao nhiêu học sinh giỏi, bao nhiêu học sinh dở, xếp loại đạo đức v.v. và v.v... và rồi cuối năm lại làm bản tự kiểm để đánh giá xếp loại giáo viên. Không một ai trong chúng tôi cho đó là xác thực, mà hoàn toàn HÌNH THÚC. Những nhà lãnh đạo giáo dục có biết đâu bệnh "HÌNH THÚC" ấy đã làm biết bao nhà giáo có tâm huyết không chịu nổi phải bỏ lớp, bỏ trường. Chính nó đã đánh giá thật sai lầm về chất lượng dạy và học của giáo viên của học sinh, cũng như phẩm chất đạo đức của thầy và trò." (10)

Đối với nhiều nhà giáo bệnh " thi đua ", bệnh " hình thức " là cơ chế đã làm cho cái dốt của học sinh, từ lớp Một trở đi, cứ năm sau chồng thêm lên năm trước (9,10). Mặc dù thế, để bảo đảm cho " thanh danh " các nhà trường tỷ lệ học sinh tốt nghiệp phổ thông cơ sở và phổ thông trung học vẫn luôn luôn đạt 90%, riêng năm nay nhân dịp Đại hội VII, tại một số tỉnh thành 100% học sinh tốt nghiệp " Chào Mừng Đại Hội Đảng " (1).

Nhiều nhà giáo cũng vạch cho thấy cái nhân tố gây khủng hoảng các giá trị nhân bản. Thảm kịch của cả xã hội ta hôm nay, là sống trầm kha trong tình trạng của con bệnh bị phân liệt tâm thần : nghĩ một đường, làm một nẻo. Khi chính mỗi người bậc thầy, bậc cha mẹ ngày ngày phải mình tự đổi mình, khi chính những người trách nhiệm chính quyền xem thường kỷ cương luật pháp, khi đến Nhà nước mà lời nói cũng không đi đôi với việc làm, khi mà câu về trong dân gian " tử tế, thật thà thì thua thiệt..." nghiêm ra thấy trúng phông phác trước mắt mỗi ngày, thì chẳng phải lên lớp giảng " đạo đức cách mạng " hay dạy luân lý, dạy công dân giáo dục một vài giờ trong tuần mà vực lại nỗi lòng tin của thanh niên vào các giá trị tinh thần nhân bản. Chính vì giá trị tinh thần bị diên dão đúng vào khi cả xã hội phải kham chịu qui luật sắt thép của cơ chế thị trường mà tình trạng văn hóa nước ta mới suy đồi bại hoại như ngày hôm nay.

Nhiều yếu kém, khuyết điểm vốn tiềm tàng trong cung cách tổ chức bị cơ chế thị trường xé toạc thêm ra. Trước đây nhà trẻ, lớp mẫu giáo mở rộng khắp nơi. Từ khi bước vào cơ chế thị trường, hợp tác xã, nhà máy, công ty không dành kinh

Từ khi bước vào cơ chế thị trường, hợp tác xã, nhà máy, công ty không dành kinh phí cho mẫu giáo, nhiều nơi ở nông thôn đã tan rã hoàn toàn, trên cả nước một phần ba trường lớp mẫu giáo phải đóng cửa....

phí cho các lớp học này nữa, nhiều nơi ở nông thôn đã tan rã hoàn toàn (8), trên cả nước một phần ba trường lớp mẫu giáo phải đóng cửa (5). Nhiều nơi lương của giáo viên bị "neo" lại

mấy tháng liền để bù vào lỗ hổng của ngân sách huyện, ngân sách xã..., để lấy tiền mua lúa, mua bột ngọt khi các mặt hàng này xuống giá, đợi bán lại lấy lời nhằm giải quyết nạn sản xuất kinh doanh bị thua lỗ (1,8). Dạy và học đã khó lại khó hơn.

Ngân sách nhà nước thiếu hụt sau, từ niên học 1988-89 đi học trường công phải đóng tiền trường. Biện pháp đó là một hớp dưỡng khí giúp cho đời sống giáo viên dễ thở hơn chút đỉnh, trường lớp đỡ xuống cấp, nhưng cứ đến đầu năm học, khoản tiền trường cho con là nỗi lo canh cánh của các bậc phụ huynh học sinh. Năm nay Quốc hội đã thông qua luật phổ cập cấp I (tiểu học), học sinh cấp này được miễn học phí. Sở giáo dục Thành phố Hồ Chí Minh qui định mức thu tiền cơ sở vật chất năm học 1991-92, đối với học sinh nội thành là 15.000 đồng/năm, ngoại thành là 7.500 đ/năm ; ngoài ra không được đặt ra các khoản thu nào khác như thu trượt giá, thu để xây dựng, tu bổ thư viện, phòng thí nghiệm, mua dụng cụ máy móc..., phụ huynh học sinh nào có hảo tâm, có điều kiện có thể ủng hộ không hạn chế. Trên thực tế, lấy trường cấp I Hồ Thị Kỷ ở quận 10 làm ví dụ thì mỗi học sinh lớp 1 đầu niên học 91- 92 phải đóng 50.000 đồng gồm các khoản học cụ, y tế, tiền học thêm, hội phí hội phụ huynh học sinh, tiền cơ sở vật chất, tiền khen thưởng giáo viên, học sinh... Hiệu trưởng trường cho biết các khoản thu bắt buộc đều theo đúng qui định của Sở giáo dục, các khoản còn lại do hội phụ huynh học sinh quyết định và đã được trình ủy ban phường để xem xét có phù hợp với khả năng của nhân dân hay không. Và đây là một thực tế của nhiều trường trong thành phố (11). Sự đóng góp của phụ huynh học sinh, phổ biến nhất là "số vàng", trên nguyên tắc là tự nguyện không bắt buộc ; nhưng anh Đặng Văn Đ. có con mới vào học lớp 6 trường L.Q.D. tâm sự : "... khi đã có Số vàng và mọi phụ huynh đều đóng góp cả thì mình cũng không thể không tự nguyện được. Tôi tuy thực sự có khó khăn về kinh tế nhưng khi đó Số vàng ra cũng phải đóng cho cháu mất 100.000 đồng vì đó là số tiền thấp nhất..." .

Từ hai năm nay đã xuất hiện một số trường dân lập và trường bán công. Trường dân lập do một tổ chức được phép đứng tên xin mở trường, cử hiệu trưởng, tự lo cơ sở vật chất, chi phí lương giáo viên nhưng phải chịu sự quản lý của nhà nước ; trường bán công thì nhà nước lo cơ sở vật chất ban đầu, giáo viên và công việc quản lý, dân lo các chi phí thường xuyên cho giáo viên, tu bổ cơ sở vật chất. Nhóm chủ trương trường Thăng Long đã mở được những lớp đại học có trình độ, chất lượng và nền nếp, sinh viên được tuyển chọn theo tiêu chuẩn tri thức, học phí không cao hơn trường đại học công lập. Trong một hướng có điểm khác với Thăng Long, chương trình Hoa Sen – Lotus chú trọng về đào tạo kỹ thuật viên hơn (12). Cho đến nay có rất ít trường dân lập, còn trường bán công phát triển ở một số nơi miền Nam và đặc biệt ở Thành phố Hồ Chí Minh. Cả nước mới có được 44 trường bán công và dân lập, chủ yếu là bán công, trong tổng số 15.000 trường cấp 1 và cấp 2 ; nền nếp, chất lượng dạy và học được báo Nhân Dân đánh giá là khá tốt (4). Chủ trương đa dạng hóa trường lớp (có trường công, trường bán công và trường dân lập) được dư luận xem như là một hướng giải pháp để nâng chất lượng dạy và

Chủ trương đa dạng hóa trường lớp (có trường công, trường bán công và trường dân lập) được dư luận xem như là một hướng giải pháp để nâng chất lượng dạy và học, để nhân dân đóng góp vào xây dựng giáo dục. Tuy nhiên...

học, để nhân dân đóng góp vào xây dựng giáo dục. Tuy nhiên cho tới nay, ngay ở Thành phố Hồ Chí Minh là nơi trường bán công phát triển mạnh nhất học sinh loại trường này mới chỉ là 6 % tổng số học sinh thành phố⁽¹³⁾. Và trong tương lai gần, báo Nhân Dân⁽⁴⁾ ước lượng rằng tiềm lực phát triển trường bán công và dân lập chưa mạnh, mỗi tỉnh chỉ có thể mở một vài trường. Trong việc sắp xếp tổ chức chuyển từ trường công qua trường bán công, đã có những sự kiện làm cho ta nghĩ rằng quyền lợi của học sinh có khi bị đặt xa sau lợi ích kinh tế : trường cấp II hệ B Khánh Hội A có 44 lớp, bình quân mỗi lớp 35 học sinh ; số học sinh trong một lớp như thế kể ra cũng đã là cao ; đầu năm học 91-92 chuyển thành trường bán công, số học sinh toàn trường không thay đổi so với những năm trước, nhà trường xếp lớp lại, từ 44 xuống 28 lớp, mỗi lớp từ 40 đến 50 học sinh⁽¹⁴⁾. Nhà giáo nào có thể lưu tâm dạy dỗ đến từng người học trò mình trong một lớp 50 học sinh ?

Tiền trường, trường bán công, trường dân lập..., cơ chế thị trường đã phân hóa học sinh giàu và học sinh nghèo. Hiện nay trong nước có đến 1.200.000 trẻ em lứa sáu đến mười tuổi phải thất học⁽⁷⁾ vì nhà nghèo. Nhưng cùng lúc có những trường "quý tộc" không phải bất cứ ai cũng có điều kiện cho con mình vào thụ giáo ; nói được câu "Con tôi học trường X..." là một vinh dự cho một số kẻ hanh tiến.

Đã manh nha một nền giáo dục cho con em người có của : chẳng hạn như trường trung học Trí Đức khai giảng tháng sáu năm nay, mở hai lớp cho 80 em lứa 12 tuổi mới xong tiểu học, được tuyển sau một kỳ thi sát hạch. Dạy theo chương trình tổng quát của bộ giáo dục, nhưng trường thêm toán, kỹ thuật, ngoại ngữ, máy vi tính... Ông Trần Văn Hảo, hiệu trưởng sáng lập trường đảm nhiệm môn toán, ông cũng là giáo sư toán và giám đốc trung tâm máy vi tính trường Sư Phạm (máy vi tính dùng để dạy ở trường Trí Đức là máy thuê của trường Sư Phạm). Trường Trí Đức sẽ mở dần thêm lớp lên đến hết cấp trung học. Dĩ nhiên là không bảo đảm học hết chương trình học sinh sẽ có hộ chiếu đi học nước ngoài, nhưng phụ huynh tin chắc con em mình sẽ đạt trình độ vào trường đại học bất cứ ở nước nào. Học trò đóng 80.000 đồng mỗi tháng (để so sánh, lương tháng chính thức của một tiến sĩ tin học khoảng 50.000 đồng).

Về hệ giáo dục đang cho mọi người này giới thầy dạy đã cảnh báo là "sự tuyệt tự của ngành giáo dục"⁽⁸⁾ ; lời nói không khỏi có vẻ đại ngôn, nhưng phản ảnh tâm trạng của giáo giới ngày hôm nay. Riêng tại Thành Phố Hồ Chí Minh trong sáu tháng đầu niên học 90-91 đã có 500 giáo viên nghỉ việc, lý do chính vì đời sống quá khó khăn⁽⁷⁾ ; trong khi đó

các trường Sư phạm lại gặp khó khăn trong việc tuyển sinh, trong niên học 1990-91, trường Sư Phạm 1 Hà Nội chẳng hạn mà chỉ tuyển sinh được 80, dù chỉ tiêu của Bộ giáo dục là 200. Trước đây dù không được sinh viên ưa chuộng (nhất y, nhì dược, tam dược bách khoa, bỏ qua sư phạm), các trường Sư phạm vẫn tuyển sinh đầy đủ.

Và học trò cũng chẳng say mê gì chương trình dạy trong trường : học sinh bỏ học càng ngày càng tăng. Trước kia tỷ số bỏ học là 9 % học sinh trung học đệ nhất cấp (cấp II) và 8 % trung học đệ nhị cấp (cấp III), đến niên học 1987-88 tỷ lệ bỏ học lên đến 12 % ở cấp tiểu học, 23 % ở cấp II và 22 % ở cấp III⁽¹⁵⁾ ; năm nay (1991) tỷ lệ bỏ học và lưu ban ở lớp dưới cấp I là 22 %, ở lớp 8 cấp II là 31,2 %, có nơi ở ngoại thành Thành phố Hồ Chí Minh tỷ lệ bỏ học lên đến 40 %⁽¹⁾. Việc học sinh bỏ học ngày mỗi tăng, việc tính toán sắp xếp lại cho có hiệu quả kinh tế, bớt khoản phúc lợi, ... làm nảy ra hiện tượng "thừa" giáo viên cấp trung học⁽¹⁴⁾.

Ngoài nguyên do đời sống khó khăn, trẻ con phải ở nhà giúp bố mẹ, học sinh bỏ học chủ yếu là vì những năm đèn sách trong hệ giáo dục chính thống chẳng đem lại được chút lợi ích nào. Trả lời câu hỏi : " Sau 12 năm học tập em thấy có những kiến thức gì có thể giúp em trong công việc hiện nay ? ", một học sinh đáp : " Có lẽ chỉ có "4 phép tính" thôi chứ à ! "⁽²⁾

Ta tự hào giáo dục phổ thông được phổ biến, ở nông thôn có nhiều người học hết lớp mười, lớp mươi hai. Đó là thảm trạng của thanh niên ngày hôm nay. Tại nhiều xã ngoại thành

Ngoại thành Hà Nội, mỗi xã có từ 200 đến 600 cô tú, cậu tú thất nghiệp. Tại Đại học Bách khoa Thành phố Hồ Chí Minh, 6 tháng sau khi tốt nghiệp, 32 sinh viên (trên 400) tìm ra việc làm

Hà Nội, mỗi xã thường có tối từ 200 đến 600 "cậu tú, cô tú" đang lúng túng không biết tìm đâu ra việc làm⁽²⁾. Và hàng năm lại có thêm 450.000 học sinh tốt nghiệp phổ thông cơ sở và 150.000 tốt nghiệp phổ thông trung học tấn lên bổ sung cho 30 triệu lao động mà 90 % là không có nghề gì trong tay⁽¹⁶⁾. Trong khi thị trường lao động mới mở ra đòi hỏi tay nghề thực dụng : sáu tháng đầu năm 91, riêng tại công ty dịch vụ và cung ứng lao động Salasco ở Thành phố Hồ Chí Minh, có hơn 400 lượt doanh nghiệp đăng ký tuyển dụng trên 7.000 lao động, nhưng 80 % trong số đó yêu cầu tay nghề chuyên môn từ bậc 2/7 trở lên⁽¹⁶⁾. Xét theo tỷ số sinh viên đại học ra trường tìm được chỗ làm — theo số liệu công bố trên tạp chí *Đại Học Và Trung Học Chuyên Nghiệp* số 2.91, trên 400 sinh viên tốt nghiệp Đại học Bách khoa Thành phố Hồ Chí Minh tháng 7 năm 1990, đến đầu năm 1991 chỉ có 32 người tìm ra việc làm — thì đào tạo đại học của ta cũng chẳng mấy gì phù hợp với yêu cầu thị trường chất xám hiện nay.

Sản phẩm đào tạo của ngành giáo dục bỗng nhiên trở thành vô dụng : cái mô hình mà từ bao nhiêu năm nay ta lấy làm gương mẫu để đào tạo con người, để xây dựng xã hội đã

⁽¹⁾ Vũ Khánh : *Phổ Cập Giáo Dục cấp 1 : Việc Tối Thiểu Cho Tương Lai, Tuổi Trẻ Chủ Nhật* 4.8.1991.

⁽²⁾ G.S. Nguyễn Lan Dũng : *Nên Chăng Thị Dân Hóa Thanh Niên Trí Thức Nông Thôn?*, *Thanh Niên* 21-27.10.1991.

trở thành lạc điệu với cái xã hội Việt Nam thực tại. Sự kiện cả thầy dạy lẩn phụ huynh và học sinh, trong một cái xã hội vốn tôn trọng học vấn, đâm ra mất tin tưởng vào nền giáo dục hiện hành chỉ là hiện tượng của một khủng hoảng sâu đậm.

Ngành giáo dục hôm nay khủng hoảng trầm trọng vì đầu tư không đúng mức trong hàng thập kỷ làm cho trường lớp điêu tàn,

Sản phẩm đào tạo của ngành giáo dục bỗng nhiên trở thành vô dụng : cái mô hình mà từ bao nhiêu năm nay ta lấy làm gương mẫu để đào tạo con người, để xây dựng xã hội đã trở thành lạc điệu với cái xã hội Việt Nam thực tại. Sự kiện cả thầy dạy lẩn phụ huynh và học sinh, trong một cái xã hội vốn tôn trọng học vấn, đâm ra mất tin tưởng vào nền giáo dục hiện hành chỉ là hiện tượng của một khủng hoảng sâu đậm.

đời sống người thầy phải khốn đốn, vì tinh thần chủ đạo, chương trình dạy học, cấu trúc, tổ chức không hợp lý và lỗi thời, về dạy nghề, trường dã ít, thiếu trang bị lại tập trung ở Hà Nội và Thành Phố Hồ Chí Minh⁽¹⁵⁾, về đại học từ số lượng đến mẫu người đào tạo ra hoàn toàn không phù hợp với yêu cầu hiện tại, vẫn đề đã được đề cập chi tiết hơn trong *Điển Đàn* số 3⁽¹⁷⁾. Nhưng cho có đầu tư đúng mức, có nâng cao được đời sống giáo viên, có hiện đại hóa nỗi chương trình thì vẫn còn nguyên đó câu hỏi căn bản của mỗi nền giáo dục : dạy dỗ đào tạo nên con người như thế nào, cho những ai, cho mọi người hay cho một thiểu số con ông cháu cha, để xây dựng một xã hội ra làm sao ?

Không thể lấy thúng úp voi : hiện tại chỉ thấy một xã hội khủng hoảng toàn diện, chỉ thấy những mầm mống bất công tàn bạo của thời tư bản man rợ thế kỷ thứ mười chín nở rộ như nấm gặp mưa. Xã hội nhiều thành phần là một thực tại. Yêu cầu, quyền lợi có nhiều mặt khác nhau. Muốn giải quyết khủng hoảng giáo dục mà không đặt rõ vấn đề trong toàn bối cảnh xã hội, văn hóa, kinh tế, chính trị, không nêu rõ các mục tiêu, các trọng điểm của nền giáo dục tương lai, các yêu cầu về phương tiện so với những gì hiện ta nắm trong tay, những phương tiện gì ta có thể có được, không có một kế hoạch cụ thể, khả thi để đạt mục tiêu, không có thảo luận dân chủ để đi đến một sự đồng thuận rộng rãi trên các mục tiêu và trên kế hoạch cụ thể mà chỉ nhắc đi nhắc lại “ quyết tâm đi theo con đường xã hội chủ nghĩa ” như một câu thần chú là bịt mắt bung tai mặc cho tình thế đầy đua dân tộc bước vào thế kỷ 21, vào thời đại của tri thức, với một nền giáo dục lạc hậu, với những thế hệ tấn lên đã thiếu hiểu biết tối thiểu để chen chân vào thế giới hiện đại lại mịt mù cả về văn hóa dân tộc. Và cũng là khách quan đồng lõa tạo dựng một nền giáo dục bất công, có giáo dục riêng cho con em những kẻ có của có quyền và có giáo dục hạ cấp cho con em phổ thường dân, làm nền móng cho một xã hội đầy rẫy các bất công khác.

Paris tháng 12. 1991.

⁽³⁾ Bùi Thanh : Thủ Nhìn Lại Nền Móng Của Tòa Nhà Giáo Dục, *Tuổi Trẻ* 15. 8. 1991.

⁽⁴⁾ Kim Dung : Trang Giáo Dục Năm Học 1990-1991, *Điển Trội*, *Điểm Mới* Và *Điểm Chìm*, *Nhân Dân* 23. 7. 1991.

- (5) Phóng Vấn Bộ trưởng Giáo Dục và Đào Tạo Trần Hồng Quân, *Giao Dục Thời Mở Cửa : Được Và Mất*, *Tuổi Trẻ Chủ Nhật* 21.7.1991.
- (6) Nguyễn Viết Lãnh (Văn phòng Quốc hội và Hội đồng Nhà nước) : *Đầu Tư Cho Giáo Dục*, *Nhân Dân* 15.10.1991.
- (7) Murray Hiebert : *An Education Crisis Follows Economic Reform. The drop-out factor*, *Far Eastern Economic Review* 19.9.1991. Xem bản dịch, Yếu tố bỏ học, *Điển Đàn* số 2, 1.11. 1991.
- (8) Vũ Khánh : *Từ Thực Trạng Văn Hóa - Giáo Dục, Tính Chuyện Thoát Ra Và Cắt Cảnh*, *Tuổi Trẻ Chủ Nhật* 19. 5. 1991.
- (9) Dương Lân (Giáo viên quận Tám) : *Chính " Thi Đua " Đã " Giết Chết " Chất Lượng Giáo Dục*, *Tuổi Trẻ* 3. 10. 1991.
- (10) Nguyễn Thị Hạnh : *Để Người Thầy Không Còn Nỗi Đau* : “ Thợ Dạy ”, *Tuổi Trẻ* 17. 10. 1991.
- (11) Nhóm Phóng Viên Giáo Dục : *Năm Học Mới, Lại Tiền Trường — Nỗi Lo Của Phụ Huynh*, *Tuổi Trẻ* 15. 8. 1991.
- (12) Nguyễn Hải : *Nhịp Cầu Giữa Sông Loire Và Sông Sài Gòn*, *Điển Đàn* số 3, 1. 12. 1991, tr. 20-21.
- (13) Tâm Chánh : *Những Điều Nhân Dân Thành Phố Mong Đợi Ở Kỳ Họp Thứ Tám Của HĐNDTP*, *Tuổi Trẻ* 18. 07. 1991.
- (14) Bùi Thanh : *Giáo Viên Thừa Tại Sao Và Sẽ Giải Quyết Như Thế Nào* ? *Tuổi Trẻ* 26. 9. 1991.
- (15) Socialist Republic Of Viet Nam State Planning Committee : *Report On The Economy Of Viet Nam, United Nations Development Programme*, December 1990, Education, tr. 204-212.
- (16) Hữu Thiện - Tâm Chánh : *Dạy Nghề : Chiếc Chìa Khóa Bí... Bỏ Quên* ?, *Tuổi Trẻ* 17. 10. 1991.
- (17) Bùi Mộng Hùng : *Khoa Học Trong Sóng Gió Thị Trường*, *Điển Đàn* số 3, 1. 12. 1991.

quảng cáo



VIPHARCO

CHUYỂN
TIỀN
VỀ
VIỆT NAM

hợp pháp
phát nhanh
hối suất cao
miễn thuế
bảo đảm

(Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh
và các tỉnh lân cận).
Muốn chuyển nhanh, xin gửi *mandat*
hoặc *chèque de banque*
Nhân dịp Noel và Tết không lấy cước phí
từ 01. 12. 91 đến 31. 01. 92

ĐỂ BIẾT THÊM CHI TIẾT

XIN LIÊN LẠC VỚI CÔNG TY VIPHARCO

12, avenue Charles De Gaulle, 91420 Morangis

(1) 64.54.93.44 hay (1) 64.54.85.28

Fax : (1) 64.48.56.83

Vụ
**Editions des Femmes
& Phan Huy Đường
kiện
Quê Mẹ & Võ Văn Ái**

❖ **Nhà văn Dương Thu Hương
lên tiếng**

Ngày 6.1.1992 tối đây, Toà án thượng thẩm Nanterre (Pháp) sẽ bắt đầu xử nội dung vụ kiện về tác quyền và quyền xuất bản liên quan tới tác phẩm *Tiểu thuyết vô đề* của nhà văn Dương Thu Hương, với bên khởi tố là Nhà xuất bản Des Femmes và ông Phan Huy Đường, dịch giả, cũng là người được tác giả ủy quyền bảo vệ bản quyền tác giả, và bên bị tố là ông Võ Văn Ái, chủ nhiệm *Quê Mẹ* kiêm chủ tịch Uỷ ban bảo vệ quyền làm người Việt Nam.

Trước đó, xét xử về hình thức vụ tranh tụng, Toà án sơ thẩm Nanterre đã phán quyết : “ Trong khi chờ đợi phiên tòa thượng thẩm, lệnh cho ông Võ Văn Ái và Uỷ ban bảo vệ quyền làm người Việt Nam gác lại sự xuất bản, dưới bất kể hình thức nào, bản thảo quyền “ Tiểu thuyết vô đề ” hay “ Khải hoàn môn ” với quy định phạt 100.000 F mỗi lần vi phạm ” và “ lệnh cho ông Võ Văn Ái thực hiện mọi việc cần thiết để thi hành quyết định trên ” (trích bản án ngày 31.10.1991).

Để bạn đọc có đủ yếu tố phán đoán, chúng tôi lần lượt trình bày luận cứ của hai bên và cuối cùng, lập trường của chính nhà văn Dương Thu Hương, mà Viện kiểm sát nhân dân tối cao Việt Nam (tức là công tố viện Hà Nội) đã phải quyết định miễn tố và trả tự do ngày 20.11.1991, sau hơn 7 tháng giam tù.

**Nhà xuất bản Des Femmes
và Ô. Phan Huy Đường**

Des Femmes (*Phụ nữ*) đã xuất bản *Những thiên đường mù* của Dương Thu Hương, do Phan Huy Đường dịch dưới tựa đề *Les Paradis aveugles*, và chuẩn bị xuất bản *Tiểu thuyết vô đề* của cùng tác giả, cùng dịch giả, dưới tựa đề *Roman sans titre*. Như mọi nhà xuất bản có uy tín ở Pháp, trước khi xuất bản các tác phẩm trên, Des Femmes đã ký hợp đồng theo đúng quy cách pháp lý với ông Phan Huy Đường, với tư cách dịch giả và đại diện tác giả (bằng giấy ủy quyền ký ngày 14.7.1990, Dương Thu Hương cù Phan Huy Đường đại diện cho mình trong việc xuất bản các tác phẩm và bảo vệ quyền tác giả tại mọi nước ngoài Việt Nam). Từ mùa xuân 1990 (trừ khoảng thời gian Dương Thu Hương bị cầm tù) đến nay, tác giả và dịch giả đã liên lạc thường xuyên bằng thư từ với nhau để bàn về văn bản và dịch thuật. Trong

thư đề ngày 22.2.1991 (hai tháng trước khi bị bắt), Dương Thu Hương trao cho Phan Huy Đường và một người bạn khác là ông Nguyễn Ngọc Giao (trong ban biên tập Đoàn Kết – Diễn đàn) nhiệm vụ biên tập (tức là đọc và sửa), quyết định xuất bản (hay không xuất bản) bản thảo *Tiểu thuyết vô đề*.

Ngày 27.9.1991, Uỷ ban bảo vệ quyền làm người Việt Nam của ông Võ Văn Ái ra thông cáo báo chí khẳng định Dương Thu Hương bị tù vì “ sự thật là Dương Thu Hương đã gửi tới tay nhà xuất bản *Quê Mẹ* ở Paris bản thảo cuốn tiểu thuyết mới nhất của mình là *Khải hoàn môn* ”, đại diện nhà xuất bản Des Femmes đã liên lạc ngay với uỷ ban nói trên và được biết *Quê Mẹ* (cùng địa chỉ) đang in bản dịch cuốn đó và sẽ phát hành sớm. Lời khẳng định đó — trái với sự thật, như sẽ thấy dưới đây — có thể được công an Việt Nam dùng để vu khống Dương Thu Hương (lúc đó, có tin sẽ bị xử kín, kết án tù nhiều năm), làm nguy hại tới nhà văn, nhưng lại phục vụ cho việc quảng cáo một bản in không có hợp đồng hợp pháp tại một nước có pháp quyền và đã ký kết Công ước quốc tế về quyền tác giả. Chính vì vậy mà bà Antoinette Fouque, giám đốc Des Femmes, đã quyết định khởi tố như đã nói trên.

Quê Mẹ và ông Võ Văn Ái

Lệnh của toà sơ thẩm ngày 31.10 (xem trên) đã buộc báo *Quê Mẹ* (số 118, tháng 11.1991) phải cắt bỏ trang bìa sau (có quảng cáo *Khải hoàn môn*). Đó là việc duy nhất rõ ràng. Còn luận điểm của ông và của báo *Quê Mẹ* thì có thể tóm tắt thành hai điểm :

– Trong một bài báo (ký tên Phạm Hồng), *Quê Mẹ* (số đã dẫn) dành hơn một nửa để nói tới Đoàn Kết, Diễn đàn và cá nhân ông Nguyễn Ngọc Giao với những lời lẽ rất ái mộ, và hoàn toàn ra ngoài đề, để chứng minh rằng nhóm Diễn đàn – Đoàn Kết đã phạm tội « âm mưu đánh tráo *Khải Hoàn Môn*(...) dùng tựa đề khác “ *Tiểu thuyết vô đề* ” để đánh lạc hướng (...) âm mưu phá hoại chính trị (...) cực kỳ thâm độc, vì nhắm phá hoại văn học (...) phản bội Dương Thu Hương (...) cưỡng hiếp (...) phi văn hoá (...) hạ thủ dồn hèn (...) lưu manh chính trị » (sic).

– Trả lời phỏng vấn của Chủ Bá Anh (*Phụ nữ Diễn đàn* số 95, tháng 12.1991), ông Võ Văn Ái tuyên bố : « Tôi làm việc này thứ nhất là do sự đồng ý của Dương Thu Hương trước khi bị bắt, và chúng tôi có những liên hệ chứng tỏ rằng *Quê Mẹ* toàn quyền in cuốn sách này. » và nhấn mạnh :

**Dương Thu Hương được tặng
giải Gabriel d’Estrées**

Ngày 20.12.1991, giải thưởng văn học *Gabriel d’Estrées* của thành phố Chambray-lès-Tours (Pháp) đã được trao tặng cho tác phẩm *Những thiên đường mù* của Dương Thu Hương.

Được biết ban tuyển chọn của tạp chí *Elle* đã lựa tác phẩm này vào vòng chung kết cho *Prix des lectrices de Besançon*. Các nữ độc giả báo *Elle* ở Besançon sẽ bỏ phiếu, kết quả sẽ công bố vào tháng 6.92. Tháng 11, hội đồng giám khảo *Prix Femina Etranger* cũng đã tuyển chọn tác phẩm này vào vòng chung khảo.

« Cuốn tiểu thuyết gửi cho chúng tôi đã đi bằng một đường riêng và đã đến trước rồi sau đó mới có một số thư từ của Dương Thu Hương gửi cho chúng tôi. Thư từ đó bị bắt từ trong tay một Việt kiều về thăm Việt Nam và cũng vì việc đó mà Dương Thu Hương mới bị bắt (...) chúng tôi có đủ tất cả các tài liệu chứng minh là bên phía Dương Thu Hương đưa gửi cuốn sách này cho Quê Mẹ in ».

(tiếp theo trang 11)

Dương Thu Hương :

“ Đó là điều vu cáo trắng trợn. Một người như vậy thì không đáng đối thoại”

Từ cuối tháng 11 đến nay, chúng tôi đã liên lạc được với nhà văn Dương Thu Hương qua điện thoại và thư viễn sao (fax). Được biết nhà văn đã cù luật sư Michel Revault d'Allonnes thay mặt mình trước Toà thượng thẩm Nanterre. Dương Thu Hương đã yêu cầu ông Revault d'Allonnes thông báo cho toà là bà huỷ bỏ tất cả các giấy uỷ quyền nào khác bản uỷ quyền mà bà đã ký cho ông Phan Huy Đường, từ nay là người duy nhất thay mặt bà ở nước ngoài trong các vấn đề tác quyền và xuất bản.

Hồi nguồn gốc hai tờ giấy uỷ quyền mà bà đã ký cho hai người Việt Nam tại Mỹ mà ông Võ Văn Ái viện dẫn trước toà để chứng minh rằng Quê Mẹ có quyền xuất bản, Dương Thu Hương cho phép chúng tôi trích đăng nguyên văn lời tuyên bố mà bà đã nhờ chuyển cho cơ quan công lý Pháp ngày 1.12.1991 :

« Trong thời gian 7 tháng 6 ngày ngồi tù, tôi hoàn toàn không biết chuyện gì xảy ra với các tác phẩm của mình. Nay, tôi được biết ông Võ Văn Ái lợi dụng tôi ngồi tù đã tuyên bố với các hãng thông tấn quốc tế là tôi gửi Tiểu thuyết vô đe cho tạp chí Quê Mẹ. Trước hết, đó là điều vu cáo trắng trợn. Thứ hai, vú khí ông Võ Văn Ái sử dụng là giấy uỷ quyền của tôi cho các ông Nguyễn Gia Bảo và Nguyễn Xuân Nam ở Mỹ. Thực chất sự việc này như sau : cuối năm 89 hoặc đầu năm 90 (tôi không nhớ rõ), bố nuôi tôi là Ngô Đ. V. Quỳnh có yêu cầu tôi viết 2 giấy uỷ quyền trên để cù đòi tiền bản quyền Những thiên đường mù tiếng Việt do các nhà xuất bản người Việt ấn hành ở Mỹ. Tôi biết điều này là hoang tưởng như việc đánh nhau với cối xay gió. Nhưng tôi vẫn phải viết để cho bố nuôi tôi hài lòng và trọng đạo lý truyền thống người Phương Đông. Việc đó, như tôi dự đoán, đã thất bại (...) Không bao giờ tôi uỷ quyền cho các ông Nguyễn Gia Bảo và Nguyễn Xuân Nam in Tiểu thuyết vô đe mặc dù tôi rất kính trọng những người bạn nhiệt thành của bố nuôi tôi ».

Hồi về quan hệ với Võ Văn Ái, nhà văn Dương Thu Hương cho biết : « Nhà xuất bản Quê Mẹ của ông Võ Văn Ái, tôi không hề biết và nếu biết (từ nay) cũng không bao giờ tôi có ý nghĩ cộng tác một khi tôi còn cầm bút viết văn » và nhấn mạnh : « Tôi không hề quen, hay có mối quan hệ dù xa dù gần với ông Võ Văn Ái (...). Một người sống ở Paris — nơi được gọi là kinh đô ánh sáng — mà hành xử không có chút ánh sáng nào của luật pháp và lương tri thì không đáng đối thoại. Một người không bước qua nổi bờ dày của những đồng franc thì không thể leo lên nổi các bậc thềm của tư tưởng.» (thư viết tay, ngày 30.11.1991).

Hà Duy

...đã qua...sắp tới...

sẽ không sử dụng các biện pháp cưỡng bức hồi hương đối với 12 500 người tị nạn Việt Nam hiện còn ở Malaixia.

Ở Philippin, Cao ủy tị nạn Liên hiệp quốc (HCR) sẽ dùng biện pháp tài chính để khuyến khích người tị nạn trở về nước. Một thỏa thuận giữa Philippin, Việt Nam và HCR sẽ được ký kết đầu tháng 12 về vấn đề này.

(Reuter 28.11, AFP 2. và 6.12)

Sốt Rét

Báo Quân đội Nhân dân ngày 12.12.1991 cho biết 610 người đã thiệt mạng trong 9 tháng đầu năm nay vì bệnh sốt rét hoành hành ở các huyện miền núi tỉnh Nghệ An. Theo tờ báo, có 71 000 người bị bệnh, trong đó có tới 83 % bị nặng ở 6 huyện trong tỉnh. Tình trạng thiếu thuốc, thiếu cơ sở y tế và cuộc sống rất cơ cực là những nguyên nhân làm cho số người mắc bệnh lên cao như thế. Quỹ y tế của nhà nước trung ương và địa phương không đủ cấp cho mỗi người bệnh một liều thuốc. Dân địa phương ngủ không có màn che muỗi, và trẻ em không đủ quần áo che thân. Hệ thống y tế hầu như tê liệt vì các y tá, y sĩ không đủ lương sống đã hoàn toàn bỏ bê công việc, tờ báo viết tiếp, và dịch bệnh vẫn tiếp tục không bị chặn đứng.

(AFP, cùng ngày 12.12)

Việt-Mỹ : còn nhiều xương

Một ê-kíp Mỹ-Việt đã tìm thấy nhiều mảnh xương chung quanh chỗ máy bay của trung tá John Leighton Robertson bị bắn rơi năm 1966. Hè năm ngoái, các báo Mỹ đã đăng một tấm ảnh chụp viên trung tá này với 2 sĩ quan Mỹ khác “chứng minh” là họ còn sống. Tuy tấm ảnh đã được xác định là giả mạo, cuộc tranh cãi khi nó được đưa ra chứng minh vẫn đề MIA (quân nhân Mỹ mất tích trong chiến tranh) vẫn còn là một vấn đề hết sức dễ gây cảm xúc trong dư luận Mỹ.

Chính phủ Bush hình như đang lợi dụng vấn đề này như một cớ để làm chậm việc bình thường hóa quan hệ Mỹ-Việt. Đó là cảm tưởng của nhiều người theo dõi các cuộc đàm phán của hai bên để tiến tới bình thường hóa. Ít ra, đó là điều đã được ông Lê Mai, thủ trưởng ngoại giao Việt Nam công khai nói lên trong một câu trả lời phỏng vấn của thông tín viên AFP tại Hà Nội ngày 5.12, khi phía Mỹ tiếp tục đưa ra việc giải quyết hồ sơ của 1700 MIA như một kiểu điều kiện tiên quyết cho bình thường hóa.

Trong khi đó, áp lực của giới doanh nghiệp Mỹ đòi được làm ăn với Việt Nam vẫn tiếp tục. Một phái đoàn của Phòng thương mại Hoa Kỳ ở Hồng Kông, do ông chủ tịch Warren Williams dẫn đầu vừa tới thăm Hà Nội và thành phố HCM từ ngày 14.12.91.

(AFP 6.12, Reuter 13.12.91)

Hối suất đồng đôla

Giá mua ngoại tệ trên thị trường tự do thành phố Hồ Chí Minh ngày 18.12.1991 :

Đôla Mỹ : 13 300 đồng, Franc Thụy Sĩ : 9 284 đồng, Franc Pháp : 2 402 đồng, Mark Đức : 8 202 đồng.

Giá vàng (98 %) : 602 000 đồng / chỉ (Hà Nội).

Diễn Đàn và ghetto

Nhân nói về tình trạng ghetto trong đời sống người Việt ở nước ngoài, Thuy Khuê, trên báo *Thế kỷ 21*, số 29, tháng 9.91, tr. 71, có nhắc đến *Đoàn Kết* (bộ cũ) : “*Đáng buồn hơn nữa là cái ghetto ấy đến từ hai phía : ví dụ tờ Đoàn Kết trước đây theo chính quyền Hà Nội, từ 1986-87 đến nay có những bài viết tranh đấu cho tự do dân chủ, truyền bá văn học phản kháng ra ngoài. Nhưng vẫn giữ cái ghetto của mình với hình ảnh “Bác Hồ” như cái nhân hiệu trình toà và lẩn quẩn trong những vấn đề nội bộ*”. Nhận xét cũng đúng thôi, và nếu phân tích sâu xa hơn nữa thì tình trạng ghetto của *Đoàn Kết* (bộ cũ) còn nhiều lý do khác trầm trọng hơn. Trong tư cách hoàn toàn cá nhân, tôi xin có lời góp ý. Báo *Đoàn Kết*, trên danh nghĩa, là của Hội người Việt Nam tại Pháp. Hội điều khiển, đề cử Tổng biên tập, và quản lý, do đó, bản thân nó là một nội san. Nếu từ thời điểm 1986-87 ban biên tập có tỏ ra độc lập về một vài điểm nào đó so với đường lối của Hội nói trên, thì tính cách độc lập — thậm chí đối lập — cũng chỉ khoanh vùng những thí điểm nọ mà thôi. Báo *Đoàn Kết* là ghetto, không phải chỉ vì chuyện nọ chuyện kia, mà vì Hội người Việt Nam tại Pháp là một ghetto. Ngày một ngày hai, nó sẽ trở thành Hội Của Những Người Không Giống Ai.

Mâu thuẫn nổi bật lên khi, từ phạm vi một nội san, anh em biên tập muốn vượt ra, đóng lên tiếng nói trí thức nói chung về tình hình đất nước. Đây không phải là vi phạm nguyên tắc vì ba lý do ; một : chính hội nói trên, khi lấy tên Hội người Việt Nam tại Pháp là đã tiếm dụng danh nghĩa ; khi đã tiếm dụng như vậy rồi, dù số hội viên có ít ỏi, thì cũng nên cố gắng diễn đạt những nguyện vọng của “người Việt tại Pháp” nói chung, chủ yếu là nguyện vọng dân chủ hoá và phát triển đất nước ; ban biên tập lãnh làm việc đó, tưởng cũng không có chi là quá đáng. Hai : tờ báo, dù thuộc về ai đi nữa, thì người viết báo vẫn có quyền tự do viết những điều mình suy nghĩ, huống chi là toàn thể ban biên tập cả chục người làm việc không công. Thứ ba : thái độ dấn thân mạnh mẽ của ban biên tập nằm trong quy luật vận động cách mạng, trong động cơ yêu nước ; ở một thời điểm khác sự dấn thân đó đã đóng góp vào công việc giải phóng và thống nhất đất nước. Nay đất nước nguy nan — điều mà ai cũng thấy — thì không thể nào bắt cũng những con người ấy phải bỏ tay,

và ngậm miệng nhắm mắt (Nói thêm: tôi không có hân hạnh thuộc nhóm anh em đó). Thuy Khuê viết : “*tranh đấu cho tự do... nhưng mà vẫn*”, lời phê phán bao dung nêu lên mâu thuẫn của tờ báo, do việc danh bất chánh nên ngôn bất thuận (với nhau) ; muốn thuận thì phải rào dậu ngăn sân, để có lý... với nhau. Ghetto là vậy.

Nay *Điễn Đàn* thoát ly ra khỏi Hội người Việt Nam tại Pháp. Vậy đã ra khỏi ghetto chưa ? Tôi e rằng chưa. Và Phù Du trên báo *Thông Luận* (tháng 12.1991) cho rằng *Điễn Đàn* có thái độ co cụm ; cảm giác đó có thể do nhiều nguyên cớ.

Trước hết, anh em không ai viết lách chuyên nghiệp, mà xưa nay chỉ làm báo đoàn thể, phong trào. Cách viết, cách suy nghĩ, cách trình bày, tổ chức đã hẵn vết từ hơn hai mươi năm nay — sinh hoạt một đời — thì không dễ gì thay đổi. Rồi khối người đọc ủng hộ *Điễn Đàn*, về tinh thần và vật chất là độc giả cũ, phần lớn là bạn đồng cảnh đồng hành, đồng tâm, đồng chí : dễ gì mà một sớm một chiều “*dốt cháy trong lòng mình những phong cảnh cũ, đuổi khỏi lòng mình tất cả những cố nhân*” ý nói ví von kiểu Nguyễn Tuân. Một số độc giả nhiệt tình, yêu cầu *Điễn Đàn* dứt khoát với quá khứ, mà quên rằng bản thân họ cũng là “*phong cảnh cũ*”. Và mỗi chúng ta đều là quá khứ của nhau, *dẫu lìa ngó* ý...

Về phương diện cá nhân, anh em biên tập *Điễn Đàn* — vẫn ngoài tôi ra — phần đông đã có trách nhiệm trong nhiều phong trào Việt kiều từ hai, ba mươi năm rồi, qua những thử thách lớn lao của đất nước. Nhiệm vụ tạo ra một nếp sống đẽ dặt, cẩn trọng, có phần lạnh lùng, xa cách. Phần lớn họ đều là nhà giáo, nhà nghiên cứu ở cấp chuyên môn ; nếp sống mô phạm, nghiệp vụ cô đơn, điều kiện vật chất eo hẹp, họ ít giao du, tiết kiệm lời nói, né tránh phù phiếm và tiếng động. Thiết tha với độc giả từ nhiều năm, họ vẫn xa cách — xa cách như một đối phó với cuộc đời, một trầm tư từ ngoại cuộc — trong khi, có lần, họ làm nên thời cuộc. Ngay tiếng nói của họ, bài viết của họ, dù tha thiết và chính đáng đến đâu, vẫn còn xa cách. Họ là những nhà tâm học, phần đông hành nghề khoa học chính xác nhưng cốt lõi của họ là những nhà nho, mà hoàn cảnh có thể biến thành những anh đồ già : *Đói rau rừng thấy thóc Chu mà trả. Khát nước sông trong dòng đục không vơ*. Ngoài cơ nguy chết đói và chết khát, họ còn có khả năng chết thiêu, chết cháy trong rừng sâu như một Giới Tử Thôi thời trước. Đó có thể là điều dở nhưng có khi cần thiết cho cuộc sống và làm cho họ gắn bó với lý tưởng của nhau. Nói là co cụm cũng được.

Cuối cùng, báo *Điễn Đàn* hiện nay đang ở vào tư thế yếu, tư thế cầm cự và phòng ngự, chống đỡ những đả kích và đòn phép đến từ nhiều phía, kèm theo những đạn lạc tên bay. Khi người ta vững lòng tin ở lý tưởng của mình, thì trong tư thế phòng vệ, khó bẽ mềm dẻo và nhuộng bộ. Và từ đó vẫn còn gây ấn tượng ghetto. Nhưng về tư tưởng và tình cảm sâu xa, *Điễn Đàn* có cởi mở không, là chuyện khác. Nói lại cho rõ : đây chỉ là ý kiến một cá nhân tôi mà thôi.

Đặng Tiến

13.11.1991

Ghetto Chị + Ghetto Anh + Ghetto Tôi + ...

Bùi Mộng Hùng

Anh là ai ?

Người xưa có nói, ai làm cho ta trăn trở quay về nội tâm, lòng tự vấn lòng xem mình là ai, người đó là bạn ta. Chuyển này người làm cho anh em Diễn đàn chúng tôi mỗi người phải xét lại chính mình, nhìn lại thế đứng của mình, là anh bạn cố tri Đặng Tiến.

Một câu hỏi đặt ra kể cũng đúng lúc.

Chị, Anh, tôi, hầu hết mọi người chúng ta, ai cũng đã có lúc phải đàm nhận cái thân phận làm người Việt của mình. Vào thời điểm mà dân tộc phải đem xương máu ra đấu tranh để được sống còn, mỗi người, mặt đối mặt với lương tri, phải nhận định, phải chọn lựa chính kiến và hành động. Ai nấy đều sống cái tâm trạng mà một nhà báo nước ngoài mệnh danh là "cuồng nhiệt làm người Việt Nam" (*la rage d'être Vietnamien*) và tự xây cho chính mình một ghetto càng ngày càng vững chắc, chật hẹp cùng với sự quyết liệt của chiến tranh và của đấu tranh. Ghetto của mỗi cá nhân, ghetto của mỗi nhóm, mỗi đoàn thể, mỗi đảng phái... Thật biết kể làm sao cho xiết.

Đối với không ít người Việt Nam trong bao nhiêu năm đó độc lập, thống nhất là điều kiện tiên quyết để đem lại tự do và no ấm cho dân tộc. Hướng chăm bẩm về những mục đích đó, họ đã cắn răng, bấm bụng quên đi những băn khoăn, thao thức riêng tư. Trong chừng mực nào đó có thể nói là có cả ghetto trong tâm hồn và cuộc sống của mỗi người !

Chiến tranh đã chấm dứt. Độc lập, thống nhất đã thực hiện. Vấn đề lớn còn nguyên là làm sao để xây dựng một xã hội tự do, dân chủ, công bằng, trong đó ai ai cũng có chỗ đứng để mưu cầu cơm no, áo ấm, hạnh phúc cho mình và cho mọi người. Việc đầu tiên là phải từ bỏ cái đồng nhất nhuốm màu chết chóc thời chiến, để cho nở rộ muôn màu muôn sắc của một xã hội thời bình. Việc đầu tiên là phải chấp nhận, nâng niu sự khác biệt như quý chuộng mầm sống muôn vẻ. Chấp nhận khác biệt của mỗi người, trong quá khứ và hiện tại, không đòi hỏi một ai phải "đốt cháy trong lòng mình những phong cảnh cũ, đuổi khỏi lòng mình những cố nhân".

Chấp nhận khác biệt là điều kiện tiên quyết để thiết lập đối thoại đích thực, mở đầu cho mọi cuộc bàn cãi, tranh luận đến nơi đến chốn giữa những người, những nhóm có lập trường rõ ràng mà không giáo điều.

Chuyển từ Đoàn Kết sang Diễn đàn dù là do sự đưa đẩy, bắt buộc của hoàn cảnh (thế mới biết trong cái rủi cũng có cái may, nếu biết vận dụng...), nhiều người trong chúng tôi đã cương quyết thoát hẳn ra những ghetto cũ – ghetto của mỗi người cũng như ghetto của ban biên tập – đã tồn tại quá dài dù bốn phía tường xây đã đổ nát khá nhiều (từ ấy mới biết rằng "cách viết, cách suy nghĩ, cách trình bày, tổ chức đã hàn vết từ hơn hai mươi năm nay – sinh hoạt một đời – thì không dễ gì thay đổi").

Chúng tôi muốn Diễn đàn sẽ đón nhận những ý kiến những quan điểm khác biệt, thậm chí trái ngược nhau, miễn là chúng không đi ngược lại những giá trị nhân bản phổ biến

của nhân loại, có lập luận nghiêm túc, dựa trên những dữ kiện vững chắc và nhất là có sự tôn trọng lẫn nhau trong tranh luận.

Là một diễn đàn tự do, Diễn đàn xem tính cách độc lập của tờ báo – không là cơ quan ngôn luận, càng không phải là một dụng cụ tuyên truyền, của bất cứ một tổ chức hay đoàn thể nào – là một điều kiện tất yếu. Có độc lập, thông tin mới trung thực, không vì quyền lợi của đoàn thể của tổ chức mà phải ngăn chặn tin tức, có độc lập thì trên mặt báo ý kiến mới được phát biểu tự do, không phải tránh né những cấm kỵ thường thấy trong bất cứ tổ chức nào.

Thành phần ban biên tập và cộng tác viên cũng phản ánh phần nào tinh thần tờ báo. Trong chiến tranh có anh em đã đặt tất cả tin tưởng vào sự lãnh đạo kháng chiến của Đảng cộng sản Việt nam, và có người không đồng ý trên nhiều quan điểm, đường lối quan trọng nhưng tạm gạt mọi bất đồng để tham gia cuộc đấu tranh được xem là chủ yếu nhằm giải phóng dân tộc. Có người mạc xít, có người ưa thích Sartre và có người là Phật tử thuần thành...

Không ai trong anh em chúng tôi "phủ nhận" quá khứ của chính mình, nhưng trước cuộc khủng hoảng toàn diện hiện nay, trên đất nước và trên thế giới, đều thấy cần phải bình tĩnh, công bằng và sáng suốt đặt lại mọi vấn đề, quá khứ và hiện tại, không tránh né bất cứ điều huy kỵ nào.

(Tiện đây cũng xin nói thêm điều này : Nếu họa hoán nay mai có ai trở lại bàn về nhân vật lịch sử Hồ Chí Minh trên Diễn đàn như trong Đoàn Kết trước đây thì cũng mong chị Thụy Khê sẽ bao dung mà không cho là chúng tôi muốn nhắc đến "cái nhân hiệu trình tòa" của mình như chị đã viết trong bài báo đặt ra được một số vấn đề của nền văn nghệ người Việt ở nước ngoài đăng trong Thế Kỷ 21 số 29.)

Quan điểm, lập trường là thế, làm được hay chẳng không chỉ tùy ở ban biên tập. Nếu cả cộng đồng chưa bỏ thói quen tin chắc chân lý thuộc về mình, đọc một bài báo có ý kiến đối nghịch thì không thèm nói tới, mà có nói đến cũng chỉ để chụp mũ, đả kích trên mặt báo khác, thì khó có được sự tranh luận ý kiến thật sự.

Với quan điểm, lập trường như trên, tôi nghĩ Diễn đàn ở vào tư thế không yếu mà cũng không mạnh, không cầm cự, phòng ngự mà cũng không phản công. Những đả kích, đòn phép, đạn lạc tên bay đến từ nhiều phía vì thế rốt cuộc chỉ rơi vào khoảng không thôi.

Tại sao vậy ?

Xin các bạn đọc bài thơ sau đây của một thiền sư Việt nam mà tôi quên tên :

Nhận quá trường không	(Nhận băng trời rộng
Ánh trăng hàn thủy	Bóng chìm nước lạnh
Nhận vô lưu tích chí ý	Lưu dấu không ý nhận
Thủy vô lưu ảnh chí tâm.	Giữ bóng lòng nước không.)

Hải Thúy trình diễn ca nhạc

Hội Người Yêu Huế (25 rue de Crimée, 75019 Paris)

kính mời bạn hữu đến nghe buổi trình diễn ca nhạc tại :

Phòng khách Cư xá sinh viên Đông Nam Á,

59 bis, Bld Jourdan, 75014 Paris

(métro : Porte d'Orléans hay Cité Universitaire)

tối thứ bảy 25.1.1992 vào lúc 20 giờ 30

TRÍ THỨC VIỆT NAM TRONG DÒNG LỊCH SỬ : LIÊN TỤC VÀ GIÁN ĐOẠN

“ ĐẶNG HUY TRÚ, con người và tác phẩm ”,
“ CỦ NGHÈ TRƯƠNG GIA MÔ ”,
“ VIET NAM du confucianisme au communisme ”

Nguyễn Thắng

Cuối thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20 : mỗi ngày hôm qua của đất nước, của dân tộc. Chỉ có vài thập niên. Ngắn ngủi, dữ dội. Trật tự cổ truyền, tưởng chừng cũ mãi mãi vĩnh cửu, sụp đổ ngay trước mắt. Thời ấy có những người, mắt mờ to, tai lỏng nghe, ra rộng xa, ngoài bờ ruộng, khỏi lũy tre, qua những điều đã được chấp nhận như là chân lý hiển nhiên từ cha đến con, đời này qua đời khác.

Những nhà duy tân ấy, sao dường như xa chúng ta vời vợi ! Dù rằng thế giới ta sống hôm nay phần nào cũng là chính họ nhào nặn nên, mà thật ra chỉ là đời ông, đời cụ của thế hệ hiện nay. Xa cả một khoảng cách viễn kính lịch sử, lấp dưới hào quang hình ảnh những nhân vật nhìn xa thấy trước, nhưng thất bại, cô đơn, kêu gào chẳng ai nghe.

Người ngày nay lần giờ trang sử cũ chạnh lòng tiếc nuối cho một việc không thành, cao đẹp và xa xăm. Còn đâu vị mặn đắng của giọt nước mắt mơi sa, mùi tim gan đậm nát tanh tuốc, nỗi đần vặt đêm dài thao thức trước cái vô định của nước nhà, những khắc khoải quằn quạng mò mẫm tìm đường, nào thấy mối dây liên tục giữa hôm qua và ngày nay, hôm nay dân tộc, đất nước, lại đứng trước một xáo trộn sụp đổ toàn cầu.

Một số sách mới xuất bản gần đây đã san lấp bớt phần nào những thiếu sót nói trên. Cái mới là con người, tác phẩm được giới thiệu là những nhân vật được đương thời mến trọng vì chí khí, vì văn tài, vì hành động, tên còn ghi trong sử sách, nhưng thơ văn tản mạn, mất mát, tên tuổi chỉ còn vài người nhớ tới. Cũng rất mới là tác phẩm đến tay người đọc nhờ sáng kiến tư nhân, con cháu trong dòng họ nhặt nhạnh thư tịch, đóng góp vào chi phí nghiên cứu, xuất bản. Cùng một thời điểm và cũng trong hướng đó, còn phải nói đến Phan Bội Châu Toàn Tập ¹, tuy các tác phẩm của Phan Sào Nam đã được in nhiều lần, nhưng có một bộ mười tập gom nhặt toàn thể văn thơ của cụ cũng tiện lợi không ít.

Xin bàn đến hai tập tài liệu về Tỉnh Trai Đặng Huy Trú ² (1825-1874) và Cúc Nông Trương Gia Mô ³ (1866-1929).

Cả hai đều thuộc thế gia vọng tộc triều Nguyễn, một gốc Thừa Thiên, một miền Nam. Cả hai có lúc làm việc trong triều Huế. Cả hai sinh phải buồi đất nước nghiêng nghèo, lòng lo canh cánh không nguôi, chí đem phương sách Quản Trọng

làm cho đất nước giàu mạnh — Trương Gia Mô còn lấy tự là Sư Quản — cả hai cho đến khi mất, chí không đạt. Đặng Huy Trú ốm chết khi Hà thành thất thủ, ông cùng với Hoàng Kế Viêm rút quân lên Đồn Vàng, Hưng Hóa. Trương Gia Mô gieo mình tự vẫn ở núi Sam thuộc An Giang ngày nay.

Hai cuộc đời có điểm tương đồng. Nhưng hai tác phong, hai thế hệ khác nhau. Khi Pháp chiếm Gia Định (1859) thì Đặng Huy Trú đã ra làm quan được ba năm. Còn Trương Gia Mô, vào năm ba tỉnh miền Tây bị mất nốt (1867) mới lên một, lúc khôn lớn cả nước đã hoàn toàn dưới quyền thống trị của ngoại bang.

Đặng Huy Trú tư cách thanh cao, yêu hoa nhài trong trăng :

Tên nhài quân tử ghét,	Quân tử ố nhĩ danh,
Ta trông nhài bên hiên.	Ngã độc di hiên doanh.
Ta yêu nhài sắc trăng,	Ngã ái nhĩ hoa bạch,
Ta yêu nhài hương thanh.	Ngã ái nhĩ hương thanh..

(Hoa nhài, Mạt Lợi Hoa
Ngô Linh Ngọc dịch)

Trương Gia Mô, tính nghệ sĩ, trần trộc, cô đơn, mượn lời đúc Khổng tử “ Hình dáng là tiểu tiết, nhưng bảo (ta) giống con chó mất nhà thì thật đúng thay ! Thật đúng thay ! ”, mượn ý câu kinh Dịch “ Dê đực húc vào đậu, sừng bị mắc lại ”, để tự cười mình :

Tuổi trẻ, tiếng khen hão	Tuế tảo thiết hu dự
Vốn chẳng tài đảm đương	Nhĩ thân cố bất trường
Cầu thơ, khổ muôn chết	Cầu thi khổ dục tử
Được rượu, mừng hóa cuồng	Đắc tửu hỉ thành cuồng
Áo não chó mất chủ	Lũy lũy tang gia cầu
Dùng dằng đê mắc vương	Hành hành luy giác dương
Nước trời không, đứng lẻ	Giang thiên không độc lập
Sông chảy, xuống tàn dương	Lưu thủy hạ tàn dương.

Tự trào

Tỉnh Trai trong giờ trực ở nội các, thấy mình bất lực nhưng hào khí hùng hục :

Những hẹn không tài lui nổi giặc,
Hùng tâm kháng khái tiếng gà năm canh
(Độc thị vô tài năng thoát lỗ,
Hùng tâm kháng khái ngũ canh kê.)

Các trực sách hữu Bùi Uẩn Trai phẩm thi)

Cúc Nông nhở tập ấm, ngồi làm ở bộ công trong triều mà rười rượi ý từ quan :

Sửa áo đến để đồ	Chấn y du để lý
Cúi đầu vào công bộ	Đê thủ nhập công ty
Lương hưởng mong nhu	Bổng hưởng bạc u chǐ
giấy	Bộ thư phần nhược ti
Số sách rối tựa tờ	Kính trung nhan sắc hậu
Soi gương, mặt xởi lởi	Mông lý thần hồn bi
Trong mộng hồn u sầu	Dao chỉ Nam sơn tế
Tay chỉ núi Nam hẹn	Chung đương dữ ngã kỳ.
Ngày trở về cùng chờ	(Tức sự)

Bầu nhiệt huyết gởi vào mấy câu thơ tuyệt mệnh, cho núi

sông cho thế hệ đi sau :

Thân già trả lại đất trời
Hóa ra sông gió, hận thù thét vang

Tức kim lão hủ hoàn thiên địa
Hoán tác phong đào, đáy hận minh
(Trương Gia Kỳ Sanh dịch)

Tỉnh Trai, Cúc Nông, một giản dị mà trầm hùng, một thi vị, kín đáo nỗi lòng u uất, mỗi người mỗi vẻ, xin bạn đọc tìm đến tác phẩm của hai nhà mà trực tiếp thưởng lãm.

Nhung trước khi, nhân những sự kiện chép trong hai quyển sách nói trên, đưa các bạn về một hướng khác, theo dòng tư tưởng duy tân từ thế hệ đầu đến thế hệ đi sau, chúng tôi xin góp một ý kiến nhỏ : Thư tịch của tổ tiên còn tàng trữ trong gia đình là những tài liệu quý vì giá trị tình cảm, vì là những tư liệu rất hiếm còn sót lại cho các thế hệ sau tìm hiểu xã hội, tư tưởng, văn hóa đời trước.

Đã là tư liệu khoa học thì khó mà định trước phần nào quan trọng hơn phần nào. Để cho xu hướng nhất thời lấn áp, đến làm giảm mất lượng thông tin của tư liệu là chuyện vô cùng đáng tiếc. Mỗi tình của Đặng Tỉnh Trai lúc mười tam tuổi với cô lái đò thật đẹp. Nhưng dụng cho nó thành hành động đả phá lễ giáo thì phải là những nhà giáo điều, bo bo quyết rằng đã là nhà nho thì phải hành động thế này, người cộng sản thì phải làm như thế kia, quên con người muôn vẻ, quên mất rằng không phải tìm đâu xa, chỉ ngay gần thời đó, Nguyễn Công Trứ đã chẳng ngại mà “ ứ hụ thuyền quyên ” ngay giữa đồng ! Gắng gượng gò ép cho con người lọt vào khuôn khổ giáo điều, đặt hết trọng tâm vào văn thơ, chẳng biết phần liên quan đến tư tưởng duy tân của con người duy tân đầu tiên của đất nước có được quan tâm đúng mức hay chăng ?

Đối với người nghiên cứu, cần nhất là có trong tay tư liệu trọn vẹn, trong hình thức nguyên văn của nó. Văn Hán, văn Nôm chỉ có phiên âm là một nguồn gốc reo rắc sai lầm vì có rất nhiều đồng âm nhưng khác nghĩa và khác tự dạng. Người đọc không khỏi lấy làm tiếc không có được bản chữ Hán, chữ Nôm để đối chiếu với bản dịch trong tất cả các bộ sách nói trên. Thiết nghĩ, cách thức ngăn chặn các tác phẩm cổ không bị thất lạc và để cho các thế hệ mai sau còn có tài liệu gốc mà nghiên cứu, ngoài bản dịch còn cần có một số bản sao chụp lại nguyên bản, phân phối cẩn trọng gia đình họ hàng và nhượng lại cho ai cần, ai thích, cho các trung tâm nghiên cứu và trường đại học. Đã là tài liệu quý thì ai mà ngần ngại không trả cái giá phải trả.

Trở về tư tưởng duy tân, ta đọc thấy Phan Bội Châu ghi trong Việt Nam Quốc Sử Khảo rằng : ” Những năm cuối thời Tự Đức tân học chưa vào, đường biển chưa mở, nhưng đã có người bàn về đại thế của thiên hạ, nói nên kết giao với Anh, Đức, không nên cứ ý lại vào Bắc triều, đã có người xin cử người xuất dương học binh pháp của Tây Âu, xin mở thương cảng thông thương với các nước, xin cử người đi học học thuật của Tây Âu : Thừa Thiên có Nguyễn Lộ Trạch, Đặng Huy Trứ ; Quảng Ngãi có Nguyễn Đức Thuấn ; Nghệ An có Nguyễn Trường Tộ. Họ chính là những người trồng cái mầm khai hóa đầu tiên ở Việt Nam.”

Đặng Huy Trứ (1825-1874) và Nguyễn Trường Tộ (1830-

1871) cùng một thế hệ, đúng là những người có tư tưởng duy tân đầu tiên ở nước ta. Nguyễn Lộ Trạch (1852-1895) đã thuộc về thế hệ sinh sau.

Nguyễn Trường Tộ đến chết không ngừng dâng điều trần cải cách⁴. Đặng Huy Trứ, là quan chức trong triều, có được một vài dịp đem thể nghiệm ý mình. Năm 1866 ông được phép lập *Bình chuẩn sứ*, một cơ quan kinh tế thương mại theo kiểu công tư hợp doanh ngày nay, được triều đình cấp năm chục ngàn quan tiền, ngoài ra gọi vốn tư nhân, kinh doanh trên cơ sở *công tư lưỡng lợi*, – từ ngữ của chính ông đặt ra. Trụ sở ở Hà Nội nhưng hoạt động mở rộng đến các tỉnh Quảng Nam, Vĩnh Long, Gia Định, lo việc buôn bán, khai mỏ, xuất cảng thiếc, tơ lụa, đường, dầu, quế sang Hương Cảng...

Phan Phú Thứ lúc đó làm trong Cơ Mật Viện tiến cử “ Chuyển di sứ này không ai hơn Đặng Huy Trứ ”, ông đi Áo Môn và Hương Cảng hai lần, những năm 1865 và 1867, cao tóc, thắt bím ăn mặc như người Thanh, lần thứ nhì ở lại hai năm thăm dò nghiên cứu tình hình, xem xét cách chế tạo máy móc, đóng tàu, đúc súng đạn, sưu tầm, dịch sách báo các nước, ghi chép kỹ thuật máy hơi nước trong cuốn *Bác Vật Tân Biên* của người Anh, mua được 239 khẩu sơn pháo, đem về nước... Ông mở hiệu ảnh Cảm Hiếu Đường năm 1869, khai sinh cho ngành nhiếp ảnh nước ta...

Tỉnh Trai là người đầu tiên có tư tưởng duy tân, lại may hơn Nguyễn Trường Tộ được đem thi hành tư tưởng của mình trên thực địa. Chính vì thế mà khi đọc **Đặng Huy Trứ Con Người và Tác phẩm**, ta không khỏi lấy làm ấm ức chỉ được thấy tư tưởng và biện pháp duy tân của ông trong bản văn ngắn ngủi “ Trong khi ốm được Dã trì chủ nhân chỉ giáo ” (Bệnh trung đắc Dã trì chủ nhân tú giáo, thi dĩ chí chi).

Thế hệ Nguyễn Trường Tộ, Đặng Huy Trứ, chỉ lẻ loi vài người hiểu rằng dân tộc ta cần tìm đến học một nền văn hóa xa lạ, văn hóa Tây phương. Mới le lói nhen nhúm một ngọn lửa nhỏ đã bị chê bai, nghi kỵ ngay. Vua Tự Đức, khi Đặng Huy Trứ từ trần, phán rằng : “... lập tâm hơi thiên, sợ không bổ ích, vội làm mưu khác,... chưa thấy có hiệu quả mà đã thấy tổn hại, sợ không còn mặt mũi nào trông thấy cha anh họ hàng, cho nên tự chết cho chồng, đáng thương, đáng giận ! ”

Trong thế hệ sau, trẻ hơn hai mươi tuổi có Nguyễn Lộ Trạch (1852-1895), tâm đắc điều trần của Nguyễn Trường Tộ, rút ruột viết *Thời Vụ Sách* dâng lên triều đình, không được lưu tâm, rồi viết *Quỳ Ưu Lục*, *Thiên Hạ Đại Thế Luận*, cất tiếng kêu nhỏ bé đơn côi giữa cơn bão tố dùng dùng cuốn trôi chế độ xưa, thế mạnh ngoại bang tràn ngập chiếm lĩnh, đặt trật tự mới trên toàn thể đất nước. Lộ Trạch chết lúc tuổi bốn mươi ; cô độc, nước mắt, tình thế dường như tuyệt vọng...

Thế mà ngọn lửa lại không tuyệt. Tri kỷ, đồng chí còn dấu vết vương trong câu, trong chữ những bài thơ Cúc Nông tặng Hà Nhân Nguyễn Lộ Trạch, đơn cử ví dụ : *Giữa tiết tháng giêng, Hà Nhân mời đi chơi sông Hương, giữa tiệc làm thơ họa vận* :

*Trường An, khách lưu trú
Nhàn, theo bạn ngao du
Đó đèn phân đêm tối
Chèo lùa nước nhẹ ru
Đàn ca, thương kỵ nữ
Thơ rượu, cười bọn ta
Cùng theo vui trước mắt
Nhớ thời thế sầu ưu.*

*Viễn tác Trường An khách
Nhàn bồi địa chủ du
Đặng quang phân dạ sắc
Châu tiếp yến giang lưu
Huyền ca lân kỵ nữ
Thi tửu tiểu ngô trù
Cộng trực mục tiền lạc
Ninh tri thế thượng sầu*

Lộ Trạch từ trần, ta thấy một mạng lưới kết giao những người có tư tưởng duy tân, hoạt động khắp trong nước : Trương Gia Mô là bạn thân giao với cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Huy, với nhân sĩ miền Nam : Trần Chánh Chiểu, chủ bút báo Nông cổ minh đàm, Lục tinh tân văn, làm báo với ý đồ “biển cải Nam nhân”, lập hội “Minh Tân công nghệ”, mở khách sạn Nam Trung làm nơi tập họp người yêu nước, ủng hộ phong trào Đông du, Nguyễn An Cư, Nguyễn An Khương (thân phụ của Nguyễn An Ninh) những người sáng lập “Chiêu Nam Lầu” làm cơ sở đưa đón thanh niên xuất dương, Nguyễn Viên Kiều, Nguyễn Thành Phương ở Trà Vinh cộng tác viên của Phụ nữ tân văn, Nông cổ minh đàm, các bô lão trong gia đình nhà thơ Đông Hồ Lâm Tấn Phác ở Hà Tiên. Trong gia đình Cúc Nông ở Tân An, anh vợ là Bùi Chí Nhuận lĩnh án đày 30 năm ở Guyane, cháu rể là Trần Hữu Độ, dịch Lương Khải Siêu, viết Biện Chứng Pháp năm 1937-38, lập thư xã “Tân Văn hóa tòng thư”, bị tù đày nhiều phen, ...

Ta thấy sau khi từ quan năm 1904, Phan Chu Trinh (1872-1926) cùng Trần Quý Cáp (1870-1908), Huỳnh Thúc Kháng (1876-1947), trong dịp “Nam du” tiếp xúc với Hồ Tá Bang, Nguyễn Trọng Lội (con Nguyễn Thông), Nguyễn Quý Anh (1881-1911, em Trọng Lội, học trò Trần Quý Cáp) ở Bình Thuận, đến Phan Thiết gặp Trương Gia Mô, rồi cùng với các thân sĩ Bình Thuận, Phan Thiết này hô hào duy tân, cải cách, tổ chức công ty Liên Thành, trường Dục Thanh, lập nhà giảng sách phổ biến tư tưởng dân chủ, tự cường.

Rồi ta thấy trong khoảng 1905-1908, bùng nổ khắp ba miền phong trào Đông du, phong trào cắt tóc, học chữ quốc ngữ, phong trào Đông Kinh nghĩa thực, và chói lọi hai nhân cách Phan Bội Châu (1867-1940), Phan Chu Trinh.

Ta thấy cuối năm 1909, người thanh niên Nguyễn Tất Thành tìm đến người bạn thân giao với cha mình cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Huy : Cúc Nông Trương Gia Mô lúc ấy làm thầy thuốc ở Duồng. Đầu tháng chạp âm lịch 1909, Cúc Nông đưa thanh niên Nguyễn Tất Thành vào thị xã Phan Thiết trên một chiếc ghe buôn của công ty Liên Thành ở Phan Rí cửa, giới thiệu vào dạy học ở trường Dục Thanh. Tháng 10 năm 1910 lại chính Cúc Nông đưa thanh niên Nguyễn Tất Thành lấy tên là Văn Ba vào Sài Gòn, ngủ ở nhà người anh em con bạn dì của ông ở Xóm Cầu Rạch Bần, rồi vài ngày sau vào ngủ ở Liên Thành phân cục Chợ Lớn. Chuyện sau đó chìm bắng cất cánh từ bến Nhà Rồng chắc ai ai cũng rõ.

Đặng Huy Trứ minh họa bước gián đoạn trong tư tưởng của sĩ phu nước ta buổi giao thời và chạm giữa Đông và Tây.

Cuộc đời Trương Gia Mô là một mốc xích trong chuỗi hành trình của tư tưởng duy tân, lúc âm ỷ lan tràn, khi bùng thành phong trào Đông du, phong trào Đông Kinh nghĩa thực.

Và những bước đầu của người sau này lãnh đạo công cuộc

cách mạng 1945 là những bước tiếp nối theo dòng tư tưởng đó. Cách mạng 1945 xuất hiện như một đột biến, nhưng xét cho cùng chỉ là hệ quả của dòng tư tưởng duy tân, và sự có mặt của chủ nghĩa cộng sản cũng chỉ là một việc tất nhiên trong quá trình hình thành tính cách Việt Nam ngày nay, được nhào nặn nên bởi cuộc tranh chấp liên tục giữa hai văn hóa Đông phương và Tây phương.

Tham vọng của Trịnh Văn Thảo trong *Việt Nam Du Confucianisme au communisme*⁵ là tìm cách dựng lại hành trình xã hội — nghĩa là tập thể và cá nhân — của các thế hệ trí thức Việt nam từ 1862 cho đến 1945. Gọi là tham vọng có lẽ không quá đáng vì lý thuyết và phương pháp mà tác giả vận dụng cũng là những viên đá đầu cho một xã hội học hành động và tâm tính.

Xuất phát từ quan niệm trí thức là do vận động của lịch sử mà nảy sinh, tác giả phân tích hình thái “các thế hệ trong thời cơ”, và cho rằng trong một thế kỷ lịch sử Việt Nam vừa qua thời cơ tạo thành các thế hệ 1862 thời mở đầu vong quốc sử, thế hệ 1907 thời thành hình một xã hội tùy thuộc ngoại bang và thế hệ 1925, thời xã hội thuộc địa lâm vào khủng hoảng toàn diện, làm cho các tranh chấp xã hội, kinh tế, chính trị thêm khốc liệt, dẫn đến cách mạng 1945-1954. Thế hệ nào cũng bị phân hóa. Thế hệ 1862, sĩ phu duy tân khoanh trong vòng một thiểu số ; thế hệ 1907, không rõ phải vạch lằn ranh giữa giới cựu học và giới tân học chế độ thuộc địa đào tạo ra hay là giữa trí thức yêu nước và trí thức cộng tác với thực dân ; thế hệ 1925, khi đã có trường đại học, lại xuất hiện bên lề hệ giáo dục thống trị không ít trí thức tự học mà nén. Nhưng suốt qua mọi thế hệ dù là đảng sau người trí thức bảo thủ như Phạm Quỳnh, hay đảng sau nhà cách mạng như Hồ Chí Minh, bao giờ cũng thấy bóng dáng một nhân vật khổng giáo, đa dạng nhưng cố định : trọng học thức, trọng quyền lực, trọng chính thống.

Xét lại quá trình hình thành trí thức Việt Nam tưởng không phải là một việc phù phiếm trong giai đoạn thế giới đảo lộn hiện nay. Trước thời cơ này trí thức Việt Nam có đóng nổi vai trò của mình, có vượt nổi cái nhìn, cái cách đặt vấn đề hạn hẹp trong khuôn khổ một đất nước nhỏ bé, tìm phương thức giải quyết vấn đề riêng của dân tộc trong hướng thoát đi của cả nhân loại hay chăng ?

Không biết rồi sau này, đến khi hai thế hệ sau lần giờ trang sử, trí thức hôm nay có còn để lại chút tiếc nuối như các nhà duy tân cuối thế kỷ thứ mười chín, hay bị sang trang vì vắng bóng, vì chẳng có gì đáng nói ?

¹ Phan Bội Châu Toàn Tập, Chương Thâu sưu tập và biên soạn, Nhà xuất bản Thuận Hóa, Huế 1990.

² Đặng Huy Trứ Con Người và Tác Phẩm, Nhóm Trà Linh biên soạn ; Nhà Xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh 1990, 562 trang.

³ Cụ Nghè Trương Gia Mô, Nguyễn Nam, Nhà xuất bản Tổng hợp An Giang 1989, 276 trang.

⁴ Xin nhắc lại Nguyễn Trường Tộ, con người và di thảo của Trương Bá Cần, Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh 1988, công trình nghiên cứu về Nguyễn Trưởng Tộ nghiêm túc và đầy đủ nhất từ xưa đến nay.

⁵ Trịnh Văn Thảo, *Việt Nam Du Confucianisme au Communisme*, Editions l'Harmattan, Paris 1990, 346 trang.

Hoa xuyên tuyết

Hoa xuyên tuyết¹ là hồi ký của Thành Tín, bút hiệu của đại tá Bùi Tín, cựu phó tổng biên tập báo Nhân Dân, tác giả nổi tiếng bản **Kiến nghị của một công dân công bố** tại Paris ngày 27.11.1990². Đài BBC đã phát thanh về Việt Nam toàn văn bản kiến nghị và phỏng vấn tác giả trong 12 tuần liên tiếp ; do đó những đề nghị mạnh dạn của ông Bùi Tín nhằm dân chủ hoá chế độ đã có tiếng vang lớn trong và ngoài nước.

Thừa thắng xông lên, ông Bùi Tín đã khẩn trương khai thác dứt điểm dư vang của sự cố để, non một năm sau, xuất bản tập hồi ký **Hoa xuyên tuyết** tại Hoa Kỳ. Tác giả có một nghìn lý do chiến lược và chiến thuật để phổ biến nhanh tác phẩm ; nhưng sách viết vội vã, in hasty, nhất định phải mang nhiều điểm phiến diện, thô vụng.

Sách được ghi là *hồi ký*, nhưng gọi nó là *bút ký chính trị* như ở bìa sau thì đúng hơn. Viết hồi ký là xem sự cố mình kể lại đã thuộc về quá khứ — là tạo một khoảng cách giữa người viết và sự cố. Xưa nay vẫn vậy, và chúng ta có thể trích dẫn hàng trăm ví dụ cụ thể, như hồi ký của các tướng Võ Nguyên Giáp, Chu Văn Tấn, Vương Thừa Vũ, Lê Chưởng... Thành Tín thì khác : ông muốn sử dụng sự cố như một vũ khí tranh đấu, để thuyết phục, phê phán. Dụng ý đó khả kính khi nó nhắm vào mục đích tốt — cải cách đất nước — nhưng không minh bạch. Tác phẩm nhắc tôi hồi ký của một cựu đại tá khác, tướng Đỗ Mậu, hai ông giống nhau ở hành văn, nhưng khác xa ở tâm trạng : ông Đỗ căm thù, ông Bùi hoà giải.

Hơn ba trăm trang sách chia làm 9 chương, mạch lạc theo thời gian, nhưng tư tưởng lộn xộn, sự cố rườm rà. Thành Tín là một nhà báo, một sĩ quan cao cấp, lao mình vào chính trị, nên bén nhạy, khí khái nhưng thiếu cái sâu của người làm chính trị lắn cái sắc của người làm văn. Ông viết sách như viết phóng sự, có lúc như mạn đàm khi tưởu hậu trà dư — với một số độc giả ít thì giờ, và chờ đợi ở ông những suy nghĩ sâu lắng hơn, góc cạnh hơn, có hiệu lực công phá và xây dựng lâu dài hơn.

Sách trình bày sáu điểm chính yếu sau đây :

- thân thế và sự nghiệp tác giả, những đóng góp vào lịch sử đất nước từ 1945 đến nay.
- trong hoàn cảnh nào đưa ra **Kiến nghị của một công dân** và tiếng vang sau đó.
- hiểu biết về một số nhân vật từ Hồ Chí Minh, Trường Chinh, Lê Duẩn đến... Võ Đại Tôn.
- hiểu biết về các sự cố, như vụ Nhân văn – Giai phẩm, sai lầm trong việc cải cách ruộng đất, chiến tranh Campuchia, đại hội đảng lần thứ 6...
- nhận định về đời sống phương Tây qua những chuyến công du, đặc biệt đời sống của Việt kiều.
- cuối cùng, những ý kiến, đề nghị về chính trị để cải hoá chế độ và đất nước.

Nhiệt tình của Thành Tín rất rõ. Ngoài những điều mắt thấy tai nghe, ông có tra cứu, suy luận dựa trên những con số cụ thể. Nhưng vì hasty, ông chưa làm nổi bật giá trị của sự

cố trong hồi ức và của những luận điểm hay nhận định. Ba chương cuối, một phần ba cuốn sách, đuối sức, lặp lại những điều đã nói qua tập tư liệu **Thành Tín trần tình**² mà lại không sắc bén bằng.

Thiện chí hoà giải, hoà hợp của Thành Tín còn rõ hơn nữa. Có ít nhất là hai lý do : mọi đổi mới và phát triển của đất nước, trong chiều hướng dân chủ, đều đòi hỏi tinh thần hoà hợp, đồng thuận của dân tộc. Thứ đến, bản thân ông Bùi Tín cần sự ủng hộ của dư luận, càng nhiều người càng tốt ; trong hoàn cảnh éo le của ông, ông phải đề phòng cô lập và cách phòng thủ hiệu nghiệm nhất là xông pha vào nhiều giới Việt kiều ở Pháp, ở Mỹ : có thể đây là chổ yếu của **Hoa xuyên tuyết** mà sẽ có nhiều người chê là một thú hương sắc tuỳ thời — và phù du. Nhưng bản thân tôi thì thông cảm với một Bùi Tín, ở tuổi 18 đã lăn vào tuyến lửa Trị Thiên thời Toàn quốc kháng chiến : thà làm những viên đạn lãng phí để mở đầu một cuộc tấn công cho tự do, dân chủ, còn hơn làm một thứ pháo bông cho một đêm kỷ niệm — dù là quốc khánh. Nhưng sao “công tác” hoà giải của Thành Tín vất vả quá ! Chỉ một câu đầu đã thấy vật vã : “*dã 15 năm nay, từ những ngày Hòa Bình, nhiều nỗi đau giằng xé lòng tôi*” (tr. 1). Ông không tìm ra từ ngữ để chỉ ngày 30.4.1975 — đỉnh cao của sự nghiệp mình. Ông không tiện dùng chữ giải phóng, thống nhất... hay mất Sài Gòn, vì sợ mất lòng bên nọ, bên kia. Ông sử dụng chữ Hoà Bình, và cẩn thận viết hoa — những vòng hoa đặt lên vong hồn hơn năm vạn sinh linh vùi thân trên chiến trường Campuchia — và bao nhiêu sinh mạng tại biên giới Việt-Trung ? Rồi còn bao nhiêu câu, bao nhiêu đoạn khác sẽ bị bên này, bên kia phê phán. Điều đó không quan trọng bằng hai điểm sau đây :

♦ Về mặt khách quan, tác phẩm của Thành Tín có đóng góp gì vào công cuộc đấu tranh cho dân chủ và dân tộc hay không ? Theo tôi là có.

♦ Về mặt chủ quan, niềm chung thuỷ lớn lao nhất của một đời người là chung thuỷ với chính bản thân mình, với lương tâm mình trong một vài nguyên tắc sơ đẳng mình tự áp đặt cho mình từ tấm bé. Tôi thấy ở Thành Tín có sự chung thuỷ ấy. Cái còn lại là hoa lá cành, hoa hoè hoa sói, hoa xuyên tuyết hay hoa gì gì thì cũng đại khái vậy thôi.

Đặng Tiến
18.12.1991

¹ **Hoa xuyên tuyết**, 1991, Nhà xuất bản Nhân Quyền, phát hành bởi Saigon Press, P.O. Box 4995, University Station, IRVINE, CA 92716, USA, giá 16 US\$. Ở Pháp, có bán tại những tiệm sách như Nhà Việtnam, Sudestasie (Paris 5), Khai Trí (Paris 13), giá 120 FF.

² **Thành Tín trần tình**, Đoàn Kết, Paris 1991.

2 tác phẩm của G. Boudarel

Đại Đồng tiểu truyện

Nhà xuất bản Jacques Bertoin (Paris) vừa phát hành cùng một lúc hai tác phẩm của Georges Boudarel :

- *Cent fleurs écloses dans la nuit du Vietnam, communisme et dissidence 1954-1956*, (Trăm hoa đua nở trong đêm tối Việt Nam, cộng sản và ly khai 1954-1956), 302 trang, 140 FF.

– *Autobiographie* (*Tự truyện*), 440 trang, 120 FF.

Giới nghiên cứu Việt Nam ở phương Tây (kể cả Nhật và Úc) cũng như những người Việt Nam chú tâm tới ngành Việt Nam học, từ mấy năm nay, đã nóng lòng chờ đón công trình nghiên cứu của G. Boudarel về phong trào Nhân văn – Giai phẩm, ít nhất vì hai lý. Thứ nhất, vì cho đến hôm nay, chưa có một cuốn sách nào — bằng tiếng Việt hay bằng ngoại ngữ — nghiên cứu khách quan sự kiện văn học – chính trị quan trọng này : cuốn *Trăm hoa đua nở trên đất Bắc* của Hoàng Văn Chí (Sài Gòn, 1958) rất bổ ích, song chỉ có giá trị như một tuyển tập những bài văn quan trọng của Nhân văn – Giai phẩm. Nguyên nhân của sự thiếu vắng này cũng dễ hiểu : vụ Nhân văn – Giai phẩm còn là một đề tài cấm kỵ ở Việt Nam, đi tìm tài liệu gốc rất khó, hỏi chuyện các chứng nhân còn sống càng khó hơn. Điều này dẫn tới lý do thứ hai của sự chờ mong : nếu có một người nước ngoài có khả năng và điều kiện làm công việc khai phá đề tài này thì người đó chính là Georges Boudarel vì trước khi là nhà sử học, Boudarel là chứng nhân (ông sống ở Hà Nội từ 1954 đến 1964) quen biết một số văn nghệ sĩ và nhà lãnh đạo trực tiếp hay gián tiếp liên quan tới sự kiện này, và là người say mê Việt Nam đến mức cẩn hộ của ông là cả một kho tư liệu *thượng vàng hạ cám* về Việt Nam.

Đôi dòng giới thiệu như vậy cũng đủ để bạn đọc thấy rõ giá trị của cuốn *Cent fleurs écloses...*, coi như phần đầu của công trình nghiên cứu về Nhân văn – Giai phẩm. Mong rằng năm nay về hưu (tác giả vừa đúng 65 tuổi), Boudarel sẽ hoàn thành tập hai, và trước đó, một nhà nghiên cứu có thẩm quyền sẽ phê bình cuốn sách này trên bình diện khoa học. Chỉ xin thêm một câu : trong lời bạt, tác giả nói tới vụ Hoàng Minh Chính, và những sự kiện văn học – chính trị gần đây, đó là điều tất nhiên, không phải vì *chuyện nọ xọ chuyện kia* (vốn là cố tật của ông) mà vì mối quan hệ hữu cơ, tự tại giữa quá khứ và hiện tại, nhất là khi những vấn đề cơ bản đặt ra trong quá khứ chưa được giải quyết. Nói cách khác, *Cent fleurs...* không chỉ là một công trình sử học mà còn giúp ta hiểu những vấn đề bùn sâu của xã hội Việt Nam hôm nay. Nói như Iouri Afanassiev, viện trưởng văn khoa Mạc tu khoa, “ *Mọi cuộc thảo luận về lịch sử hiện đại phải bắt đầu từ văn học hiện đại. Bởi vì chính văn học, một lần nữa, là cái ‘địa chấn ký’ nhạy bén nhất của thời đại chúng ta* ”.

Nếu được phép đưa cợt, thì tôi xin cảm ơn ông Beucler và những cựu chiến hữu đã tung ra “ vụ Boudarel ” trung tuần tháng 2.1991 ở Thượng viện. Nếu không có chiến dịch *Lynchage médiatique* (tạm dịch : hành quyết theo kiểu Lynch bằng phương tiện truyền thông¹, chủ của ông Léotard, chính khách phái hữu, cựu bộ trưởng văn hóa), thì hôm nay, chúng ta không được đọc *Tự truyện* của G. Boudarel. Mà không có *Tự truyện* thì chắc nhà xuất bản Bertoin cũng khó nhận in kèm (không phải chỉ ở Việt Nam mới có cái nạn bán kèm, mua kèm) cuốn *Cent fleurs...* (thời buổi đảo điên này, sách in phải thu hồi vốn trong vòng 6 tháng mới có lời, ai dại gì xuất bản một cuốn sách nghiên cứu phải đợi vài ba năm mới hoà vốn, nhất là sách thuộc về lãnh vực Việt Nam học đang thoi thóp ở Pháp).

Tôi gọi *Tự truyện* của Boudarel là *Đại Đồng tiểu truyện*, trước hết vì Đại Đồng là cái tên mà giáo sư triết học Trường Marie Curie, Georges Boudarel, đã chọn cho mình khi ông ra chiến khu Nam Bộ tham gia kháng chiến (năm

1950). Miễn cưỡng chọn, vì anh thanh niên Pháp cộng sản ấy dẫn thân bên cạnh kháng chiến Việt Nam không phải vì từ khước nước Pháp (nói chí đến ‘phản bội’ tổ quốc, cái tội mà một tòa án binh sẽ xử anh ‘tử hình vắng mặt’) mà chính là vì muốn trung thành với những giá trị phổ quát của văn hóa và lịch sử Pháp. Rốt cuộc, các đồng chí Việt Nam đã thuyết phục Boudarel bằng lý lẽ rất thực tiễn : cái tên Bu Đa Rên trong cuống họng Việt Nam thật khó phát âm, mà nghe nó Rên Rỉ quá. Thế là anh nghe, nhưng không chịu theo most của các hàng binh, mang những tên Hồ Chí Nam, Hồ Chí Dân..., mà nhận cái tên Đại Đồng. Thế giới đại đồng, ôi cái mộng đẹp của bao nhiêu thế hệ cộng sản, nhất là khi người cộng sản ấy lại lớn lên trong môi trường Thiên chúa giáo.

Đại Đồng, chứ không phải là... Đại Đồng theo lối phát âm bất hủ của tác giả, cũng là người đã mang lại cho công chúng Pháp những bản dịch rất hay của văn học Việt Nam (Ngô Tất Tố, Tô Hoài...), nhưng sau mấy chục năm chấm nước mắm vẫn xung khắc với các dấu thanh của tiếng Việt. Chi tiết tiểu lâm này, kể lại cho vui, cũng biểu hiện cái thế đứng *nửa trong nửa ngoài* của Boudarel, vừa là đồng chí vừa là anh em đầy, nhưng cũng không hoàn toàn là ta, ít nhất từ ngày ông ra ATK (an toàn khu) Việt Bắc, lần đầu được nếm mùi chủ nghĩa Mao qua chế độ tiểu táo, trung táo, đại táo, và quan niệm thành phần lý lịch. Chính cái thế đứng *chân trong chân ngoài* ấy, một khi tác giả đã đoạn tuyệt với chủ nghĩa Stalin, cho phép ông hồi tưởng lại những năm kháng chiến với tất cả sự đồng cảm của người bạn và sự khách quan của người làm sứ.

Tự truyện do đó là cuộc hành trình từ vùng Pháp chiếm (thế giới thuộc địa Sài Gòn, Đà Lạt, với cái ốc đảo độc đáo là Nhóm macxit của Canac) ra chiến khu D (Nam Bộ), rồi dọc theo khúc ruột miền Trung để lên Việt Bắc. Nó cũng là cuộc hành trình theo thời gian : 4 năm kháng chiến và 10 năm ở miền Bắc. Nó còn là chứng từ về một loạt nhân vật, trong đó những người đã (hoặc sẽ) nổi tiếng là Nguyễn Văn Linh, Nguyễn Hộ, Huỳnh Tấn Phát, Tô Hữu... Thiết tha nhất, phải kể bác sĩ Phạm Ngọc Thạch, người đầu tiên Boudarel gặp ở chiến khu, và sẽ gặp lại ở Hà Nội. Tôi không thể không ghi lại lời tâm sự của bác sĩ Thạch về Cụ Hồ, giữa Hà Nội và khuya, trong một quán phở. Và xin ghi nguyên văn bằng tiếng Pháp vì tôi loay hoay không biết dịch ra sao cho chính : “ *Je ne parviens pas à comprendre pourquoi le vieux, qui est si peu conformiste, s'est laissé coincé par une pareille bande de cons aussi conformistes* ”².

Tôi thấy không cần nhấn mạnh phần nói về trại tù binh 113 đã chiếm bao nhiêu giấy và mực từ 10 tháng nay ở Pháp. Boudarel đã tường thuật trung thực sự việc ở đây. Nhưng trong “ vụ ” Boudarel, đương sự chỉ là con vật tế thần của một chiến dịch mà có lẽ chúng ta chưa thấy hết được ý nghĩa và hậu quả. Lời nói của ông, càng trung thực và thành khẩn bao nhiêu, càng nhẹ ký trước những lời nói dối trăng trộn, tiền hậu bất nhất mà các báo đài Pháp đã khuếch âm trong bầu không khí phấn khởi sau ngày chiến thắng vùng Vịnh và sự sụp đổ của “ thế giới đại đồng hiện thực ”. Phải có một sự nghiên cứu liên ngành (xã hội học, chính trị học, sử học...) mới phân tích nổi sự kiện này. Cấp bách và nghiêm trọng hơn, là vấn đề chính trị được đặt ra : các lực lượng chính trị dân chủ (tả cũng như hữu) ở Pháp đã từ nhiệm một cách thảm hại trong vụ này, để mặc cho cánh cực hữu múa gậy vuơn hoang, Chủ nghĩa bài ngoại và kỳ thị chủng tộc

(xem tiếp trang 12)



THÀNH CHƯƠNG

KIỂM ÁI

truyện ngắn

Phạm Thị Hoài

Chỉ có hai mẹ con trong căn buồng như một ga tàu treo mạo hiểm trên tầng năm. Hành khách toàn đàn ông. Họ là những người quen ra vào nơi công cộng. Cứ thử quan sát họ, dù ở một nhà vệ sinh thủ tiền, hay bu quanh một góc tiểu tiện khoan khoái ấm cúng giữa phố, bao giờ họ cũng khác khi ở gia đình riêng. Nghĩa là giấu chổ bí tất thủng dưới lòng bàn chân, cần nhắc tùy mức độ các động tác và lời nói, và hay chột dạ. Xung quanh có ba hàng xóm. Ông số 7 của mẹ, làm nghề thu tiền điện, báo, đến nhà nào cũng thấy một con đực và kè kè bên nó một con cái, không rõ có phải của nhau hay không, nhưng xem ra cố định. Nhà nào cũng thế, khiến ông ta nghẹn ngào. Em đã thử sang xin muối cả ba hàng xóm, quả có thể thật. Riêng nhà em một kiểu. Mẹ thường bảo, mẹ con mình sống kiểu thời chiến. Không có ông nào dáo ngũ, về ở hàn với mẹ.

Trong căn buồng-ga tàu treo của hai mẹ con, cái gì cũng chuẩn bị nhổ neo, không ở yên một chỗ, cái gì cũng phập phờ bay, nhất là bức bình phong vải phin hoa nội địa ngăn giữa nơi tiếp khách của mẹ và góc học tập của em, cái gì cũng mang tinh thần không rõ ngày mai trôi dạt phương nào, trừ những cuống vé của đám hành khách đàn ông. Chúng là kỷ niệm, nên có quyền chất lù lù thành núi, không ai can thiệp được. Kỷ niệm mang hình đầu lọc thuốc lá còn hàn rõ vết răng, vừa cắn vừa ngâm kiểu đàn ông, bẹp gí, nồng nồng. Rồi những bức thư, cả xấp chưa trả lời, cả xấp nguyên không bóc, cả xấp bị xé vụn, rồi những mảnh vụn lại được giấu

dưới một đáy hộp nào đó. Đầu kiểu giấy : ông này xé sổ tay, ông kia rình kiếm loại xa xỉ ngoại quốc, ông nữa dùng loại kẻ ô ly, chắc có con đang học lớp dưới. Rồi những lọ nước hoa được sản xuất từ những nơi có truyền thống yêu đàn bà, đã dùng cạn vẫn xếp hàng góp mặt trên giá. Album ảnh thì đầy những khoảnh trống lem nhem như bộ nhớ của thời gian, với dòng chữ con số chứa toàn bộ điều bí mật đã dập xóa công phu bên dưới. Kỷ niệm còn là những vết thủng trên tường bê tông..., một đồ đạc treo nặng nghĩa tình nào đó đã sơ tán... Mẹ con em sống kiểu thời chiến, kỷ niệm cũng ngụy trang, vội vội vàng vàng. Có lúc, em muốn châm lửa đốt sạch, giải tán luôn cái nhà ga này, hay tệ hơn : dùng chiếc quạt tai voi già nua xua tơi tả đống kỷ niệm không chịu tự động hành quân ấy ra ngoài cửa sổ, cho chúng đậu xuống mái nhà tầng dưới - dưới ấy và dưới ấy nữa, sâu xuống lòng đất, chắc chắn chổ nào cũng là một con đực và một con cái cố định bên nhau -, thành rác rưởi ở đó, công khai băng hoại ở đó và thối hoảng lên, để mỗi lần nhìn ra cửa sổ, mẹ, người nhạy cảm với hương thơm và cái đẹp, phải rùng mình. Nhưng không. Mẹ, hoặc mở toang cửa sổ, mắt phơn phớt một chút xanh, môi phơn phớt một chút hồng, tóc vừa gội sấy thả bènh bồng, miệng không ngậm được vì cứ phải cười một mình và hát một mình, còn tâm hồn thì bay trước xuống tận chân cầu thang tầng một, bất chấp phân chó của cả năm tầng, rao rực chờ, hoặc đóng sập cửa sổ, quét lên những chiếc gối trắng tinh các bức màu nước đầy ẩn tượng xanh hồng và đen xì chì kẻ mắt made in Japan, rồi vò nhau chúng, phản nộ tức tưởi như họa sĩ không hài lòng với tác phẩm, vò nhau tóc tai người ngợm và nữ tính bất diệt của mình, và, hai tiếng đồng hồ sau, bài thơ "Bầm ơi" em chưa kịp thuộc lòng câu kết, mẹ lại mở toang cửa sổ : quá khứ đã được thanh toán dèm hoàng bằng nước mắt ba màu. Thế thôi, chứ mẹ không rùng mình. Núi kỷ niệm còn đó. Mẹ chẳng sống với nó, nên em thành người cai quản. Trong căn buồng-ga tàu treo của hai mẹ con, em là người kiểm vé.

Diễn biến các mối tình của mẹ, tổng kết một cách khoa học, luôn giống nhau : bao nhiêu sung sướng, bấy nhiêu đau đớn, cho cho nhận nhận, cao trào, thoái trào, cộng trừ xong tóm lại là bằng không, trừ trường hợp người đàn ông mới toanh của mẹ, và của em, và dĩ nhiên trừ những khoảnh thư giãn dễ chịu. Nhưng mẹ, người không hề rùng mình trước triển lãm ký ức mà em có thể tổ chức tế nhị ngoài

cửa sổ, trên mái nhà tầng dưới, lại rùng mình trước lý lẽ mổ xẻ và khai quật của em. Những nẻo đường của tình cảm, con gái ơi, bất ngờ phẳng phỏng lắm. Đừng soi mói chúng. Chúng biến hóa vô cùng. Hãy để chúng tự dắt con đi, đừng cố gắng kiểm soát, đừng dùng lý trí làm vũ lực cưỡng lại. Mẹ nói thế, vì mẹ mang trái tim thiếu nữ mù lòa của em. Với em thì đã muộn. Em, vì còn ai nữa đâu trong căn buồng thời chiến, nhận trái tim thiếu phụ mệt mỏi và cạn kiệt cảm xúc của mẹ.

Vậy là, đầu tiên mẹ tò mò, khởi điểm của sự sung sướng. Ông số 7 chẳng hạn gây ẩn tượng đáng kể bởi những ngón tay dài màu vàng nâu luôn lơ đãng. Ông ta là một người đàn ông trung niên có đủ thứ mặc cảm. Thông thường, ông ta trốn khỏi mặc cảm đó, bằng cách theo đuổi những ý nghĩ xa xăm. Người trước đó, em nhớ, có bàn tay ngắn mập mạp, hiếu động, hiện thân của sự vui vẻ. Hắn no đủ và hơi quá vui tính, em nhớ, mẹ đã phàn nàn như vậy. Ông số 7 lơ đãng và phiền muộn. Mẹ đã ngồi ngây ra khi ông ta đốt thuốc lá như thắp hương. Điều thuốc cứ tự cháy tàn trong lòng chiếc đĩa con đựng chén trà hầu như không được dụng tới, hết điều này đến điều khác, những điều thuốc đốt tiền của mẹ trong khi ông ta lơ đãng hướng nội. Nếu có hút vào, ông ta sẽ ho sặc sụa. Nhưng cứ châm thuốc, để đó, hướng nội cái đã. Ông hướng nội, ông hướng ngoại, mẹ chạy vòng quanh, cũng là một thế giới lạc quan.

Ông số 7 là một trong những tai họa lớn nhất của mẹ. Sau ông ta rất lâu, thỉnh thoảng mẹ vẫn đỏ mặt khi bị em bắt quả tang đang đắm đắm nhìn điều thuốc mẹ tự tay đốt trong lòng đĩa, với lời cầu nguyện bí ẩn trên môi. Một tôn giáo mới ra đời. Em đưa cho mẹ một trong chín cái gạt tàn chính quy nằm rái rác khắp nơi, để bất cứ ở tọa độ nào cũng tiện cầm tay với. Rồi em xoay lồng lại, cho mẹ áp hết cả tất cả các đốt xương sống lạc quan của mẹ lên em, tựa vững chắc vào em, vì còn ai nữa đâu trong căn buồng thời chiến. Mẹ quả là phi thường. Mẹ luôn biết cách biến các tai họa thành điều may mắn. Sau ông số 7, mẹ đã may mắn rút ra kinh nghiệm là nên tò mò về những điều thiết thực hơn. Thế là mẹ gấp một ông luôn đứng ra tổ chức rất thành công các hội thảo và hội nghị khoa học cho người khác phò phạc ngồi nghe, còn ông ta, thấu hiểu rằng sự thật nằm trong các cốc bia của những chiến hữu thân thiết, nên chỉ xuất hiện để khai mạc và tổng kết. Sau đó, mẹ quan tâm tới một ông bác sĩ phẫu thuật thẩm mỹ đang chiêu khách cho phòng khám tư nhân. Ông này

hung hồn nêu cao nhu cầu đặt lại, chẳng hạn một ngón chân cho ngay ngắn, dù con người ta phần nhiều xuất hiện dưới mắt nhau trong giày và bít tất.

Khi ông ta về, mẹ lập tức ra mắt trong bộ đồ tắm hai mảnh mà mỗi mùa nghỉ mát mẹ đều thầm nghĩ nó đã hết mốt. Em cùng chiếc đèn bàn Liên Xô cổ ngông gật gù đi vòng quanh mẹ nhiều lần. Phải khách quan, con gái ạ, đừng mẹ hát con khen hay, như thế không tiến bộ được, mẹ yêu cầu khe khắt. Không, mẹ ơi, cơ thể ba mươi sáu tuổi của mẹ thật tuyệt vời, ông bác sĩ miêng cá ngao đó đừng hòng hy vọng, em quả quyết thế. Ông ta hãy về mà cắt dán móng má và xếp lại các ngón chân cho chính vợ ông ta í. Bà í rất cần. Mẹ cảm ơn em. Em cùng chiếc đèn cổ ngông trở về xem xét lần cuối những chỗ lõm lõi trên bản đồ Việt Nam cho cuộc biểu diễn vẽ theo trí nhớ trong giờ địa lý sáng hôm sau. Câu chuyện bên kia bức bình phong của ông bác sĩ khiến em không thể vượt qua đoạn sần sùi ở bờ biển vĩ độ mươi hai / mươi ba. Sau lưng em, mẹ đang hỏi ý kiến tấm gương Pháp, tài sản duy nhất mẹ yêu cầu và được quyền sử dụng sau ly hôn. " Chính con mới là tài sản duy nhất của mẹ, con gái ạ ", mẹ thường nói thế, nhưng lòng tin cậy gửi gắm của mẹ tiếp tục chao đảo giữa em và tấm gương. Ánh mắt mẹ sáng ngời khi chạy trên đường viền khuôn mặt thanh tú và đường cong hoàn hảo của bờ vai, bộ ngực, nhưng tối dần, tần ngần dừng lại và cũng không vượt qua nỗi khu vực tương tự như trên tấm bản đồ của em. Sáng hôm sau, bài kiểm tra địa lý của em là nguyên vẹn mẹ, trong bộ đồ tắm hai mảnh đầy lo âu, hình chữ S. Em đã vẽ đoạn phình ra, sần sùi ở vĩ độ mươi hai / mươi ba thật dảng hoàng, thật êu yếm, để mẹ không cần mặc cảm gì hết, để mẹ đừng tin những tấm gương, dù là gương phẩm chất đã được thử thách của thời xa xưa để lại. Chính vì em, và cho em, chỗ ấy mới sần sùi thế. Nên với em, nó tuyệt đẹp, nó cảm động hơn tất cả những cái bụng mĩ miều của các hoa hậu. Hơn nữa, khi người ta mang một trái tim thiếu nữ luôn đậm loạn xạ, thì cái túi thịt bên ngoài nào có ý nghĩa gì. Và nhìn chung, tại sao phải bận rộn đến thế vì riêng cái tâm thân ? Tại sao phải quan tâm nhiều đến nó thế, dành cho nó lầm phát minh thế, phụ thuộc cuộc đời vào nó thế ?

Mẹ suốt đời mang trái tim thiếu nữ của em.

Ngay chiều hôm đó có cuộc gặp mặt trực tiếp giữa nhà trường và phụ huynh phía bên kia bức bình phong pháp phái.

" Bây giờ, tôi thật không còn ngạc nhiên về điều gì nữa ", thầy giáo dạy địa lý vò nát bức chân dung mẹ, phác họa bởi thiên tài của em, với dòng nghi chú " Mẹ Việt Nam ", rồi lại vội vàng mở ra, vuốt phẳng, nhét vào cặp, để côn trình Ban giám hiệu, và ba chân bốn cẳng chạy thực mạng khỏi căn buồng-ga tàu treo. Thỉnh thoảng cũng có một hành khách nhầm ga như thế. Chẳng qua, thầy chỉ là một người đàn ông nhỏ thó, luôn luôn kinh hoàng trước sự lể phép giễu cợt của đám học trò phổi phao. Rồi sự thân ái của đồng nghiệp cũng giễu cợt. Tôn ti trật tự trong gia đình cũng giễu cợt nốt... Mẹ áp lên má em một giọt nước mắt và không bao giờ nhắc tới ông bác sĩ nữa. Mỗi lần mẹ khóc, bộ ngực mẹ như muốn bật tung ra, rơi vào tay bất cứ ai đang ở gần. Bên kia bức bình phong, đã bao nhiêu ông khách phải làm phúc giữ hộ mẹ bộ ngực không chịu ở yên một chỗ ấy. Em đã nói, trong căn buồng này, chẳng có gì cố định.

Sau tờ mờ, mẹ chuyển sang khâm phục, hoặc xúc động, hoặc cả hai thứ một lúc. Mẹ đã khâm phục đủ thứ. Một ông luôn nói những lời mơ hồ mà mẹ chẳng hiểu gì hết, nhưng mê mệt linh cảm rằng sau đó những điều thiêng liêng to tát. Một ông đi đâu cũng được mời mọc hỏi han, khiến mẹ vô cùng hân diện. Rồi những ông luôn đúng hẹn, ôi con người mới đáng tin đáng quý làm sao, những ông nhạy cảm lạ lùng, những ông nho nhã, những ông khéo tay, những ông cương cường dũng mãnh, những ông rất đổi dịu dàng, những ông mực thước thâm thúy, những ông phóng khoáng bao dung, những ông uyên bác thông minh, những ông vô cùng bí hiểm, những ông mộng mơ, những ông quần áo chả có gì mà trông lúc nào cũng thích mắt, những ông giản dị khiêm nhường, những ông cực kỳ lịch duyệt, những ông trẻ thơ, những ông là đá hoa cương, những ông là người thuyền trưởng, những ông giàu óc thực tiễn, những ông yêu súc vật, những ông luôn biết điều, những ông chói lọi tài năng, những ông quên mình cho lý tưởng, những ông chẳng làm ai buồn, những ông không hắt xì hơi trước mặt phụ nữ và trẻ em, những ông là cả một thế giới độc lập ngang tàng, những ông vui vẻ xách lẵng cho vợ... Các ông ấy, ông nào cũng hơn hẳn những ông còn lại, hơn hẳn và hơn tất cả, ông nào cũng " Tôi thế này ", " Phải tay tôi thì ", " Tôi nghĩ ", " Tôi muốn ", ông nào cũng trình bày mình như một cơ hội lớn trong cuộc đời đến là nẫu ruột này, như thế, hỏi làm sao mẹ nhẹ dạ của em không run lên. Và khi mẹ em đã thán phục, thì xin tạo hóa

đừng tự ái, đừng khuyên nhủ, đấy bao giờ cũng là người đàn ông duy nhất và cuối cùng trên mặt đất. Mẹ mở lòng ra, khâm phục thậm chí những ông " chẳng có gì đặc biệt, nhưng con gái ạ, đấy mới là điều dễ chịu nhất. Rồi sẽ đến lúc con biết đánh giá đúng mức sự dễ chịu ". Em không còn cơ hội để đánh giá điều gì nữa. Em đã sống trước tương lai đàn bà của em trong mẹ, đã gửi cả vào mẹ trái tim mười sáu tuổi cường tráng của em, và nhận chân canh giữ ký ức quá tải ái tình của mẹ. Ở nước ngoài, em có thể là một bồi phòng tốt, được trả lương cao, em có thể là một bồi phòng cầm. Vâng, em mười sáu, em định nghĩa tốt chứng lanh cảm.

Mẹ, đã thành chu kỳ, cứ sau dăm ba cuộc thăng trầm lại lớn tiếng ca ngợi sự dễ chịu thuần túy. Đó là những khoảng thư giãn tắt yếu của mẹ. Mẹ thư giãn ngay trong tình yêu, và tình yêu trong cuộc đời mẹ không ngày nào được nghỉ. Thỉnh thoảng, mẹ nghỉ ngơi trên mặt hồ, trong một nhà hàng ấm cúng mới phát hiện, hay trong một buồng khách sạn ven đê, với slip mặc lần đầu, đồ hộp, và một người đàn ông không thuộc về mẹ, không thuộc về mẹ một khoảng khắc nào, cũng như mẹ tuyệt đối không thuộc về ông ta. Ông ta là cả một khối dễ chịu đồ sộ, với bàn tay nóng ấm mơn man lịch sự, không cuồng cuồng, không thúc bách, bàn tay biết nghe lời và biết yêu thương đặc biệt những khu vực giàu mặc cảm của mẹ, vĩ độ mươi hai / mươi ba, để mẹ nhắm mắt, quên đi cái quá khứ nồng nỗi lối lầm, quên đi đứa con gái vị thành niên mắc chứng lanh cảm, quên đi, hay đừng sống trước những gì chờ đợi, vì em ơi, những nẻo đường của định mệnh làm sao kiểm soát nổi. Em ngốc lầm, em ngu nưa, ông ta bảo mẹ thế, hãy để yên, anh thấy dễ chịu. Mẹ và ông ta, họ không tương tư nhau. Họ biết ơn nhau. Thế, đối với cuộc đời bị thoa mạ thường trực của mẹ, đã là quá nhiều an ủi.

Khả năng xúc động của mẹ lại còn khổng lồ hơn khả năng khâm phục. Mẹ cứ rối rít lên như cần ăngten, bắt đầu từ sóng ngắn dài. Những làn sóng lượn qua nhau, đè lên nhau, nổ lục bục trong lòng em. Lòng em là cái loa hổng từ lâu. Ông số 7, chẳng hạn, đã đánh gục mẹ bằng sự bất hạnh triền miên của ông ta, một sự bất hạnh không cần đèo theo nội dung cụ thể nào, một sự bất hạnh có tính nguyên tắc. Ông ta bất hạnh khi ngồi trước mặt mẹ, bên kia bức bình phong, cả hai cùng im lặng thật hồi hộp và sâu sắc, để tránh cho thế giới học trò của em nguy cơ ô nhiễm. Ông ta tiếp tục bất hạnh, khi em trang trọng kiềm cổ xuống nhà đổ rác, nhân tiện

mua ô mai. Và tất nhiên khi ông ta chào mẹ, để về thuê thẳng con trai chín tuổi đi học, cứ điểm mười năm trăm, điểm chín bốn trăm, điểm tám ba trăm, từ bảy trở xuống không tính, khi ông ta chào mẹ ở chót vót trên tầng năm, để về thực thi nền giáo dục và nghĩa phụ tử kiểu đó, rồi gấp em mọc rẽ bên chiếc xô bẩn ở đâu đó bên dưới, miệng tê dại vì dǎng vì chua không mở ra chào ông ta được, thì nỗi bất hạnh của ông ta nhuộm toàn bộ không gian xung quanh khu cầu thang một vàng hào quang đen ma ám. Sự bất hạnh là cái gì mà quyền rũ thế, em hỏi. Mẹ giật cái xô rác trong tay em, ném choang xuống cầu thang : " Nói như thế là sỉ nhục người khác, con không biết à ? " Cái xô trống rỗng thoát đầu lao vút xuống, ba bậc một, ngập ngừng dừng ở khoảng chiều nghỉ chật hẹp hèn tiễn, rồi quả quyết tự chỉnh hướng, quay lại, khổ sở leo từng bậc thang và nhẫn nhục đứng im trước mẹ, như thầm nói : " Thưa bà, tôi không có sĩ diện. " Mẹ ngất. Sau này, ông số 7 cũng nói, đại ý, ông ta không có sĩ diện. Ông ta là công dân của một đất nước ở vào thời buổi không có gì đáng sĩ diện hết.

Mẹ vẫn mở lòng ra, xúc động trước tất cả : những ông khát vọng không chịu già đều cùng tuổi tác, những ông lạc lõng giữa các bầy nhóm và tập đoàn, những ông chỉ sống để trả thù các thành công không xứng đáng của kẻ khác, những ông cao dưới một mét sáu mươi, những ông dở dang mọi nhẹ, những ông phải tiết kiệm hai trăm gửi xe, những ông lên gân cho cuộc giao du quý phái, những ông không làm cách nào ly hôn được với vợ, những ông đâm đầu vào bệnh lậu trong tinh thần ngơ ngác, những ông vất vả ngược xuôi thu phát những tư tưởng độc đáo, những ông tuyệt vọng chống trả bi kịch bị lãng quên..., và ưu tiên số một là những ông công dân bất hạnh. Hai khả năng của mẹ, khâm phục và xúc động, là hai cánh tay khổng lồ vươn ra ôm trọn thế giới đàn ông, không cho ông nào thoát. Thế, nên khách nhà em thường bắt tay nhau sững sờ. Ông thành đạt chìa tay cho ông chưa thành đạt và ông không bao giờ thành đạt. Họ khinh trọng nhau ở đâu, chứ ở nhà em, tất cả đều bình đẳng trong vòng ôm khổng lồ, trong gọng kìm của mẹ. Giấc mơ đại đồng của nhân loại được thực hiện phân nửa bởi một phụ nữ nhẹ dạ lầm lỗi như thế.

Cũng không ông nào thoát cơn say đắm của mẹ. Mẹ luôn phải say đắm một người đàn ông nào đó. Mỗi lần mẹ say đắm, em còn lại một mình, hai đầu gối kẹp chặt trái tim. Nhiều lần như vậy, nó đông cứng lại trong một hình số 8 vẹo vợ. " Mẹ sẽ mua một con chó Nhật, nhé, xinh

lắm ", mẹ nói thế vào một sáng sớm, khi mẹ rón rén trở về và bắt gặp em ngủ ngồi dằng sau cánh cửa trông ra cầu thang. Mẹ rón rén trở về, guốc cầm trên tay, con hươu ba mươi sáu tuổi, cười bối rối bằng màu môi thật, trông cảm động hơn tất cả những cặp môi rực rỡ của các hoa hậu. Đó là ngoài môi, còn sâu trong cổ họng là những âm thanh bị nén lại theo phép ứng xử, cũng một kiểu phụ từ. Đáng lẽ chúng phải được tự do xô tung ra, kêu lên, gào lên, rằng mẹ đang hạnh phúc. Nhân loại đại đồng và hạnh phúc. Mẹ rất dễ hạnh phúc. Mẹ có thể tự nguyện hạnh phúc trong phạm vi đường kính một mét tư, quây tròn bởi những mảnh bạt và ni lông chắp nối trong khu vườn nhỏ lạo xạo sỏi và tiếng thi thầm rên rỉ của hầu hết các quán càphê. Chủ quán ắt phải là một người đàn bà còn giữ nguyên vẻ lam lũ đức hạnh của một đời làm cán bộ nhà nước. Bà ta sẽ sốt sắng, gần như xun xoe tuôn các đĩa hương dương, thuốc lá điếu lẻ và kẹo cao su vào từng lô ái tình bập bùng kín mít, trong đó có mẹ. Mẹ cũng sẵn sàng hạnh phúc, khi người đàn ông đi cạnh chỉ đi cạnh, chứ không dắt tay mẹ dung dǎng để mẹ được tỏ cho phô phang náo nhiệt vô danh biết, mẹ là người đàn bà được che chở. Mẹ hạnh phúc bất chấp cả ba nhà hàng xóm, thỉnh thoảng nghe tiếng chân ngoài cầu thang lại hé cửa, cho một ví dụ về đạo đức. Em thè, hời các người, từ nay ta không sang xin muối nữa. Thậm chí câu hỏi bằng quen nhiều lần của viên cảnh sát khu vực : " Thực ra, chị làm nghề gì nhỉ ? " cũng không thể ngăn cản mẹ hạnh phúc. Mẹ có hai bằng đại học, bốn ngoại ngữ, ngoài ra còn làm thơ. Mẹ là trí thức hạng nặng.

Con chó Nhật không kịp đến, ông số 7 đã ra đi. Ông ta không có điều kiện hành động giống cái xô rác hôm nào, vì các cuộc chia tay của mẹ bao giờ cũng mang tinh thần chiến tranh : người ta phải dũng cảm và quyết liệt bằng mọi giá. Rồi mẹ sẽ có một tay say đắm số 8, hy vọng rằng không vẹo vợ như số 8 của em, tất nhiên. Nếu cần, mẹ sẽ rút ngắn các giai đoạn tiền say đắm, để nhanh chóng đạt tới cao trào sung sướng hơn. Đó thuần túy là vấn đề kỹ thuật. Nhưng kỷ nguyên sau ông số 7 bỗng mang một dấu hiệu nguy hiểm : mẹ cũng bắt đầu lờ đờ hướng nội. Mỗi lần mẹ hướng nội, em lại còn trơ một mình, nhưng không có thời gian quan sát trái tim lật dị của em, vì còn bận canh chừng ấm điện, tàu ngầm, máy sấy tóc, bếp đun, bàn là, vòi nước, những vật tế cho nội tâm của mẹ. Bất cứ lúc nào, căn buồng-ga tàu treo mạo hiểm của hai mẹ con cũng có thể bùng cháy, hay thê thảm

đắm chìm.

Rồi một chiều, mẹ ra mắt em và tấm gương Pháp dưới dạng một cuộc cách mạng : mái tóc từng làm cả khu cầu thang sặc mùi phân chó phải xao xuyến bấy giờ là một mớ xoắn tít, cụt lùn, màu móng tay móng chân thì nhức nhối với màu môi màu mắt, và triệt để hơn cả là bộ quần áo lồng lánh nhùn nhùn, toàn bộ giống như một con ngỗng đang hoang mang giữa một mốt trưởng giả và mốt híp-pi. Thế là mẹ đã thành một phạm trù. Càng ngày càng nhiều những phạm trù tương tự xuất hiện trên đường em đi học. Các mợ sực tinh cơn thèm sống. Các mợ khuỳnh. Các mợ vứt vỏ keo cao su và cưỡi Honda nát đường em đi học. Em và tấm gương Pháp lần đầu tiên đưa mắt cho nhau : hãy im lặng, không nhất thiết phải tán đồng, nhưng cuộc cách mạng này đáng tôn trọng vì tính chất tuyệt vọng của nó. Mẹ đang phòng lên dữ dội, đang lấn chiếm không gian, đang quyết tâm khẳng định một điều gì đó ghê gớm lắm. Như thế ông số 7 và nỗi bất hạnh công dân của ông ta chưa từng chiếm một chỗ, rồi đuổi không ra nữa trong lòng mẹ. Như thế mẹ, trí thức hạng nặng, yên tâm lầm trong cuộc yêu khổng lồ nhưng mãi mãi đơn độc và bị thỏa mãn thường trực của mình. Như thế em không nêu một tấm gương về sự lãnh đạm, ít nhất cũng với một nửa nhân loại. Mẹ phòng lên trên sự suy nhược của em mà thôi.

Mẹ kéo về một ông nói liên tục, như sợ ngày mai đột tử không kịp nói nữa. " E, này, cô bé ", ông ta thò đầu qua bức bình phong nói với em, " uống một chút chứ ! Đừng có làm bộ mặt khó dể như bà hiệu trưởng thế. Hừm, các người tưởng các người đang ở đâu hả ? Anh Cát Lợi chắc ? Uống đi cháu, bác xin lỗi. Thôi được. Thôi được. Tôi phải đi khỏi đây chắc ? Các người mơ màng quá. Cuộc sống của tôi nhiều ý nghĩa lắm đấy. Em này, cái công ty của anh đang quyết vôi lại. Ra phết. Nay cô bé, cố vào lớp chuyên tin đi, chú bảo đảm việc làm. Nhưng dù sao thịt quay ở chợ này cũng khá. Anh đã tưởng phải đi xa hơn. Thịt quay là vấn đề không đơn giản. Em này... " Ông ta ngoáy liên tục vào bát nước chấm, ra nhà vệ sinh vài ba lần và dội nước ồ ồ, chắc cũng sợ ngày mai không kịp. Bên kia bức bình phong, ông ta lột tất ở chân mình, tuyên bố rằng trên đời đáng ghét nhất là sự ồm ồ. Với ông ta, mọi chuyện đều phải rõ ràng, ngay tức khắc. Mẹ may mắn đi đôi tất chỉ lên tới đầu gối. Mẹ thỏa hiệp một chân, chân kia vẫn thủ tiết. Tiếng mẹ khe khẽ đề nghị tới một quán càphê nào đó. Ông ta gạt đi :

" Vẽ chuyện, con bé nhà em vô cảm." Mẹ đứng phắt dậy, mái đầu xoăn tít ném một đống dấu chấm hỏi rực lửa lên trần nhà. Bên trên là một bầu trời bình thường. Ông ta chờ đợi hồi lâu. Khi không thấy lời đáp nào từ trên ấy, ông ta cũng đứng phắt dậy : " Các người tưởng các người ở đâu há ? Anh Cát Lợi chắc ? " Vì sao ông ta chỉ hâm mộ mỗi nước Anh ? Em bước ra nói : " Mẹ, con đi tìm ông số 7. " Trời, ai dạy con gái đánh số, mẹ ôm mặt lảo đảo.

Rồi lần đầu tiên trong căn buồng-ga tàu treo của hai mẹ con xuất hiện khách dàn bà. Họ gồm ba người, đến vào các chiều thứ năm như trong thế giới quý tộc. Đúng năm giờ, ngày đang bước vào thời điểm đặc cái bắt đầu quấn lấy nhau, thời điểm ông số 7 nghẹn ngào đi thu tiền điện, những cơn đau nho nhỏ cứ dấy lên trong ông ta khi ngủi mùi đưa xào chảo lớn, đúng giờ ấy họ tập trung ở nhà em, mít-tinh ca ngợi tự do. Họ thi nhau thơm nước. Họ mở bia và nước ngọt lốp bốc. Một lát sau họ sẽ lần lượt khóa thân. Toàn những con ngựa không có người cưỡi, xác thịt chảy buồn bã như suối. Một mợ vượt quá mọi kích thước, trừ đôi cẳng chân bắt đầu teo lại. Một mợ đẹp như tạc, đẹp phi lý và lạnh buốt. Một mợ lép kẹp, má lại phình. Cái xê-ri này cũng đáng tôn trọng vì nhu cầu phản kháng của nó. Nhưng em đã già nua, kiệt quệ vì ký ức quá tải ái tình của mẹ. Thêm những xác thịt gào thét của các mợ, em ắt phải gục xuống. Mợ to béo với cẳng chân teo đến véo vào đùi em. Các mợ khác vừa cười hí khinh khích vừa sờ nắn khắp người em : " Xem này, không khéo con bé xơ cứng mất. " Họ, hội từ thiện không tự bố thí nổi cho mình. Có người nào trong số các mợ ấy không từng bị một ông tàn nhẫn bảo rằng các mợ có phòng lên như chiếc chǎn bông cũ bặt lại cũng hết sức vô ích ? Cả mẹ nữa, có bao giờ mẹ giật mình bắt gặp mắt những người đàn ông của mẹ trộm nhìn em ?

Những người bạn gái phóng túng của mẹ gửi cho em mười tám xuân, bằng đúng nửa số năm tháng sung sướng và đau đớn của mẹ. Anh chàng mười tám tuổi đứng giữa mẹ và em, người đàn ông mới toanh hiện nay của mẹ và của em. Sự lạnh lẽo của em đẩy anh ta sang phía mẹ. Nỗi hoảng sợ của mẹ lại trả anh ta về em. Thời chiến hết rồi. Bây giờ người ta thanh toán các hậu quả. Chẳng còn cách nào khác, mẹ phải chữa bệnh cho con gái mẹ. Liều thuốc là mối tình xót xa bất đắc dĩ này.

12. 1990

Phạm Thị Hoài

Thanh Thảo

Xon-nê xe đò

Chất lén mui xe chất vào thùng xe
tất cả là không khí, có chí nặng nề
lốp xe cũ mềm mà em mới cưng
quần gìn áo pun mắt nhìn say mê
như tôi là một chiếc xe đò
tôi nguyện chờ em cùng trời cuối đất
dù chạy bằng than dù chạy bằng xăng
tốc độ thơ tôi sẽ làm em chóng mặt
chúng ta mang cả vũ trụ trên lưng
hình tĩnh dừng trước ba-ri-e kiểm soát
không chờ hàng lâu thuế không chờ hàng
quốc cấm

thùng xe tấp hồn tôi chờ em và vỡ cùng
chúng ta mang cả vũ trụ trên lưng
không khí nụ cười quần gìn áo pun.

Dương Tường

Để ghi trên mộ chí sau này

Tôi đứng về phe nước mắt

1965

Chợt thu

I
Một thoáng gợi tên là heo may
Một hương cây tên là kỷ niệm
Một gốc phổ tên là hò hẹn
Một nỗi nhớ tên là không tên

1969

II
Chiều se sê hương
Vườn se sê sương
Đường se sê quanh
Trời se sê lạnh
Người se sê buồn.

1970

Đỗ Quyên

Thơ mùa thu

tặng PAX

Như chiếc khuyên tai
trên NGƯỜI ĐÀN BÀ Trung Quốc
Đại đất Việt Nam tôi...

Đọng mãi trong rường
nghìn năm trước...
Có những buổi chiều hôm
đặt lên lòng bàn tay
NGƯỜI ĐÀN BÀ này ngắm vuốt...

Thế kỷ văn minh
cần khoe sắc
giương mặt ấy kiêu hãnh một thời
trước nhân loại ngợp dưới ánh mặt trời
lòng lạnh toả từ một vòm đất Việt...
... Đây cũng là thời tuổi tôi
biết ngắm và say những người phụ nữ
đẹp của đời

Thân em tròn chiếc hoa tai
Buổi này người có, buổi mai người
cầm...

Vàng,
Lịch sử đêm đủ hơn ba lần
mảnh đất tôi yêu
đại lục ấy không cần !
... Cũng là khi tuổi tôi biết mình
ngộ nhận vào đời hai chữ NIỀM TIN
Cũng là khi cả cha và con
nhìn hết mắt mình sự phản bội giữa các
quốc gia như trong tình trai gái

Hôm nay lại trở về tay
Người đàn bà ấy chiếc hoa tai vàng
Hết khói vai
những pho sút cột dày
Tôi đóng vào tim một câu té nhức :
Đất nước Việt như cái khuyên tai
cho NGƯỜI ĐÀN BÀ Trung Quốc

... Một lời ai đây bằng quơ
Mà sao tôi nhớ đến giờ chưa người
Đất này gió chuyển... Thu rồi...

Balersdorf, 9.1990